

Số 115

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Cạnh sắc của sự
ganh đua

Tr. 3

Thủy hệ
đa sắc thái

Tr. 32

Hoa phượng ta
ngày ấy

Tr. 57



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

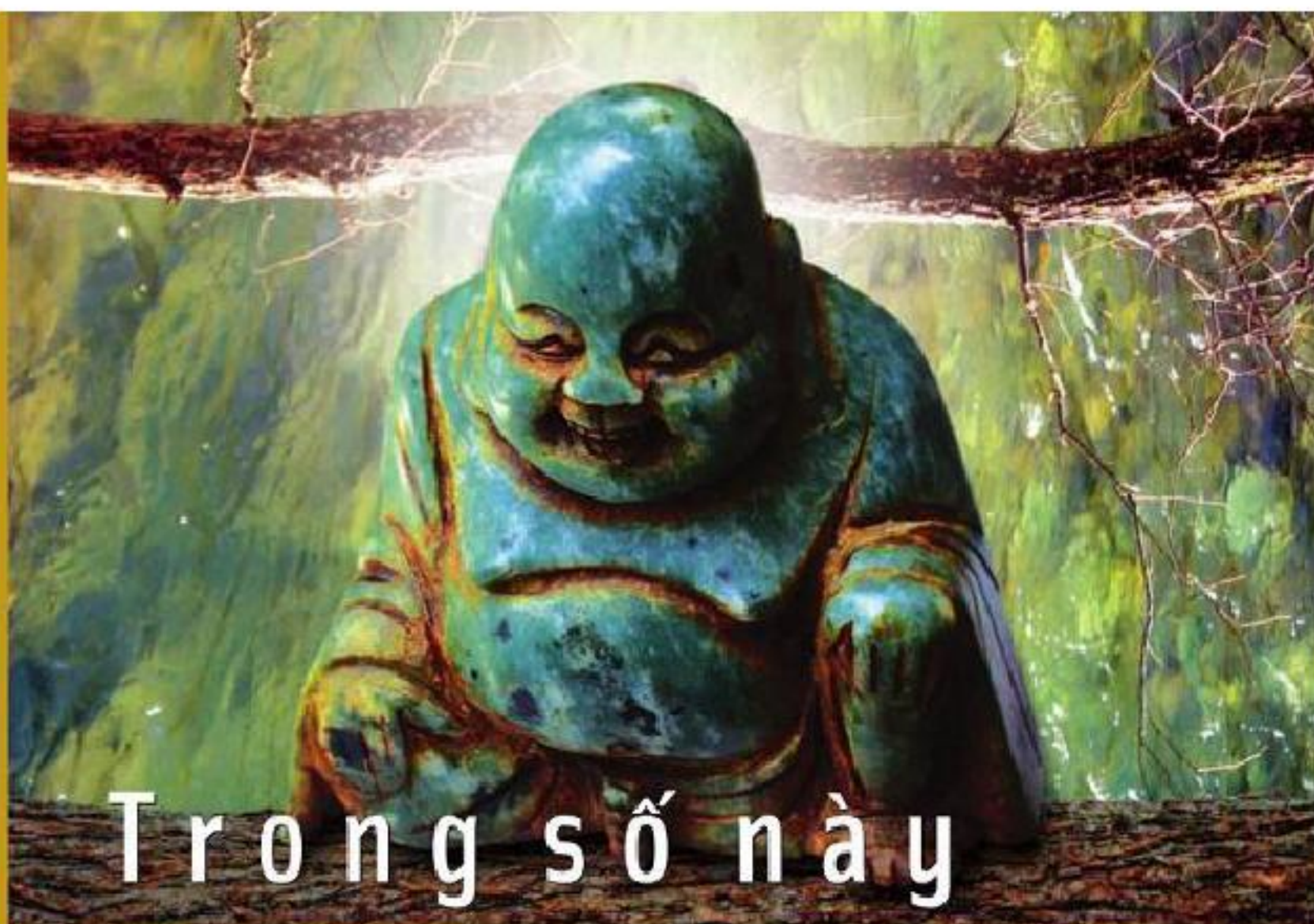
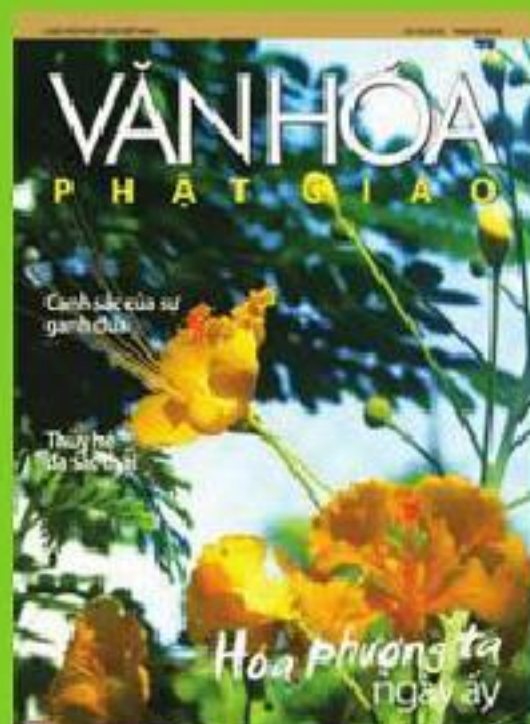
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Cạnh sắc của sự ganh đua (Nguyễn Hiền Phác dịch)	3
Sương mai	6
Tôn Nữ Hỷ Khương, nhà thơ tin Phật (Lương Danh Sơn ghi)	7
Đính chính vài chi tiết về Hàn Mặc Tử (Hoàng Tá Thích)	10
Phát hiện sách <i>Thánh đẳng ngữ lục</i> in tại Ninh Bình (Đồng Dưỡng)	13
Chữ tình trong <i>Truyện Kiều</i> (Hà Thúc Hoan)	17
Nhận rõ con đường hạnh phúc (Nguyễn Dung)	20
Nơi diệu pháp bắt nguồn (Như Tâm)	22
Sức sống và sự phát triển tốt đẹp của xã hội (Nguyễn Thế Đăng)	24
Bạo hành gia đình, nỗi đau xã hội (Phan Minh Đức)	26
Chia phần cho nhẹ (Tấn Nghĩa)	29
Thủy hệ đa sắc thái (Huy Ngoan)	32
Thương về làng cũ (Huỳnh Kim Bửu)	34
Tâm thức mù lòa và đốm lửa mong manh (Nhụy Nguyên)	36
Vang động thanh âm 36 phố phường... (Hố Thu)	38
Với những tấm lòng (Minh Mẫn)	40
Nếu cuộc sống thiếu vắng những nụ cười... (Nguyễn Xuân Chiến)	43
Chuyện ở Tuy Hòa (Hoàng Thị Như Huy)	47
Văn tế nạn nhân vụ sập cầu Cần Thơ (Vinh Ba)	48
Thơ	50
Tóc thế (truyện ngắn của Thái Quang Hy)	52
Hoa phượng ta ngày ấy (Phan Lạc An)	57
Màu thu cao nguyên (Nguyễn Thánh Ngã)	59
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Canh a-ti-sô (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Hoa phượng ta. Ảnh: Đoàn Trang.

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

Ấm Tử Sa *Phủ Quý Thổ*



Mua bán đẹp xng như cần thương ngoạn!

Phòng trưng bày: 491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DĐ: 0903.848.147

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS



Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.BT, TP.HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009

(từ số 84 đến 95)
Số lượng còn hạn chế

Đang phát hành

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

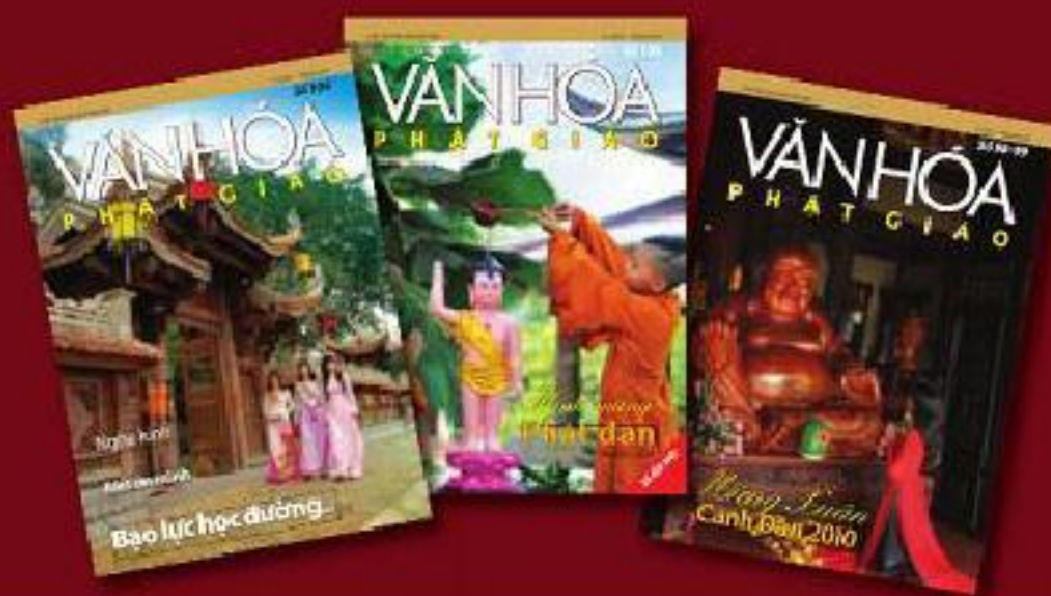


Thông báo về việc tăng giá báo

Kể từ số báo ra ngày 01-01-2011, Tạp chí **Văn Hóa Phật Giáo** ấn định giá bìa như sau:

Số báo thường:	14.000đ/tờ
Số báo đặc biệt in 4 màu:	16.000đ/tờ
Số báo Xuân (ghép 2 số đặc biệt):	32.000đ/tờ

Xin thông báo và mong được quý độc giả tiếp tục ủng hộ.



☐ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**
☐ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương** ☐ **ĐTĐD: 0918 032 040**
☐ Email: vietartsupply@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong số báo trước, chúng tôi đã tường thuật buổi sinh hoạt thường kỳ gần nhất của tòa soạn, trong đó, hai vấn đề được bàn cãi sôi nổi là việc tăng giá báo và việc in lịch tặng các điểm phát hành, độc giả đăng ký báo dài hạn, các ân nhân, thân hữu và cộng tác viên. Tuần qua, một cuộc sinh hoạt bất thường đã được triệu tập để có quyết định chung.

Về việc in lịch tặng, đã có đề nghị nhân tiện nên in lịch bán để bù đắp một phần chi phí, nhưng sau khi cân phân thật kỹ, tập thể VHPG đã quyết định chỉ in lịch tặng mà thôi, vì như thế, mới thể hiện trọn vẹn sự chân tình của mình. Quả thật, tập thể cũng hài lòng với kết quả làm việc của tổ chuyên trách in lịch khi thấy mẫu lịch có chủ đề Hoa Cúng Phật được trình bày. Đúng như đã thưa trong số báo trước, lịch tặng của VHPG không “hoành tráng” nhưng đủ thể hiện cái tâm của những người làm báo gửi đến những người được tặng lịch.

Về việc tăng giá báo, sau khi nghe trình bày của các bộ phận tài chánh và phát hành, tiếp thu ý kiến từ một số cộng tác viên về việc đồng tình với quan điểm của tạp chí là mức nhuận bút không đo được “đẳng cấp” của ngòi bút, cùng với quyết tâm của tập thể về việc tiếp tục chấp nhận mức trợ cấp tượng trưng như hiện nay, toàn thể tòa soạn biểu quyết chỉ tăng đến mức 14.000đ cho các số báo thường, 16.000đ cho các số báo đặc biệt in 4 màu, và 32.000đ cho tờ báo Xuân, là tờ báo ghép hai số. Với mức tăng này, tờ báo sẽ chỉ giải quyết được một ít khó khăn về chi phí in ấn và phát hành, nhưng không sợ mất độc giả, những người bạn đọc thân thiết phần lớn còn khó khăn, ngay cả khi báo chưa tăng giá vẫn phải bán khoản mỗi khi mua báo. Dù sao thì đây cũng là một biện pháp bất đắc dĩ, VHPG mong được mọi độc giả thông cảm.

Trong lúc thực hiện số báo này, chúng tôi được tin lũ lụt nghiêm trọng đã xảy ra ở các tỉnh cực Bắc của miền Trung gây thiệt hại nặng về tài sản và nhân mạng. Tự biết chúng tôi không đủ sức để góp phần vào việc xoa dịu những mất mát về vật chất đối với đồng bào sống trong vùng lũ, Văn Hóa Phật Giáo chỉ xin được chia sẻ về mặt tinh thần. Xin thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ đồng bào vùng lũ bớt thiệt hại và sớm thoát khỏi những khó khăn do hậu quả của lũ mang lại, sớm ổn định cuộc sống sau lũ. Chúng tôi cũng mong mọi đồng bào trong và ngoài nước sốt sắng tham gia các chương trình cứu trợ để thể hiện tinh thần lá lành đùm lá rách.

Thành tâm kính chúc quý độc giả được an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Cạnh sắc của sự ganh đua

KALYANALAKSHMY BHANUMURTHY
NGUYỄN HIỀN PHÁC dịch

Trong việc nuôi dạy con cái, cha mẹ luôn nuôi dưỡng hy vọng thấy con thành đạt. Luôn có sự nài nỉ, thuyết phục, nhắc nhở và kể cả dọa nạt để đòi hỏi sự phục tùng của con trẻ trước những mệnh lệnh của các bậc cha mẹ. Trong mỗi giao tiếp giữa cha mẹ và con cái, có một tỷ lệ đáng ngạc nhiên những nội dung về việc chỉ thị những điều con trẻ phải làm, về việc thúc đẩy con trẻ thực hiện một việc gì đó bằng cách hứa hẹn thưởng, và việc

đe dọa trừng phạt trong trường hợp con trẻ thành tựu một việc gì đó dưới mức độ được trông đợi. Chiến lược mang lại hiệu quả chính là sự ganh đua. Có một niềm tin tổng quát cho rằng ganh đua là công cụ duy nhất giúp con trẻ thành công trong việc học tập và trong sự nghiệp sau này của chúng. Quan điểm đó được chấp nhận rộng rãi đến nỗi ai đó đặt vấn đề về giá trị của sự ganh đua liền bị coi là kẻ không thực tế, lập dị, và còn ngớ ngẩn nữa là khác. Tuy vậy, tôi vẫn muốn đứng trên

lập trường chống đối sự ganh đua với tính cách là một chiến thuật có hiệu quả trong việc khuyến dụ con trẻ và để nghị một cách nhìn khác để các bậc cha mẹ và các nhà giáo tham khảo.

Có năm mái đầu đang cúi xuống cầu nguyện. Đó là năm người phụ nữ trẻ đang trông chờ việc sinh hạ một đứa con. Bằng kỹ thuật cận tâm lý, chúng ta có thể “nghe” được những lời thầm thì van vái của họ. Họ đang cầu nguyện điều gì vậy?

Người thứ nhất: Lạy Trời lạy Phật! Xin Trời Phật cho con một đứa con thật sự thông minh và luôn đứng nhất trong lớp. Khi lớn lên, con của con sẽ trở nên giàu có.

Người thứ hai: Ôi! Lạy Thiên Chúa toàn năng! Xin chúc phúc cho đứa con của con sẽ trở thành một kẻ luôn luôn được xếp hạng nhất. Con của con phải nhận được nhiều huân chương và bằng tưởng lục.

Người thứ ba: Lạy Đức Chúa lòng lành. Con muốn con mình sẽ được theo học tiếng Anh tại một ngôi trường danh tiếng và luôn luôn có điểm tốt trong các kỳ kiểm tra cuối tuần, cuối khóa cũng như các kỳ thi cuối năm, các kỳ thi tốt nghiệp.

Người thứ tư: Lạy Phật, xin cho con có một đứa con khỏe mạnh và hạnh phúc, một đứa trẻ luôn đem lại niềm vui cho mọi người.

Người thứ năm: Lạy Trời, xin ban cho con một đứa con học giỏi, một đứa trẻ thật sự thông minh. Con của con sẽ thành công suốt từ lúc bắt đầu đi học ở một trường công lập cho đến lúc vào một học viện về công nghệ thông tin rồi làm việc ở thung lũng Silicon.

Nghe được những lời cầu nguyện ấy, chúng ta có đồng cảm với họ chăng? Việc mong ước con trẻ luôn được nhất lớp, có nhiều tiền của, nổi tiếng, và thành công rõ ràng là mong ước chung của số đông. Chỉ có rất ít các bậc cha mẹ còn nhớ đến việc mong ước cho con mình có được hạnh phúc *tự thân*, vì lợi ích của chính đứa trẻ.

Vậy thì, sự ganh đua, cũng giống như lòng nhân ái, đã bắt đầu xuất hiện từ gia đình. Khi đứa trẻ bắt đầu biết bò lê bò la trong nhà hoặc mới bập bẹ những tiếng nói đầu đời, các bậc cha mẹ đã bắt đầu tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy con mình sẽ là đứa trẻ hàng đầu. Trẻ con ngày nay không hề có tuổi thơ. Sự nghèo khó đẩy con trẻ ra ngoài đường và sớm phải đóng vai trò của kẻ trưởng thành. Ở giai tầng trung và thượng lưu, lại có quá nhiều áp lực để đứa trẻ phải là kẻ có thành tựu hay là một nhân vật trình diễn. Một người mẹ trẻ hào hứng trưng ra tấm huy chương của đứa con đang ở độ tuổi mẫu giáo, coi đó như một sự công nhận tài năng của mình trong vai trò một người mẹ. Nếu trong học kỳ kế tiếp mà đứa trẻ không đạt được sự tưởng thưởng tương tự, bà ta sẽ tự giày vò mình. Nói chung, những thống kê của việc xếp hạng ấy hoàn toàn không được biết tới. Trong từng lớp học, trước sự vinh quang của một người mẹ, có hàng chục bà mẹ khác thất vọng.

Trẻ con sống gần nhau trong một khu vực cũng tạo nên một cộng đồng xã hội quan trọng. Một chuyến đến thăm công viên “Giải Trí Dành Cho Thiếu Nhi” với những trò chơi đu quay cuồng nhiệt – một nét đặc trưng rất phổ biến của xã hội ta trong vòng vài chục năm trở lại đây – cũng trở thành đề mục cạnh tranh quyết liệt giữa đám trẻ con. Đại gia đình cùng với cộng đồng xã hội gần gũi cũng có những ảnh hưởng qua lại và hậu quả là trở thành một môi trường cạnh tranh khốc liệt cho bấy con nít. Thông thường, tình thân ái bị gây đổ bởi nhận thức của người lớn trước một tình thế nào đó. Một vài thí dụ có thể là như sau: *“Thằng bé nhà bên cạnh vừa được giải thưởng lớn trong cuộc triển lãm khoa học của khu phố. Còn con thì sao?”*, *“Anh họ của con luôn luôn học bài tới 11 giờ khuya. Tại sao ngày nào con cũng đi ngủ sớm vậy?”*, *“Bố sẽ không đến dự buổi lễ trao giải thưởng ở câu lạc bộ. Con có được giải thưởng nào đâu!”*.

Những phản ứng rời rạc như thế trở thành vấn đề so sánh thường xuyên. Ngay cả những điều không thuộc phạm vi khả năng của đứa trẻ cũng không thoát khỏi sự so bì của người lớn. Tôi đã từng nghe nói về một bé gái thường xuyên bị bố mẹ la mắng chỉ vì nước da của em sạm màu hơn nước da của một cô chị họ. Thí dụ về những kiểu bạo hành vô lý như thế có hàng khối.

Những nhận định không suy xét thường gây thương tổn, để lại những vết sẹo không bao giờ lành trong tâm lý con trẻ. Một mối quan hệ tốt đẹp tiềm tàng có thể bị đổ vỡ bởi những sự so sánh thiếu thiện chí đến nỗi đôi khi gây nên những sự đổ kỵ cả đời.

Con người có vô số cách để học hỏi: tiếp thu thực tế, hiểu biết về các quan hệ, phân loại thông tin, vân vân. Ngay từ ban đầu, ngôn ngữ cũng dùng sự so sánh như một phương pháp phát triển nhận thức: *“Bố tôi thấp hơn chú tôi”*, *“Cô ấy có thể bơi nhanh hơn chị của mình”*, *“Tôi là người sưu tập tem thành thạo nhất lớp”*.

Cho dù đó là hình thái tính từ so sánh thông thường hay tính từ so sánh cực độ thì chúng cũng được dùng nhiều lần trong một ngày. *“Để mẹ xem xem đứa nào uống hết sữa trước nhất nào!”*, *“Đứa nào làm xong bài tập về nhà trước thì đứa ấy được đi mua hàng với mẹ”*.

Cứ như vậy, thế giới của ngôn ngữ và nhận thức khái niệm của đứa trẻ mở rộng dần, thông qua sự so sánh và những tương phản. Sự phát triển của nhận thức và kinh nghiệm tiến triển mau lẹ. Sự so sánh về những đối tượng vật chất và hiện tượng mở rộng tới sự so sánh về con người, xâm phạm mà không hề có sự cảnh báo đến cảm nhận về tính độc đáo của từng cá nhân. Và khi sự so sánh trở thành ngọn roi cảm xúc nằm trong tay người trưởng thành thì thế giới trẻ thơ vỡ vụn. Những người trưởng thành như thế lại có thể coi là người văn minh được ư?

Ganh đua trong trường học

Thấy giáo thường khơi gợi sự ganh đua và những tư tưởng thi đua vì cho rằng chỉ có cách kích thích lớp học

như vậy mới đưa tới sự thành công. Có những trường sắp chỗ cho học sinh trong lớp dựa theo thứ hạng của học sinh từng tháng, căn cứ vào điểm số của những kỳ kiểm tra. Đó là một đường lối giáo dục thất sách và gây bất hòa cho học sinh. Có người hỏi rằng trường học có thể được tổ chức ra sao nếu như vắng bóng sự ganh đua. Khi có sự ganh đua, việc xếp hạng, điểm số, phân loại, bảng danh dự và huy hiệu nhất lớp trở thành những vấn đề trọng tâm, chứ không phải là kiến thức và sự hiểu biết. Để tình cảm ganh đua không còn là sự kích thích chủ đạo cho việc thành tựu kiến thức, các nhà giáo phải cố gắng áp dụng những phương pháp sư phạm với tinh thần sáng tạo. Các nhà giáo có thể tổ chức sự ganh đua giữa các nhóm thay vì giữa cá nhân các học sinh. Việc giao bài, nêu dự án, đưa ra cách giải quyết vấn đề cùng nhiều hình thức bài tập khác sẽ sôi động hơn khi được giao cho nhiều nhóm trong lớp. Để tránh sự ganh đua giữa các cá nhân trong những nhóm đã định hình, học sinh nên được thường xuyên phân bổ lại thành các nhóm mới.

Để nghiên cứu, học tập và hành động, cách làm việc có sự cộng tác với nhau giữa các sinh viên là điều cần thiết. Tính ganh đua không ngừng nghỉ có tính cách hủy hoại không chỉ trong lớp học mà còn trong suốt cả cuộc đời. Không ít những nhà giáo dục nổi tiếng đã nhận biết về khía cạnh sợ hãi và bất an gây nên bởi sự ganh đua trong lớp học. Krishnamurti từng nói, *"Điều cao quý nhất mà nhà giáo dục mang lại không chỉ là sự ưu tú trong lĩnh vực học thuật mà quan trọng hơn là sự tự do về tâm lý của chính người đi học"*. Ông nói tiếp, *"Sự ganh đua chỉ hiện diện nơi có sự so sánh, mà sự so sánh chẳng bao giờ mang lại sự ưu tú"*. Thường xuyên cạnh tranh chống đối lẫn nhau, con trẻ khó có thể phát triển sự ưu tú của tâm hồn.

Sự ganh đua quá mức trong các kỳ thi đã dẫn tới sự khổ não về tinh thần cho những người đi học cả ở cấp trung học lẫn cấp đại học, đôi khi đã kết thúc trong thảm họa của việc tự sát hay sát nhân. Những bậc cha mẹ mà con cái của họ thành công trong việc ganh đua thường là những người cổ vũ cho sự ganh đua. Thái độ của họ khi con cái được thưởng thưởng những giải thưởng này bằng tưởng tượng họ là họ cảm thấy giá trị của sự ganh đua đã được chứng minh. Có bao giờ họ dành ra một chút tư duy để nghĩ đến những kẻ không thắng lợi? Phải chăng cũng có sự ưu tú ở "những kẻ khác" ấy? Có phải chúng ta cũng vẫn thường thấy rằng những người được huy chương vàng không nhất thiết là người được trông đợi? Bao nhiêu người đạt những danh hiệu hàng đầu đã là những cá nhân hạnh phúc và được xã hội chấp nhận? Bao nhiêu sinh viên đại học đã thử dùng thuốc kích thích để cải thiện thành tích của mình? (Chính là những loại thuốc kích thích ấy thường làm hỏng tư cách của các vận động viên Thế vận hội).

Một yếu tố vẫn mãi bén cái cạnh của sự thôi thúc

ganh đua có lẽ là hoạt động thể thao. Hoạt động thể thao ngày nay chẳng hề khuyến khích tinh thần thể thao. "Có tinh thần thể thao" là một nhận xét không thể được dùng để nói về bất kỳ ai trong nền thể thao có tính ganh đua. Trên thực tế, thái độ thù ghét lẫn nhau giữa các vận động viên cạnh tranh đã được xây dựng một cách có ý thức. Huấn luyện viên đã đào tạo các vận động viên phát triển "bản năng tiêu diệt". Một phần trăm của một giây mang sự khác biệt giữa sự nổi tiếng với sự bị lãng quên mãi mãi. Vì thế mà những con người của nền thể thao đã được mài bén cho đến khi họ cắt được chính họ. Trang thể thao trên các tờ nhật báo của chúng ta quả thật là một quyển tự điển về chiến tranh. Những từ ngữ như "chiếm ngự", "tấn công chớp nhoáng", "đầu hàng", "đập tan", "nhục nhã", "đánh bại", "bị khuất phục" chiếm vị trí quan trọng trong những hàng tít. Sân đấu thể thao không còn là một sân chơi lành mạnh, mà đúng là một bãi chiến trường!

Mới đây tôi có gặp một nhà khoa học đang làm việc cho bộ phận Nghiên cứu và Phát triển của Microsoft ở Seattle. Ông nói rằng từ khóa cho những dự án thành công ngày nay chính là từ "hợp tác". Khi những người trẻ có địa vị ngôi sao trong làng điện toán gia nhập một dự án, họ nhanh chóng phát hiện rằng họ chẳng thể nào thành tựu được điều gì nếu không làm việc chung với những người khác, trên căn bản một sự hiểu biết thân tình. Làm việc trong sự hợp tác với nhau không chỉ là một chiến lược quản trị, nó đã trở thành một điều kiện cho sự thành công, một mệnh lệnh.

Trong lúc không thể hình dung được một thế giới hoàn toàn vắng bóng sự ganh đua (vì thế giới luôn luôn còn có lĩnh vực quân sự và những thị trường), người ta vẫn có thể khẳng định một cách dè dặt rằng nếu một đứa trẻ được nuôi dưỡng trong một không khí không ganh đua, đứa trẻ đó vẫn có thể thành công ngay trong một thế giới đầy rẫy sự ganh đua. Việc không leo lên được đỉnh của nấc thang danh vọng không nghiền nát đứa trẻ đó về phương diện cảm xúc. Như vậy, đứa trẻ đó dễ thành công hơn. Nếu thành công, đứa trẻ dễ dàng vượt qua mọi chướng ngại với sự hiểu biết có thiện cảm của những kẻ khao khát danh vọng khác. Đứa trẻ đó không để cho những nỗi khổ não về tinh thần của sự so sánh và ganh đua gặm nhấm xương tủy của nó. Cố gắng trong sự ganh đua quyết liệt trở nên một lối suy nghĩ và đưa tới những gánh nặng trong tâm trí với sự qua đi của năm tháng. Việc nhận biết và chấp nhận những tài năng khác nhau nơi mình và nơi người khác nên là một điều được trau dồi. Sự hợp tác với người khác sẽ mang lại sự hài hòa trong tâm thức và trong mối quan hệ với tha nhân.

Nguồn: *Child: February 07, 1999*

The Hindu Folio

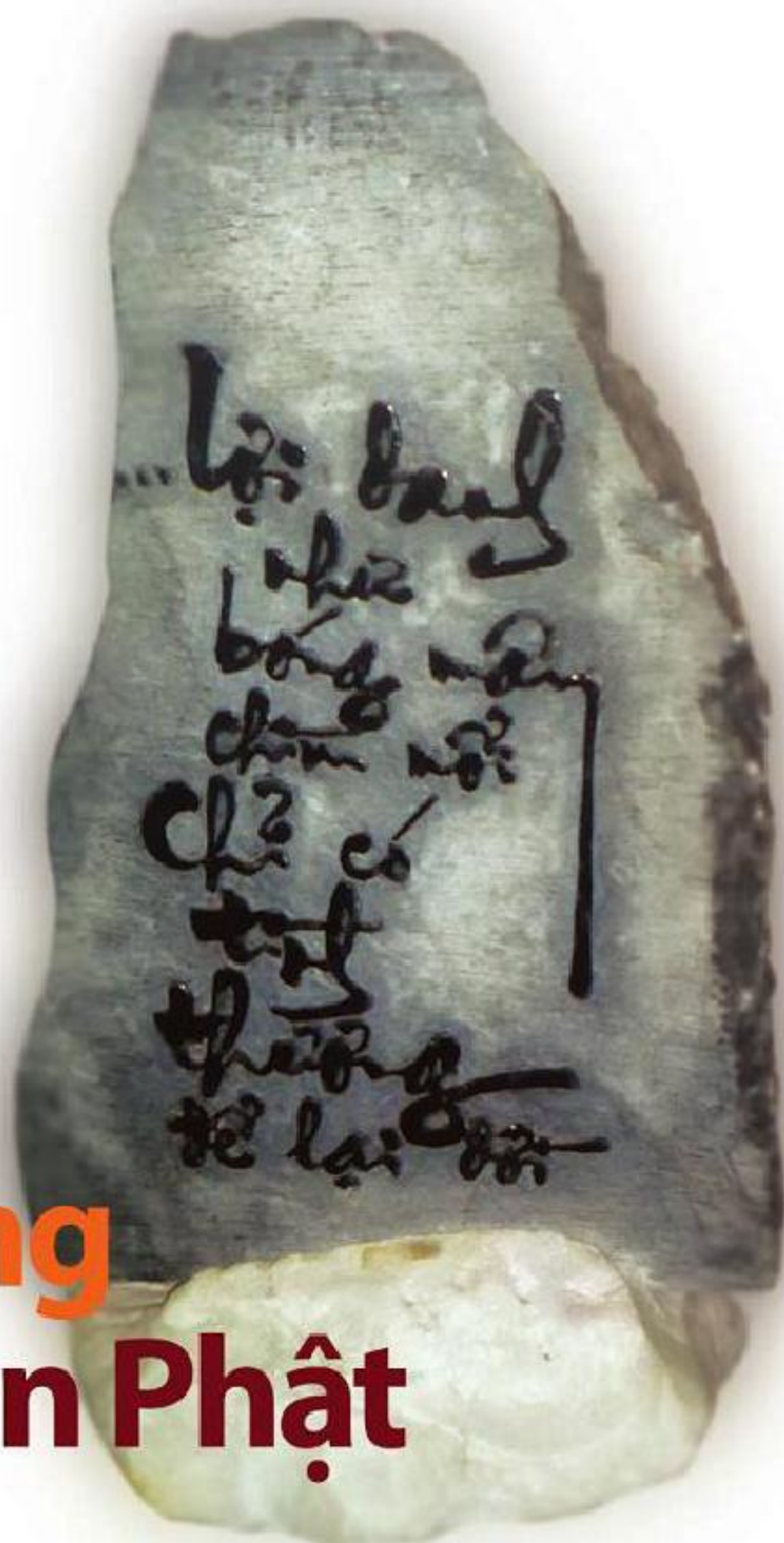
special issue with The Sunday Magazine ■

*Như ngôi nhà khéo lợp
Mưa không xâm nhập vào
Cũng vậy, tâm khéo tu
Tham dục không xâm nhập*

Pháp cú –14

Tôn Nữ Hỷ Khương nhà thơ tin Phật

LUONG DANH SON



LTS: Có người trong giới văn học nghệ thuật cho rằng gần đây đã xảy ra một hiện tượng thơ. Có một vài tập thơ được tái bản nhiều lần mà không thuộc trường hợp tác giả tự bỏ tiền ra trang trải chi phí in ấn; sau khi tuyệt bản chưa kịp tái bản, những tập thơ ấy đã được người yêu thơ tự sao chụp làm nhiều bản tặng nhau. Có một số câu thơ được in trên các tờ lịch treo tường. Có những câu thơ được khắc in lên đá trưng bày trong các cuộc triển lãm khiến nhiều người tranh nhau tìm cách sở hữu những mảnh đá khắc thơ ấy. Cũng có những câu thơ được thể hiện thành tranh thư pháp treo trang trọng tại một số nơi công cộng thanh lịch, được in làm viền chân trong những tập sổ tay ghi chương trình nghị sự, được in phía sau những bức ảnh Phật Bà Quan Âm ở khổ danh thiếp để trao nhau với thiện tâm chúc nhau may mắn... Nội dung những tập thơ và những câu thơ lẻ ấy bàng bạc một hương vị đạo. Tất cả đều là tác phẩm của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương. *Văn Hóa Phật Giáo* xin trân trọng giới thiệu với quý độc giả cuộc trao đổi sau đây để thấy rằng Tôn Nữ Hỷ Khương là một trong những nhà thơ hết lòng tin Phật.

Phóng viên (PV): Thưa chị, với Văn Hóa Phật Giáo, chị vẫn là một người thân. Là ái nữ của nhà văn hóa lớn Ung Bình Thúc Gia Thị, và đối với vị hoàng tử thứ 11 của vua Minh Mạng, Tuy Lý vương Miên Trinh, thì chị là cháu gọi ngài bằng ông cố, chắc hẳn chị đã được thừa hưởng thi tài của hàng vương gia nổi tiếng. Cho nên, trong thời chiến tranh, ngay từ năm 1964, chị đã được nhiều người biết đến qua tập thơ *Đời Mùa Trăng*, rồi sau đó chị cũng đã có thêm gần một chục tác phẩm thơ văn, hầu hết đều mang hương vị đạo. Thế nên việc tìm hiểu nguyên ủy của hương vị đạo luôn bàng bạc trong những bài thơ của chị chắc hẳn là một điều thú vị. Chị có thể cho biết chị nghĩ gì về đạo Phật?

Nữ sĩ Hỷ Khương (NsHK): Ui chao! Câu hỏi rộng quá. Nhưng mà thế này. Với tôi, đạo Phật là nguồn mạch của cuộc sống và là truyền thống nhiều đời trong gia tộc. Gọi là nguồn mạch của cuộc sống vì mọi hiện tượng trong đời sống đều có thể được soi rọi trong giáo lý của Đức Phật Thích Ca. Đã có nhiều người biết rằng theo gia phả hoàng tộc nhà Nguyễn thì tôi thuộc phòng Tuy Lý; nhưng ít người biết rằng Tuy Lý vương cũng là người đã xây dựng chùa Phước Huệ trong làng Vỹ Dạ ở Huế, cạnh phủ Tuy Lý mà người ta thường gọi là phủ Ba Cửa. Nguyên có một người cháu nội của Tuy Lý vương, tôi gọi bằng bác, bác Ứng Đổ, rất mộ đạo Phật và có chí xuất gia, nên vương đã cho dựng một cảnh chùa để bác ấy có chỗ tu hành. Ngôi chùa ấy, sau này Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết có về trụ trì một thời gian. Ông nội tôi là cụ Tiểu Thảo Hường Thiết, con trai Tuy Lý vương, cũng từng cùng các đồng đạo góp công góp của trùng tu ngôi Viên Thông cổ tự và viết một bài văn khắc vào bia ghi nhận việc ấy. Cha tôi, Ung Bình Thúc Gia Thị, rất thân với Hòa thượng Thích Trí Thủ là một vị tôn đức ít



tuổi hơn, đã được Hòa thượng ban pháp danh là Nguyên An. Có một điều thú vị là, vài chục năm sau, khi tôi quy y Tam bảo dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Trí Thủ thì ngài cũng đặt pháp danh cho tôi là Nguyên An.

PV: Thưa chị, như vậy có nghĩa là giáo lý nhà Phật đã thấm vào chị từ trong tiềm thức...

NsHK: Đại chính xác! Khoan nghe, có người nói đùa rằng chữ "đại" này là thuộc bản quyền của Hỷ Khương rồi đó. Trở lại với câu trả lời, tôi vẫn được coi là người thư ký trung thành của cha tôi, vì thế mà tôi thuộc cả thơ văn của cha tôi và của ông cố Tuy Lý vương. Thơ văn của Tuy Lý vương cũng bàng bạc tư tưởng Phật giáo, cũng luôn nhắc đến hình ảnh người nông

dân lao động cơ cực dưới chính sách thuế khóa của Nam triều và luôn đặt nặng chữ tình giữa người với người và giữa người với thiên nhiên. Thơ văn của cha tôi cũng vậy. Ai cũng biết câu hò, "*Chiều chiều trước bến Vân Lâu, ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm...*", nhưng câu hò ấy đã trở thành câu hát dân gian đến nỗi ít người biết nó là câu thứ bảy trong bài *Câu hát mái nhì giữa sông Hương* của Thúc Gia Thị. Nói thế để thấy rằng thơ văn của cha tôi cũng đã đi vào lòng người nhờ nói lên được tâm tình của người lao động nghèo. Bên cạnh đó, cha tôi cũng lồng vào thơ văn của mình nhiều tư tưởng Phật giáo. Sống trong một môi trường như thế, tôi thấm nhuần tinh thần Phật giáo lúc nào không hay.

Nhưng tinh thần Phật giáo đó chỉ là tinh thần từ bi hỷ xả được cảm nhận một cách tự nhiên, rất bình dân, không có tính cách bác học.

PV: Đối với đại chúng thì chính việc cảm nhận tinh thần từ bi hỷ xả một cách tự nhiên, rất bình dân như thế mới là điều tốt, miễn đừng sa vào chỗ mê tín dị đoan hay kiểu cách vươn lên theo lối làm dáng trí thức. Tuy nhiên, chị vẫn là người thuộc hàng quận vương, và các vị tiền bối đều là những bậc tài hoa, học thức...

NsHK: Vâng, tôi hiểu. Điều này cũng bắt nguồn từ chỗ khi tôi ra đời thì cha tôi đã vừa đúng lục tuần và đã về hưu được mấy năm. Từ lúc về hưu, cha tôi dành hết thời gian cho thơ văn. Năm lên tám tuổi, tôi trình với cha tôi bài thơ tứ tuyệt đầu tiên được tôi viết theo đúng luật Đường. Cha tôi rất vui và bắt đầu hướng dẫn tôi làm thơ, ngâm vịnh. Trước hết, tôi cảm được cái tinh thần yêu thương con người và quý trọng thiên nhiên, quý trọng xã hội trong thơ văn của cha tôi. Lâu dần, cha tôi mới giảng giải cho tôi những chỗ uyên áo trong giáo lý nhà Phật, mở rộng những điều đã được cha tôi minh họa qua thơ văn của mình. Như vậy, trước khi hiểu Phật pháp, tôi đã cảm được Phật pháp. Có lẽ cái cảm đó trở thành cái hương vị đạo bàng bạc trong thơ của tôi.

PV: Với hương vị đạo bàng bạc trong thơ của chị, chắc chắn, chị nhận được sự đồng cảm của nhiều người trong giới Phật giáo...

NsHK: Đại trùng luôn! Năm xưa, khi Sư bà Diệu Không vào Sài Gòn lập nên Ni viện Kiều Đàm ở đường Công Lý, nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tôi thường đến thăm. Vào khoảng năm 1987, biết Sư bà trở lại Ni viện Kiều Đàm sau một thời gian dài thường xuyên ở Huế, tôi lại đến thăm và được Sư bà viết tặng tôi một bài thơ Khuyến tu mà hai câu cuối có nói

tới ngôi chùa do Tuy Lý vương xây dựng, “Tiếng chuông Phước Huệ còn vang vẳng; Kể trước người sau chỉ một nhà”. Sư bà rất thương tôi và tôi luôn kính trọng Sư bà, thỉnh thoảng vẫn nhận được sự giáo huấn từ Sư bà. Ni trưởng Thích nữ Trí Hải với tôi cũng là chị em thúc bá; trong hoàng tộc, Ni trưởng cũng thuộc phòng Tuy Lý như tôi. Lúc Ni trưởng Trí Hải còn tại thế, chúng tôi vẫn thăm nom nhau luôn. Ngoài ra, tôi cũng có nhiều dịp đàm luận về thơ văn và đạo pháp với một số vị tôn túc như Hòa thượng Thích Quảng Thạc trụ trì chùa An Lạc nay đã viên tịch, các Hòa thượng Thích Giác Toàn tức là nhà thơ Trần Quê Hương trụ trì tịnh xá Trung Tâm, Hòa thượng Thích Trung Hậu trụ trì chùa Linh Thái, Sư Giới Đức tức là nhà thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh trụ trì chùa Huyền Không Sơn Thượng... Với các bậc tôn túc ngày trước như Hòa thượng Trí Thủ là bốn sư của tôi, tôi vẫn thường xuyên nhận được sự giáo huấn của Ngài. Tôi cũng thường được hầu chuyện các vị như Hòa thượng Thích Minh Châu, hoặc với Hòa thượng Thích Đức Tâm nay đã viên tịch. Tôi cũng có may mắn được thân cận nhiều vị cư sĩ Phật giáo lỗi lạc như cư sĩ Võ Đình Cường, cư sĩ Tống Hồ Cầm, các vị bác sĩ nghệ sĩ như Đỗ Hồng Ngọc, Thân Trọng Minh, Trương Thìn, nhạc sĩ Hằng Vang, Giáo sư Trần Tuấn Mẫn...

PV: Thưa chị, đã có nhà phê bình cho rằng thơ của Tôn Nữ Hy Khương đang gây nên một hiện tượng thơ ca. Trong lúc các nhà thơ hàn lâm đang sốt ruột loay hoay tìm cách khai phá những hình thức thể hiện mới, từ siêu thực đến hậu hiện đại rồi tân hình thức, Tôn Nữ Hy Khương vẫn bình tâm với lối thơ cổ điển; nhà thơ vẫn tiếp tục viết ra những dòng thơ chân chất, tự nhiên. Vậy mà thơ của Tôn Nữ Hy Khương đã bay ra khỏi Việt Nam, được tiếp đón nồng hậu ở hầu như tất cả những nơi có

người yêu thơ. Chị nghĩ gì về nhận định này?

NsHK: Giáo lý nhà Phật dạy rằng mọi sự trong cuộc đời đều có nhân có duyên và đều do tâm tạo. Chắc hẳn đã có những nhân những duyên để tôi có mặt trong cõi đời này là một Công Tăng Tôn Nữ Hy Khương. Về mặt văn học, cũng như thơ văn của Thúc Gia Thi, nhờ động đến mối thương tâm của con người mà được người ta truyền tụng, thơ của tôi cũng chỉ nói lên tấm lòng thành thực của mình trước những gặp gỡ trong đời; và có lẽ những gì tôi nói lên cũng động đến tâm cảm của người cùng thời nên đã được nhiều người chia sẻ. Mặt khác, tôi luôn luôn chấp nhận hoàn cảnh, vì cha tôi đã giảng cho tôi biết rằng hoàn cảnh chỉ là sự chiêu cảm của nghiệp lực, chẳng cách nào tránh né mà nếu muốn và biết thì chỉ có thể làm cho nó biến chuyển thuận lợi hơn nhờ những hành động hiền thiện của mình. Khi tôi cố không làm hại ai mà chỉ mong muốn đem lại niềm vui cho mọi người thì hoàn cảnh của tôi tự nhiên thuận lợi hơn. Tôi có mặt trong cõi đời này một thời gian rồi đến một lúc nào đó, tôi cũng sẽ ra khỏi cõi đời này. Trong khoảng thời gian đó, tôi hoàn toàn tin tưởng vào giáo pháp của Đức Phật, rằng tất cả đều không, đều hư ảo. Cho nên, tôi không dám nghĩ thơ tôi là một hiện tượng. Chỉ nhờ có sự gia trì của chư Phật mà tôi có được những hoàn cảnh thuận lợi hơn một số người khác, thế thôi. Tôi vẫn khẳng định rằng hãy tuyệt đối tin vào sự gia trì của chư Phật thì từng bước mọi hoàn cảnh đều trở nên thuận lợi. Vấn đề là hãy tin vào sự gia trì của chư Phật thì phải biết thực hành lời Đức Phật Thích Ca dạy trong kinh Pháp Cú, “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”.

PV: Xin cảm ơn chị đã dành cho Văn Hóa Phật Giáo buổi nói chuyện thú vị và lợi lạc này. ■

Đính chính vài chi tiết trong các tài liệu về Hàn Mặc Tử

HOÀNG TÁ THÍCH

Nhân đọc bài *Áo trắng vườn xưa thôn Vỹ* của tác giả Hà Thúc Hoan trên
tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 112, ra ngày 01-9-2010.

Đầy thôn Vỹ Dạ

Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay

Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà

Bài thơ này, tựa đề có người cho là *Ở đây thôn Vỹ Dạ*, có người thì bảo chỉ là *Đầy thôn Vỹ Dạ* mà thôi. Trong những tư liệu của chị Hoàng Thị Kim Cúc, không thấy có chữ 'Ở', cả trong bài viết của ông Võ Đình Cường cũng thế. Tuy nhiên, nếu là *Đầy thôn Vỹ Dạ* mà thôi thì có lẽ hợp lý hơn.

Trong số những bài thơ của Hàn Mặc Tử, *Đầy thôn Vỹ Dạ* là bài thơ được nói đến rất nhiều: Sở dĩ như vậy là vì "chuyện tình" Hàn Mặc Tử - Hoàng Cúc vẫn còn là một nghi vấn tranh cãi. Vì không biết rõ ràng, nên nhiều giả thuyết đã được đặt ra một cách không chính xác.

Mới đây ông Nguyễn Đình Niên có tái bản cuốn tiểu luận nghiên cứu về Hàn Mặc Tử (*Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mặc Tử*), xuất bản tại Hoa Kỳ. (Tiểu luận này đã được tuyên dương Ưu hạng tại

Đại học Văn khoa Saigon năm 1973). Ông Nguyễn Đình Niên nguyên là giáo sư dạy môn Văn tại cùng trường Đồng Khánh với chị Hoàng Thị Kim Cúc. Ông đã được chị Cúc trả lời nhiều câu hỏi thắc mắc về Hàn Mặc Tử. Theo tôi thì trong phần nói về mối tình của Hàn Mặc Tử với Hoàng Cúc, ông Nguyễn Đình Niên đã nghiên cứu và viết rất chính xác. Trong tiểu luận này, có đoạn ông Nguyễn Đình Niên thắc mắc không hiểu tại sao Hàn Mặc Tử lại giao phó trọn quyền cho Quách Tấn, trong khi Trần Thanh Địch là bạn tâm giao... và còn những người khác gần gũi hơn (Nguyễn Đình Niên, tr.119). Sở dĩ ông Nguyễn Đình Niên thắc mắc như vậy, vì sau khi Hàn Mặc Tử mất, Quách Tấn đã cho phổ biến những tài liệu sai lạc về mối liên hệ giữa Hàn Mặc Tử và Hoàng Cúc, và từ đó gây ra những nghi vấn tranh cãi. Nhân

đó, tôi cũng muốn nói lên vài điều, vì chị Hoàng Thị Kim Cúc là chị ruột của tôi. Chuyện Hàn Mặc Tử và chị Cúc xảy ra lúc tôi chưa ra đời, và tôi chỉ biết một vài chi tiết nhờ những tư liệu của chị Cúc để lại, hoặc là do gia đình kể lại mà thôi. Những chi tiết ông Quách Tấn đưa ra trong "*Đôi nét về Hàn Mặc Tử*" đã chứa đựng những điều rất không chính xác, như:

"Mối tình giữa một anh chàng đôi mươi với một cô nàng mười lăm mười bảy..." (Thực ra lúc chị Cúc theo ba tôi vào Quy Nhơn năm 1932 thì chị đã vào tuổi 20 rồi). hay: "Tử muốn đưa tình yêu vụng lên đến cuộc hôn nhân, nhưng hôn sự bất thành!"

(*Đôi nét về Hàn Mặc Tử*, Quách Tấn; dẫn lại trong Tiểu luận của Nguyễn Đình Niên, tr. 130)

Không những sự thật đã sai, mà hai chữ 'vụng lên' lại càng không đúng.



Hàn Mặc Tử
1912 - 1940

Lúc ba tôi làm Thương tá Đặc điển ở Bình Định(1932) thì chị Cúc tôi đã vừa hai mươi, theo ba tôi vào ở Quy Nhơn để săn sóc cho ông. Người em họ của chúng tôi, anh Hoàng Tùng Ngâm, ở cùng với gia đình nhưng trong một dãy nhà khác. Hàn Mặc Tử là bạn của Hoàng Tùng Ngâm ở trên cùng đường gần đó nên thường qua chơi với Ngâm. Có những lần đi ngang phía ngoài nhà lớn để đến chỗ của Ngâm ở, qua cửa sổ, Hàn Mặc Tử thấy chị Cúc, lúc nào cũng áo quần chỉnh tề ở trong nhà săn sóc hầu hạ ba tôi, vì thế mới có:

*Bấy lâu sát ngõ, chẳng ngăn tường
Không dám sờ tay sợ lấm hương
Xiêm áo đêm nay tề chỉnh quá
Muốn ôm hôn Cúc ở trong sương.*

Nghe câu “Không dám sờ tay...” tưởng như hai người thường chuyện trò gần gũi nhau mà không dám sờ tay.

Sự thực trong suốt thời gian qua lại với Hoàng Tùng Ngâm ở Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử cũng có hai lần gặp chị Cúc, nhưng chỉ là chào hỏi qua loa, không chuyện trò gì, và chị Cúc cũng chẳng hề biết và để ý đến mối tình thầm kín của Hàn Mặc Tử, đã yêu thầm trộm nhớ. Âu cũng là nòi thi sĩ, thấy giai nhân không thể cầm lòng. Nhất là một thi sĩ đam mê, sống với nội tâm như Hàn Mặc Tử, như sau này đối với một người thiếu nữ khác là Thương Thương vậy. Tất cả những tình yêu đó, Hàn Mặc Tử đều gửi gắm qua Hoàng Tùng Ngâm, nhưng vì chị Cúc thuộc về một gia đình kín cổng cao tường, nên ngay cả anh Ngâm là bà con cũng không dám nói với chị ấy. Mãi đến năm 1936, do một chuyện tình cờ, chị mới hay. Và sau đó, Hoàng Tùng Ngâm mới thú nhận là Hàn Mặc Tử có viết thư và làm thơ nhờ Hoàng Tùng Ngâm gửi cho chị Cúc, nhưng vì sợ làm phiền lòng bạn rợn chị Cúc, nên không dám giao lại.

Như vậy là mãi đến khi gia đình chúng tôi trở về Huế, chị Cúc mới biết Hàn Mặc Tử đã yêu mình say đắm. Dĩ nhiên là chị cũng cảm động và có thể hẳn nhiên có một thi sĩ tài năng yêu mình tha thiết, nhưng vốn là con nhà có nề nếp gia phong nghiêm chỉnh, chị cũng chẳng để lộ tình cảm. Cho đến khi thấy Hàn Mặc Tử phát bệnh nặng (1938), lại càng đau khổ tuyệt vọng với mối tình cảm của mình, Hoàng Tùng Ngâm mới thổ lộ “dùm” với chị tình yêu của Hàn Mặc Tử, và cũng yêu cầu chị gửi vài lời thăm viếng cho Tử để an ủi một người đang trong hoàn cảnh bi đát. Và cuối cùng là chị đã gửi cho Hàn Mặc Tử một tấm bưu thiếp khổ 6x9 chụp phong cảnh sông nước ở Huế, với một lời thăm hỏi khách sáo đằng sau, không ký tên. Chị đã dùng hai chữ “túc hạ” để xưng hô với Hàn Mặc Tử. Tấm bưu thiếp này đã gây ra nhiều nghi vấn, vì ngay cả ông Nguyễn Bá Tín, em ruột của Hàn Mặc Tử, cũng quả quyết rằng chị Cúc đã gửi tấm hình của chị mặc áo trắng. Và cũng vì thế mới có sự giải thích câu “Áo em trắng quá nhìn không ra” một cách cường điệu. Sự thật, sau khi nhận được tấm bưu thiếp, Hàn Mặc Tử có viết vài lời cảm ơn, cũng dùng



hai chữ tức hạ, và có nhắc lại đã nhận được bức ảnh “Bến Vỹ Dạ”... (Võ Đình Cường, *báo Văn Nghệ* số ngày 14 tháng 10 năm 1995). Có lẽ ba chữ “Bến Vỹ Dạ” cũng do Hàn Mặc Tử tưởng tượng ra, vì nhìn một bức hình phong cảnh bến nước làm sao biết đích xác là ở đâu.

Như thế, có thể kết luận một cách khẳng định rằng mối liên hệ giữa Hàn Mặc Tử và chị Cúc, về phía chị thì chỉ là một mối “cảm tình” với người thi sĩ đa cảm, nhất là sau khi biết là thi sĩ đã yêu mình một cách cuồng nhiệt, chị lại càng cảm động và giữ kín những tình cảm đó trong lòng, không như Quách Tấn đã quá lời sai lầm để đi đến chuyện có những vở kịch, phim ảnh nói rằng gia đình chúng tôi đã từ chối lời cầu hôn vì... Hàn Mặc Tử không môn đăng hộ đối!

Quách Tấn là một nhà văn, nhà thơ có tiếng vang trong giới văn học Việt Nam. Ông lại là bạn thân của Hàn Mặc Tử, được sự tin cậy của Hàn Mặc Tử mà còn viết những điều không đúng thì nói chi đến những người khác, chỉ nghe qua nghe lại mà thôi. Nhất là người nào cũng muốn vẽ vời, thêm thắt câu chuyện cho có phần hấp dẫn, gây hứng thú cho người đọc.

Những điều ông đưa ra sẽ là những tư liệu cho việc nghiên cứu cho những người làm văn học, nhưng không hiểu tại sao ông lại không cân nhắc những điều nói ra, để quá sai với sự thật như thế.

Về bài thơ *Đây thôn Vỹ Dạ*, tôi nghĩ đó chỉ là một bài thơ của Hàn Mặc Tử sau khi nhận được tấm hình, đã cảm động và muốn nói lên tình cảm của mình đối với người mình yêu, không nhất thiết phải tả đến ngôi nhà của người mình yêu. Hai câu:

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

cũng chỉ là hai câu thơ thi sĩ muốn nói đến một khu vườn ở Vỹ Dạ, một điều gì đó có liên quan đến nơi chốn của người mình yêu, chứ nhà chúng tôi ở Vỹ Dạ chỉ có tre, làm gì có trúc? Chính Hàn Mặc Tử, lúc nhận được tấm hình, cũng không phân biệt được bến sông trong hình được chụp lúc hừng đông hay đêm trăng (trong thư cảm ơn chị Cúc), nhưng thi sĩ đã viết:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chờ trăng về kịp tối nay.

vì hừng đông thì không thể lãng mạn bằng đêm trăng được.

Tôi cho rằng qua bài thơ *Đây thôn Vỹ Dạ*, Hàn Mặc Tử chỉ muốn gửi gắm tình cảm của mình đối với Hoàng Cúc. Hai câu cuối trong 12 câu thơ đó:

“Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà”

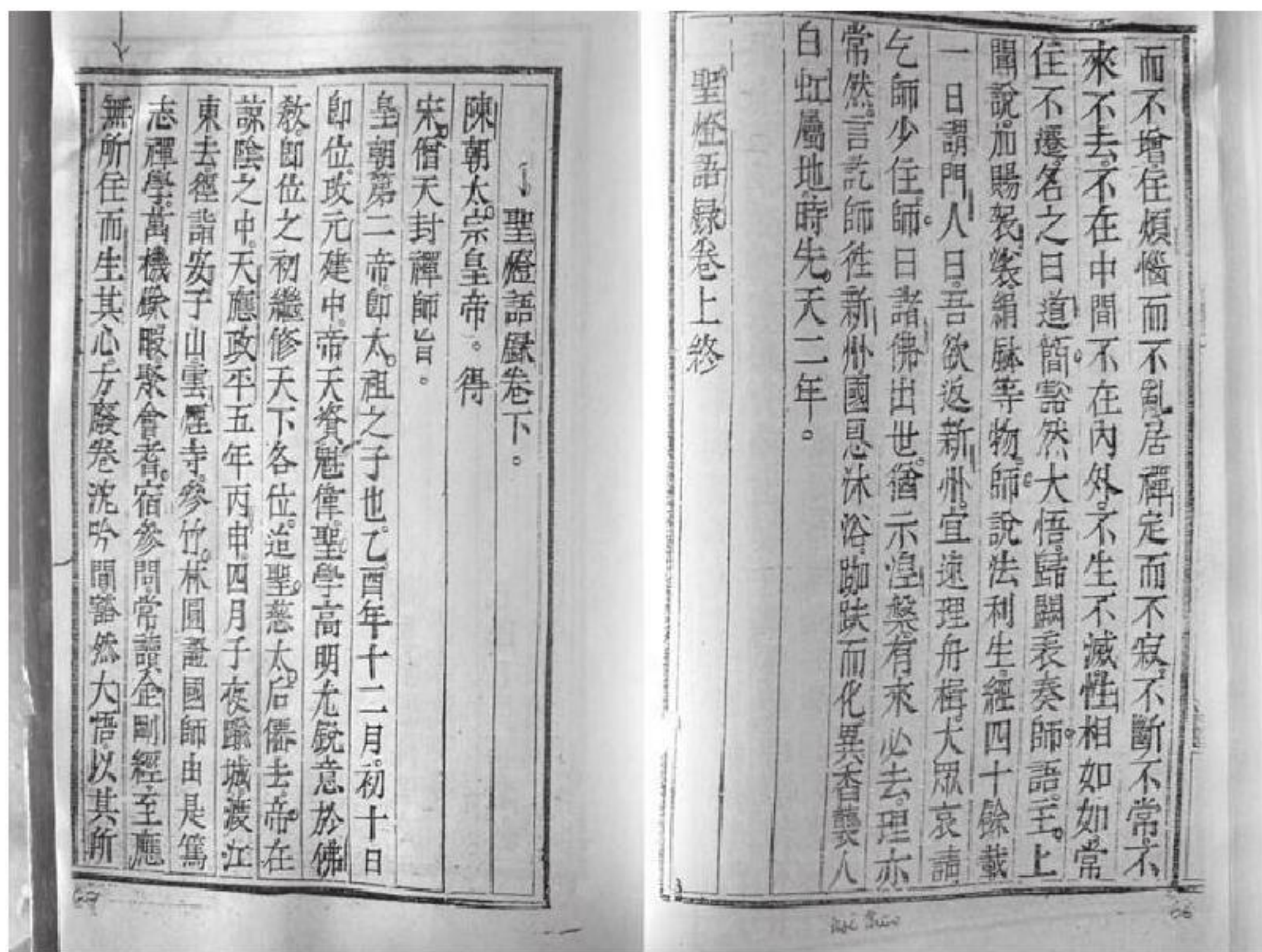
đã diễn đạt một cách đầy đủ và tuyệt vời tình cảm đó. Những phần khác chỉ là phần “ru với gió, mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây” của thi sĩ mà thôi.

Chuyện ông Nguyễn Bá Tín kể lại chị Cúc đã nói “nhà tôi đâu có trồng cau...” là không có. Thôn Vỹ Dạ tuy

không nhiều cau như ở Nam Phổ, nhưng phần nhiều nhà nào cũng có vài cây cau, và chắc chắn là chị Cúc không bao giờ vô cớ đề cập về chuyện cây cau trong bài thơ trên. Và lại, trong bài *Đây thôn Vỹ Dạ*, đâu chỉ nói đến cau, mà còn hoa bắp, lá trúc, có trăng, có nước... Được tặng một bức hình, nghĩa là có một chút nhìn ngó đến của người mình yêu đã là một thứ hình phúc vô cùng, nên thi sĩ đã vì thế mà làm bài thơ *Đây thôn Vỹ Dạ*, nghĩ đến nơi chốn của người mình yêu... Lúc nhận được bức hình thì Hàn Mặc Tử đã bệnh nặng lắm rồi, nên không thể nói là thi sĩ đã đến mà không dám vào nhà... Đây không phải là thơ tả chân, tả cảnh, (như *Truyện Kiều* chẳng hạn) mà chỉ là những mơ mộng của tác giả nên không thể nói là tác giả nhầm thôn Vỹ Dạ với thôn Nam Phổ (Hàn Mặc Tử là bạn thân của Hoàng Tùng Ngâm. Nhà của Hoàng Tùng Ngâm cũng ở Vỹ Dạ, đối diện với nhà tôi, bên kia đường, cũng có cau trong vườn)... Cũng trong tinh thần đó, giải thích câu “Áo em trắng quá nhìn không ra” với lý do Hàn Mặc Tử vì uống thuốc nhiều mà thị lực kém, hay còn đặt thêm giả thuyết nếu chị Cúc không phải mặc áo trắng mà mặc áo màu khác thì thi sĩ sẽ nhận ra v.v. là một điều buồn cười. Áo trắng đây có thể là áo trắng của một cô gái (chưa chắc đã có) trong bức hình của chị Cúc gửi tặng. Có thể là hình ảnh trong ký ức của thi sĩ về một Hoàng Cúc áo trắng chinh tể ở Quy Nhơn mà thôi. Giá như mắt tinh, thì cũng chẳng thể nào nhận ra cái gì trong “áo em trắng quá” cả.

Nói những dư luận về mối liên hệ với Hàn Mặc Tử đã khiến chị Cúc phải ra Hà Nội vô Saigon tìm người quen biết trong giới báo chí để phân trần cái chính thì hoàn toàn không đúng với tính cách của chị Cúc. Lúc có những vở kịch, cải lương, truyền hình nói về cuộc đời Hàn Mặc Tử, người ta đã diễn ra những cảnh không có thực và đã vô tình bôi bác, nói sai lạc về chị Cúc và gia đình, chị đã viết thư yêu cầu Quách Tấn phải đính chính những điều không đúng đó, nhất là có phần nào đụng chạm đến gia đình chúng tôi. Chị cũng có viết thư cho Chế Lan Viên với một vài lời trách móc nhẹ nhàng vì những phát biểu không chính xác về chuyện của chị. Trái lại, chị có cảm ơn Võ Long Tế đã nói một cách đúng đắn hơn. Lại có người quá nhiều tưởng tượng đã nói trong căn phòng của chị Cúc ở trường Đồng Khánh có bàn thờ Hàn Mặc Tử! Cũng như chuyện chị vào thăm bà Như Lễ, thấy có treo bức ảnh không có khung, bèn tự động đi mua một khung mới để thay thế thì quả thật không phải là chị Hoàng Thị Kim Cúc. Ngay cả khi gọi chị là một “thôn nữ” đã thấy có chút gì không ổn rồi.

Một Quách Tấn là người văn thơ, là bạn thân của Hàn Mặc Tử, một Nguyễn Bá Tín là em ruột của Hàn Mặc Tử, mà còn nói một cách sai lạc như thế thì nói gì đến những người chỉ nghe nói hoặc nghiên cứu qua sách vở, tài liệu để bàn chuyện Hàn Mặc Tử? ■



Phát hiện sách **THÁNH ĐẲNG NGŨ LỤC** in tại Ninh Bình

Bài & ảnh: ĐỒNG DUÔNG

Thánh đẳng ngữ lục là tập sách thuật lại hành trạng tu tập của năm vị vua đời Trần, trong đó, lịch sử của vua Trần Thái Tông và vua Trần Nhân Tông được ghi chép rất đầy đủ. Sách có nhiều giá trị về tư liệu sử học và văn học; nhất là sách có ghi chép nhiều thơ văn của các vua nhà Trần với độ chính xác cao, giúp ích rất nhiều cho việc bổ sung và đính chính một số nhầm lẫn của các tập Việt âm thi tập, Toàn Việt thi lục... Vì những lý do đó mà tập sách đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Thánh đẳng ngữ lục hiện nay còn hai bản được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm¹. Một bản in năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750) do sư Tính Quảng viết tựa, sư Tính Lăng đứng ra lo công việc khắc ván². Bản này có tựa đề khá dài Việt quốc Yên Tử sơn Trúc Lâm chư tổ Thánh đẳng ngữ lục kí hiệu A. 2569³. Qua bài tựa, chúng ta biết sách này đã từng được in vào thời Mạc, sau đó đến năm Vĩnh Thịnh nguyên niên (1705), sư Chân Nguyên in lại. Trong bài viết Đi tìm bài một số bài tựa,跋 của Thiền sư Chân Nguyên⁴, chúng tôi đã chứng

minh rằng trong lần in năm 1750, sách vẫn còn giữ bài hậu跋 của sư Chân Nguyên viết mà không có một dòng nào nói về tác giả và năm soạn. Một bản khác được in vào năm Tự Đức thứ nhất (1848) mang ký hiệu AC. 604, chùa Thuận Mỹ tàng bản. Bản này có in thêm vào trước ba bản kinh văn Phật giáo. Bài tựa đề Trung san Thánh đẳng lục tịnh tuyển Phật đồ tự do sư Chân Nghiêm ở chùa Sùng Quang viết. Bài tựa được viết vào thời Mạc nhưng không ghi lại năm và niên hiệu.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu Hán Nôm Phật giáo, chúng tôi được thầy Giác Thành⁵ tặng cuốn Thánh đẳng ngữ lục có nội dung chép truyện năm vua đời Trần giống với hai bản trên nhưng có in thêm vào sách nhiều nội dung khác. Bản này được in vào thời cuối Nguyễn tại Ninh Bình mà chưa ai nói đến. Do đó, chúng tôi sẽ tiến hành mô tả văn bản cùng khảo sát một số vấn đề có liên quan đến bản in.

1. Tình trạng văn bản

Sách có tất cả 67 tờ, phần nội dung chiếm 64 tờ chia làm hai quyển thượng hạ, có một tờ đầu và hơn 2 tờ

sau cùng ghi công đức. Mỗi tờ chia làm hai mặt tương đương với hai trang, mỗi trang 10 dòng, kể theo chiều dọc, mỗi dòng trung bình 20 chữ, khắc đẹp rõ ràng, sách còn nguyên vẹn. Trên gáy sách chia làm ba phần, phần trên ghi *Thánh đăng ngữ lục*, phần giữa gáy ghi số tờ, phần cuối cũng ghi số nhưng không hiểu thứ tự thế nào. Như tờ đầu quyển thượng, phần cuối ghi *Tam bách lục thập tam* tức 363, số thứ tự lùi dần chứ không tăng tiến như số tờ.

Mở đầu sách được trang trí giống tờ bìa, để ba chữ lớn Bàn Long động 蟠龍洞 xung quanh đóng khung, phía trên đề *Đại Nam Hoàng Đế Bảo Đại*, bên trái có lạc khoản "*Bính Dần mạnh xuân chi cát hựu trùng san khắc Thánh đăng ngữ lục*" nghĩa là ngày lành giữa xuân năm Bính Dần (1926) in lại sách *Thánh đăng ngữ lục*, bên phải đề "*Ninh Bình tỉnh Gia Khánh huyện Vũ Lâm tổng Khê Đầu xã bản lưu*" nghĩa là bản lưu tại xã Khê Đầu, tổng Vũ Lâm, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình. Thôn Khê Đầu nay thuộc xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Như thế tờ đầu cung cấp năm trùng san cùng nơi tàng ván, nhiều lúc tưởng tên sách là Bàn Long động vì ba chữ in rất lớn nên dễ nhầm. Mặt sau ghi danh sách các thiền sư gồm có mười hàng. Tờ sau có đề "*Chư quốc lịch đại thánh tổ ngữ lục thượng quyển trùng san tân tự dẫn*" tức bài tự dẫn được viết nhân việc in lại sách. Tờ này chính là tờ đầu quyển thượng, chứ không phân biệt và đánh số tờ riêng cho bài tựa. Bài tự dẫn không ghi lại niên hiệu, năm viết cùng người soạn. Đọc mấy trang đầu, chúng tôi nhận thấy bài tự dẫn này có thể chiếm nguyên một tờ. Nó đến câu: "*Thị cố phổ khuyến thiện hữu hưng công san bản, vĩnh bảo lưu thông. Kỳ tăng Phật nhật, dĩ quang tổ ấn. Nguyên dĩ thử thiện căn, hồi hướng tứ ân tam hữu đồng trượng vãng sinh liên hoa cửu phẩm vãn nhĩ*" thì dứt bài tự dẫn. Quyển thượng bao gồm 32 tờ, cuối tờ 32 ghi "*Thánh đăng ngữ lục quyển thượng chung*" tức hết quyển thượng.

Sau quyển thượng là đến quyển hạ, số tờ được đánh thứ tự lại từ đầu. Tờ 1a dòng thứ nhất ghi "*Thánh đăng ngữ lục quyển hạ*" tức quyển hạ sách *Thánh đăng ngữ lục*. Quyển này cũng có 32 tờ như quyển thượng. Tờ 32 A4 ghi "*Thánh đăng ngữ lục quyển hạ chung*" tức hết quyển hạ. Dòng thứ 5 cùng mặt A ghi lại niên đại cùng một bài thơ do sư Thông Đạt viết. Tờ 32B đến tờ 34 là danh sách công đức của chư Tăng cùng thập phương tín thí ủng hộ tài chính trong công việc khắc in.

Trong bài tự dẫn có đoạn ghi thông tin về người đứng in, viết tựa và duyên khởi khi có bản *Thánh đăng ngữ lục*. Bài tựa dẫn viết: "*Nay đệ tử Trần Kim Liên tự Thông Đạt chùa Khánh Long, xã Phù Dực, tổng Trịnh Xá, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An kiêm chủ động Bàn Long tại tỉnh Ninh Bình. Ngày trước, sư vân du đến chùa Yên Vệ được tự chủ nghênh tiếp, cùng bàn đạo vị, rồi đưa cho một cuốn kinh, lấy ra xem thấy tên đề là Thánh đăng ngữ lục, lắng lòng mà kính cẩn, tinh niệm tư duy...*". Sư Thông Đạt thế

danh Trần Kim Liên trụ trì chùa Khánh Long kiêm chủ động Bàn Long được tự chủ chùa Yên Vệ tặng cho một tập *Thánh đăng lục* và sư đã hể mở cho chúng ta một vài thông tin về văn bản: "*Lúc trước sách được san khắc tại chùa Long Động núi Yên Tử. Bản khắc cũ từ đời Trần, Lê, Mạc, Trịnh, Tây Sơn đến bản triều đã bảy, tám trăm năm. Nay được sách không biết nơi tàng bản, còn mất như thế nào? Thân lên núi Yên Tử hỏi chư Tăng. Chư Tăng kiểm duyệt rồi nói đã thất lạc, bỏ quyển xuống than rằng: "Nếu không được trùng san, Thánh Đăng sẽ ẩn. Vì thế hội tập thiện hữu hưng công san khắc". Không biết bản mà sư chùa Yên Vệ tặng có phải là bản Long Động do Chân Nguyên đứng in hay không? Nếu không phải thì sao sư biết được chùa Long Động từng in Thánh đăng lục để sư lên đến Yên Tử chất vấn chư Tăng.*

2. Khảo cứu văn bản *Thánh đăng ngữ lục* mới phát hiện

Qua sự khảo sát, đối chiếu các bản *Thánh đăng ngữ lục* hiện hành, chúng tôi nhận thấy mỗi bản có nhiều sự thêm vào trong các lần in. Trần Thị Băng Thanh có lý khi nhận định tình hình sách Hán Nôm của ta như sau: "*Nhưng nay cả sách in, cũng chưa phải ổn định. Do quan niệm khá linh động của một số người sưu tập, do hiện tượng rách nát hoặc mất mát thường xuyên xảy ra sau mỗi lần in, nên chúng ta cũng thấy có không ít những quyển sách, mặc dầu đã có tên, có mục lục lời tựa, lời bạt hẳn hoi, vậy mà sau mỗi lần trùng san, chúng lại có ít nhiều thay đổi. Có khi quyển nọ được ghép với quyển kia một cách tùy tiện, nhưng người biên soạn cũng quên không ghi lại cho một lời chú thích nào*"⁶. Ý kiến đó khá đúng với sách *Thánh đăng ngữ lục*. Các lần trùng san sau này, các bản hầu hết đều có in thêm một số tác phẩm vào như bản A. 2569 có in kèm với *Viên dung tứ thổ tuyển Phật đồ* (còn gọi là *Tuyển Phật đồ*) của Trung Quốc. Khi cho in kèm tác phẩm này, sách vẫn để trên gáy tên *Thánh đăng ngữ lục*, số tờ theo thứ tự, cuối sách có đề "*Thánh đăng ngữ lục chung tất*". Bản AC. 604 in kèm phía trước ba bản kinh, sau mới đến sách *Thánh đăng ngữ lục*. Bản này có in bài tựa 重刊聖登錄并選佛圖序 *Trùng san Thánh đăng lục tịnh tuyển Phật đồ tự do Chân Nghiêm soạn*. Đầu đề bài tựa nói trùng san *Thánh đăng lục* và *Tuyển Phật đồ* nhưng trong bản in thời Nguyễn lại không thấy *Tuyển Phật đồ* mà có in thêm ba kinh sách Phật giáo. Như thế, có thể bản in xưa nhất bao gồm *Thánh đăng lục* và *Tuyển Phật đồ* mà lần in năm 1750 còn giữ được.

Còn bản mà chúng ta giới thiệu đây lại có cơ cấu khác với hai bản trên. Sư Thông Đạt có nói về quy cách biên tập của mình như sau: "*Nay, sách Thánh đăng lục trước liệt bảy Phật Thế Tôn, thứ đến 28 tổ Tây Thiên, sáu tổ Đông Độ, sau mới đến sư Trần quốc (Thánh đăng lục)*". Soạn giả có nói về việc thêm những tư liệu mới vào trong lần trùng san này. Khảo sát một số tư liệu Hán Nôm Phật

giáo, chúng tôi thấy trong sách này trích lại một số đoạn, lúc thì chép nguyên, lúc có sự biến đổi cho hợp nội dung. Những đoạn được chúng tôi chỉ ra dưới đây.

Quyển thượng từ 2A đoạn "Nguyên phù Phật chi thụ ký, tổ chi kế đăng, quốc chi thanh sử, tộc chi gia phả, kế vãng khai lai... dĩ tồn cổ bản" lấy một đoạn từ từ 1A4 đến 1B7 trong bài tựa *Sơn khắc truyền đăng thủ Trần gia bản* của sách *Kế đăng lục*. Bài tựa do sư Phúc Điền soạn vào năm Tự Đức thứ 12 (1858). Chỉ có một đoạn nhỏ, sư Thông Đạt thêm vào cho hợp nội dung của sách. Sách có chép kế truyền thừa dòng Lâm Tế miền Bắc. Bài kế này được Tổ sư Chuyết Công truyền xuống và sách *Kiến tính thành Phật* của sư Chân Nguyên ghi lại đầu tiên tại Việt Nam, sau đó là *Thiền uyển truyền đăng lục* quyển hạ của sư Phúc Điền.

Trong quyển thượng có hai đoạn và hai bài kệ lấy từ sách *Kiến tính thành Phật* (A. 2570) của sư Chân Nguyên. Đoạn thứ nhất sau bài kế truyền thừa dòng Lâm Tế, bắt đầu từ: "Tích Đường Thuận Tông hoàng đế vấn Phật Quang đại sư vân: "Phật tùng hà phương lai, diệt hường hà phương khứ, ký ngôn thường trụ thế, Phật kim hà sở xứ?" Phật Quang đại sư đối viết: "Phật tùng vô vi lai, diệt hường vô vi khứ. Pháp thân đẳng hư không, thường trụ vô tâm xứ, hữu niệm qui vô niệm, hữu trụ qui vô trụ... tùy cơ phó cảm my bất chu, tự như ứng hiện lực vô ngại" nằm ở từ 3A2 đến từ 4A4 của sách. Trong khi đó, đoạn này xuất hiện trong *Kiến tính thành Phật* từ từ 33A3 đến từ 34B4. Còn hai bài kệ tiếp theo đề là "Lâm phá tam giáo sắc tướng pháp kệ" xuất hiện trong *Kiến tính thành Phật* ở từ 31A7 đến từ 31B4. Bài kệ thứ hai như sau:

"Thân đồng hư không giới,
Thị đẳng hư không pháp.
Chứng đắc hư không thời,
Vô thị vô phi pháp".

Đây chính là bài kệ Tâm ấn của Tổ thứ bảy Bà Tu Mật Đa được Chân Nguyên chép lại ở từ 45A trong phần kệ tâm ấn của chư Tổ.

Đoạn thứ hai như sau "Phù thường trụ thế gian, thể tính như như, viên giác không tịch, vị chi Phật; Minh Phật tâm tông, hành giải tương ứng vị chi tổ... thực hội tâm tông, chân thị Phật tử, thiệu đăng tự pháp, tiếp độ quần sinh, niết bàn diệu tâm, vô tương ấn dã" nằm ở từ 4B2



đến từ 5B2 của sách giống với đoạn ở từ 41B2 đến từ 42B9 của sách *Kiến tính thành Phật*, chỉ khác chữ đầu là ở bản *Kiến tính thành Phật* ghi là chữ "Nhiên" thì trong bản này ghi là chữ "Phù".

Câu tiếp theo của đoạn trên là "Phật ứng thế, cảm lịch vô cùng, bất khả dĩ chu tri nhi tất số dã... Liệt trần thất Phật" rồi sách chép đến bảy Phật quá khứ, 28 Tổ Tây Thiên đều lấy tư liệu từ *Ngũ đẳng hội nguyên* quyển nhất hoặc có thể lấy tư liệu từ *Kế đăng lục*. Bởi vì, *Kế đăng lục* quyển nhất của Thiền sư Như Sơn đã chép nguyên các truyện bảy Phật quá khứ cùng 28 Tổ Ấn Độ của sách *Ngũ đẳng hội nguyên* của Trung Quốc. Như Sơn có cung lục hình ảnh chư Tổ nhưng trong bản *Thánh đăng lục* thì lại không có hình ảnh. Chỉ có một vài xuất nhập sai khác nhỏ, còn hầu như chép nguyên

lại sách trên. Sáu Tổ Đông Độ là Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhẫn, Huệ Năng là có chép khác với sách *Ngũ đẳng hội nguyên* và *Kế đăng lục*, có thể tác giả sử dụng tư liệu Trung Quốc khác, phác họa rõ nét sáu vị tổ sư này. Như thế, quyển thượng này do chính sư Thông Đạt biên tập từ các tư liệu như *Kiến tính thành Phật*, *Ngũ đẳng hội nguyên*, *Kế đăng lục*. Sư chỉ sắp xếp theo quy cách của mình chứ không có soạn phần gì mang tính sáng tạo.

Quyển hạ từ 1 đến từ 17B5 thì in giống với các bản trên, tức phần chính của sách là *Thánh đăng ngữ lục*, ghi chép truyện năm vua đời Trần. Từ 17B6 đến từ 22A5 là phần tiểu truyện của ba Thiền sư Chân Nguyên, Như Trừng, Như Hiện. Ba tiểu truyện này chép lại từ sách *Kế đăng lục* quyển tả. Hầu như chép nguyên, chỉ thêm một vài từ ở đầu các truyện. Từ từ 22A6 đến 26A5 là bài văn nói về tam quy ngũ giới, không rõ tác giả. Phần tiếp theo là bài *Vô Tế đại sư tam được phương khuyến nhân niệm Phật nguyện sinh tịnh độ* chiếm từ từ 26A6 đến từ 27A2. Bài *Khuyến hành nhân nhục tối yếu nhất tâm niệm Phật nguyện sinh tịnh độ* từ từ 27B3 đến từ 28A9. Phần cuối cùng của quyển hạ là *Thị Già la viết lục phương lễ kinh* từ từ 28A9 đến hết. Sau đó là phần danh sách công đức. Như thế, quyển hạ ngoài phần *Thánh đăng ngữ lục* giống như hai bản giới thiệu ở trên còn có thêm một số các phần khác.

Qua công việc rà soát tư liệu, chúng tôi mới tiến

hành đối chiếu các bản *Thánh đẳng ngữ lục* với nhau. Phần đối chiếu này chính là nội dung của sách ghi chép tiểu truyện tu tập của năm vua đời Trần, phần thêm vào trong các lần in đã được chúng tôi chỉ ra ở trên. Theo bài tựa *Trùng tuyển Thánh đẳng ngữ lục* tự, Thiền sư Tính Quảng có nói đến một sự sai khác của bản in đời Mạc do sư Chân Nghiêm và bản in chùa Long Động do sư Chân Nguyên đứng khắc. Sư chỉ ra rằng: “*Trước kia khoảng hai trăm năm, Đại sư Chân Nghiêm khắc bản ngữ lục này ở chùa Sùng Quang tại Cẩm Giang có thấy một đoạn Đại sĩ Trúc Lâm chỉ dạy cho công chúa Thiên Thụy bệnh, ở am Bình Dương tại Chí Linh trao phó bài kệ:*

*Thế số nhất sách mạc,
Thời tinh lưỡng hải ngân.
Ma cung hỗn quần thậm,
Phật quốc bất thắng xuân.*

Tạm dịch:

*Số đời thật tẻ nhạt,
Lòng người hai biển vàng.
Cung ma dốn quá lắm,
Cõi Phật vui nào hơn.*

Đến khi thấy bản khắc ở Long Động đổi hai chữ “sách mạc”, thành “tức mặc”, thì điều vướng ngại trong lòng từ ba mươi năm trước, nay mới được cởi mở mà hiểu thông với người đương thời”.

Đây là một sự dị biệt giữa hai bản đời Mạc và bản đời Lê của sư Chân Nguyên. Bản Long Động do sư Chân Nguyên đứng in, sau được pháp tôn Tính Lăng trùng san và bài kệ trên vẫn đề là “Tức mặc”. Bản đời Mạc không còn giữ được nhưng sang đời Nguyễn, chùa Thuần Mỹ đã trùng san vào năm Tự Đức thứ nhất (1848). Bản này được lưu trữ tại viện nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 604 mà chúng tôi có nói ở trên. Câu đầu bài kệ trong bản này như sau: “*Thế số nhất sách mạc*”⁸ như thế nó vẫn trung thành với bản đời Mạc mà Sư Tính Quảng đã chỉ ra. Còn bản in tại Ninh Bình thì câu thứ nhất bài thơ vẫn dùng chữ “Tức mặc” như bản trùng san năm 1750. Do đó, theo chúng tôi nghĩ bản này có nguồn gốc từ bản Long Động hay bản in năm 1750. Dù sư Thông Đạt có lên Yên Tử hỏi thăm về bản in của mình nhưng đều thất vọng vì tư liệu trên Yên Tử đã bị mất mát quá nhiều, nhất là sau những trận chiến tranh xảy ra thời cuối Lê, Tây Sơn. Khi sư Chân Nguyên khắc ván in các tư liệu Phật giáo thời Trần được mang về cất tại Quỳnh Lâm thì đến thời Tây Sơn, chùa Quỳnh Lâm bị cháy trụi nên không còn gì. Như thế, bản mà sư Thông Đạt đứng in hầu như dựa vào hệ bản Long Động là chính và có thể bản của sư cũng không còn nguyên vẹn nên sư mới ra công biên tập thêm tạo thành hai cuốn thượng hạ, rồi để phần *Thánh đẳng ngữ lục* vào quyển hạ. Công việc của sư cũng có ý nghĩa về mặt truyền thừa. Sư muốn xác định lại dòng phái Trúc Lâm truyền từ thất Phật, 28 Tổ Ấn Độ, 6 Tổ Trung Hoa rồi mới đến Việt Nam qua sự tu tập của các vua đời Trần cùng ba vị

Tổ dòng Lâm Tế là Chân Nguyên, Như Trừng, Như Hiện. Cách làm này trước đây đã được Thiền sư Chân Nguyên phác họa trong *Kiến tính thành Phật*. Có thể sư Thông Đạt bắt chước theo quy cách trên.

Tóm lại, qua việc phát hiện bản in *Thánh đẳng ngữ lục* được khắc ván vào năm Bảo Đại thứ nhất (1926) tại thôn Khê Đầu thuộc tỉnh Ninh Bình, chúng ta có dịp phân tích một số vấn đề về văn bản học tác phẩm, chỉ ra được gốc gác các bản và nhận thấy trong lần in này có sự bổ sung từ người biên tập. Ý tứ đó đã xuất hiện qua các bản đời Mạc, Lê cho đến Nguyễn. Mỗi lần trùng san là mỗi lần có sự thêm vào bớt ra, không theo thể thức như chúng ta hiện nay nhưng điều đáng quý là vẫn in nguyên phần chính *Thánh đẳng ngữ lục*, tức phần chép hành trạng tu tập của năm vua nhà Trần. Phần này hầu như không có sự sai dị cho lắm.

Chú thích:

1. Lê Mạnh Thát trong *Chân Nguyên thiền sư toàn tập* có nói ông sở hữu một bản giống với bản AC. 604, nhưng sách không ghi niên đại, nơi tàng ván cùng người khắc in. Đây có thể là một bản khác của *Thánh đẳng ngữ lục*. Chúng tôi vẫn chưa biết về bản in này nên không bàn gì ở đây.
2. Có nhiều người phiên âm sai hai tên vị thiền sư này như *Việt Nam Phật giáo sử luận* gọi Tính Lăng thì phiên là Tính Lương, phần Khảo luận văn bản trong *Thơ văn Lý Trần*, tập 1, sư Tính Quảng phiên thành Quảng Đức.
3. Hòa thượng Thanh Từ có dịch giải bản in này nhưng bỏ qua công tác khảo cứu văn bản và không dịch phần Hậu跋 in sau sách. Xem Thích Thanh Từ, *Thánh đẳng ngữ lục giảng giải*, Nxb TP HCM, 1999.
4. Đồng Dương, “Đi tìm một số bài tựa,跋 của Thiền sư Chân Nguyên”, *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*, số 113, ra ngày 15 tháng 9 năm 2010, tr.18.
5. Nhân đây, con xin cảm ơn Đại đức Giác Thành trụ trì chùa Hối, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã cung cấp tư liệu.
6. Trần Thị Băng Thanh, “Một số tìm tòi bước đầu về văn bản *Thơ văn Lý Trần*”, *Tạp chí Văn Học*, số 5, năm 1972, tr.57.
7. Thích Thanh Từ, *Thánh đẳng ngữ lục giảng giải*, Nxb TP HCM, 1999, tr. 4-5.
8. *Thánh đẳng ngữ lục* (bản AC. 604) tờ 36b3.

Tài liệu tham khảo:

1. *Thánh đẳng ngữ lục* (AC. 604) của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
2. *Thánh đẳng ngữ lục*, bản in năm Bảo Đại thứ nhất (1926), bản lưu tại động Bàn Long.
3. *Việt quốc Yên Tử sơn Trúc Lâm chư tổ Thánh đẳng ngữ lục* (Thánh đẳng ngữ lục) (A. 2569) của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
4. *Kế đẳng ngữ lục*, bản in năm Duy Tân thứ nhất (1907), chùa Nguyệt Quang tàng bản.
5. *Kiến tính thành Phật* (A. 2570) của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
6. Thích Thanh Từ, *Thánh đẳng ngữ lục giảng giải*, Nxb TP HCM, 1999.
7. Nguyễn Huệ Chi, Khảo luận văn bản trong *Thơ văn Lý Trần*, tập 1, Nxb KHXH, H. 1977.
8. Trần Thị Băng Thanh, “Một số tìm tòi bước đầu về văn bản *Thơ văn Lý Trần*”, *Tạp chí Văn Học*, số 5, năm 1972, tr. 57-69.
9. Lê Mạnh Thát, *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*, tập 1, Tu thư Vạn Hạnh, TP HCM, 1980.
10. Đồng Dương, “Đi tìm một số bài tựa,跋 của Thiền sư Chân Nguyên”, *Văn Hóa Phật Giáo*, số 113, ra ngày 15 tháng 9 năm 2010, tr. 16 – 20. ■



trong truyện Kiều

HÀ THỨC HOAN

Bên cạnh chữ tài, chữ mệnh, và chữ tâm thường được xem là từ then chốt diễn đạt chủ đề, *Truyện Kiều* còn có một chữ tình mà nhân vật chính là Thúy Kiều đã “*Khư khư mình buộc lấy mình vào trong*”. Điều đáng ngạc nhiên đến thích thú là chữ “*tình là dây oan*” ấy lại được Nguyễn Du thể hiện một cách sinh động, sâu sắc và rất hấp dẫn. Trong giới hạn của bài viết này, qua tình yêu của Thúy Kiều và Kim Trọng, chúng tôi muốn được trao đổi với bạn đọc một cách tiếp cận ý nghĩa của chữ tình ấy.

1. Dự lễ hội tảo mộ – đập thanh vào một ngày mùa xuân, Thúy Kiều cùng hai em ra về khi chiều đã tàn:

“Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dưng tay ra về.
Bước lẩn theo ngọn tiểu khe,
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh”.

“*Thanh thanh*” có hình thức của một từ láy toàn phần, như “*xanh xanh*”, “*buồn buồn*”, thường được dùng để giảm nhẹ ý nghĩa. “*Phong cảnh có bề thanh thanh*” có

nghĩa là cảnh chiều xuân lúc ấy qua cái nhìn của Thúy Kiều chỉ có thể gọi là đẹp ở một chừng mực nào đó.

Trên đường về, gặp mộ Đạm Tiên, nghe Vương Quan “*dẫn gần xa*” về cuộc đời của người ca nhi sắc tài mà mệnh bạc, Kiều khóc than, thắp hương khăn vải và làm một bài thơ tứ tuyệt để bày tỏ mối cảm thông với số kiếp bi thương của người kỹ nữ. “*Vịnh bốn câu ba vần*” chưa đủ, Kiều còn làm thêm một bài cổ thi, vạch vào da cây để “*tạ lòng*” hồn ma Đạm Tiên đã “*hiển hiện*” cho

“*Tuyết in sắc ngựa câu đòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình*”.

Màu xanh “*da trời*” của áo thư sinh nổi bật trên cái nền trắng như “*tuyết*” của thân con ngựa non. Gam màu trắng xanh đã đẹp mà động tác của nhân vật Kim Trọng còn đẹp hơn nữa. Từ xa, “*mới tỏ mặt ...*” chị em nàng Kiều, chàng Kim đã vội vàng “*xuống ngựa*”. Dù sống trong xã hội có phong tục trọng nam khinh

nữ nhưng Kim Trọng vẫn có thái độ rất lịch sự, rất tôn trọng đối với nữ giới. Với ngoại hình đáng yêu như vậy, ngay từ lần gặp mặt đầu tiên, chàng trai đã chinh phục được tình cảm của cô gái:

*"Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e".*

Từ lúc chị em nàng Kiều "đang tay ra về" cho đến khi "Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo", nhiều nước đã chảy qua cầu, nhiều sự việc đã tiếp nối xảy ra. Diễn biến theo với thời gian, cảnh chiếu tà vào thời điểm này nếu không trở nên tối tăm thì cũng không còn trong sáng và nên thơ nữa. Vậy mà trước mắt Thúy Kiều lúc ấy lại hiện ra bức tranh tuyệt đẹp của một buổi chiều vàng:

*"Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha".*

Phong cảnh ấy, trước đây, khi chưa gặp Kim Trọng, Kiều chỉ thấy "có bề thanh thanh". Cũng là phong cảnh ấy, nhưng bây giờ, dù cho hồn ma Đạm Tiên đã hiện về và cảnh chiếu tà trong bãi tha ma qua cái nhìn của Vương Quan đã trở nên u ám với "âm khí nặng nề", Thúy Kiều vẫn thấy nước "trong veo" và "bóng chiều thướt tha" hơn lúc nào hết. Gặp Kim Trọng, được nếm trải hương thơm của bông hoa tình yêu vừa hé nụ, Thúy Kiều đã thấy đời lên màu hồng...

Ở khởi điểm của cuộc tình, mượn cảnh đẹp của thiên nhiên để thể hiện tâm hồn dạt dào thơ mộng của Thúy Kiều sau khi đã phải lòng Kim Trọng, tác giả *Truyện Kiều* đã thi vị hóa tình yêu.

2. Trở về nhà vào tối hôm ấy, với mối tình đầu ấp ủ ở trong tim, Thúy Kiều ngắm cảnh đêm xuân trăng sáng:

*"Gương nga chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
Hải đường là ngọn đông lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà".*

Trăng và nước tương giao, cây và sân hòa hợp, còn cành hoa hải đường trĩu nặng nhựa sống và sức xuân kia đang "la đà" nghiêng ngả qua nhà hàng xóm ở phía Đông. Không gian có đến bốn phương tám hướng. Tại sao bông hoa hải đường không ngả vào trong sân, ngả ra ngoài đường mà lại ngả về phía "đông lân"?

Trước đây, khi chưa gặp chàng Kim, nàng Kiều đã sống yên ổn, hồn nhiên và vô tư:

*"Ếm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai".*

Bây giờ, khi đã có ý trung nhân, Kiều bắt đầu cảm thấy cô đơn, nàng muốn vượt ra ngoài sự vây phủ hai lần của "trướng rủ" và "màn che" để được sống chung đôi cùng Kim Trọng. Cho nên thi hào Nguyễn Du đã mượn cành hoa hải đường "là ngọn đông lân" để gợi tả tâm lý nhân vật một cách có nghệ thuật. Chi tiết có giá trị thẩm mỹ cao này sẽ hòa hợp với một diễn biến quan trọng khác trong cuộc tình của Kim Trọng và Thúy Kiều. Đây là khúc nhạc dạo đầu của một bản tình ca đang sắp sửa. Có thể nói, với cành hoa hải đường làm tín

hiệu, Nguyễn Du đã "bật đèn xanh" để Thúy Kiều bạo dạn tìm qua nhà Kim Trọng sau này.

Sau này, khi đã "vàng tạc đá vàng thủy chung", khi "kim thoa với khăn hồng" đã "trao tay", thì Thúy Kiều "là ngọn đông lân" và Nguyễn Du đã ghi tả cái giây phút tuyệt vời đó:

*"Xấn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào thiên thai".*

Khi cha mẹ và hai em vắng nhà, Kiều đã lén qua nhà người yêu bằng "nẻo thông mới rào" ở "cuối tường". Nhưng qua ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du, cái hàng rào ngăn cách là "khóa động đào", cây trong vườn nhà chàng Kim đã trở thành "mây" và đường vào nhà người tình, đường đến với tình yêu là "lối vào thiên thai"...

Khi bắt đầu vẽ bức tranh tình yêu của Thúy Kiều và Kim Trọng, phải chăng Nguyễn Du đã phóng bút đến quá đà? Trước đây, căn cứ vào chi tiết này, nhiều nho sĩ và không ít nhà phê bình đã kết án tác giả *Truyện Kiều*. Một số phụ huynh ngày nay, khi có cô con gái rệu "chui hàng rào" kiểu ấy, chắc cũng muốn gọi về, rồi lấy roi mây mà đánh cho một trận để trị cái tội trai gái, cho chừa cái thói trăng hoa!

Bây giờ, gần hai trăm năm sau, bình tâm suy nghĩ lại, chúng ta mới cảm thông và cảm phục trí tuệ và tình cảm cao rộng của một thiên tài sống trước thời đại. Trên cõi đời này, nhiều khi có mặt Thúy Kiều mà không có mặt Kim Trọng. Cũng lắm khi Kim Trọng có mặt ở đây nhưng Thúy Kiều đã trôi dạt ở một phương trời nào. Nhân thế mấy khi có cái cảnh người quốc sắc, kẻ thiên tài được hội ngộ, rồi cảm thông, tâm đầu ý hợp mà phải chịu cách trở chỉ bởi một cái hàng rào mỏng manh. Vậy thì nữ nào nhà thi sĩ có tấm lòng nhân đạo và tư tưởng nhân văn là Nguyễn Du lại ngăn cấm nàng Kiều và chàng Kim gặp gỡ! Nếu người ở bên kia hàng rào không phải là Kim Trọng mà là Sở Khanh hay Mã Giám Sinh, chắc chắn thái độ của Nguyễn Du sẽ khác.

Đến đây, khi tình yêu Kim Trọng và Thúy Kiều đã trở nên thâm thiết, vượt ra ngoài giới hạn của lễ giáo gò bó, Nguyễn Du cảm thông sâu sắc với khát vọng được tự do yêu thương của con người, nhà nghệ sĩ lớn đã tôn vinh chữ tình bằng cách thần tiên hóa tình yêu.

3. Những tháng ngày thơ mộng qua nhanh, những giây phút thần tiên quá ngắn ngủi! Trong khi Kim Trọng về quê chịu tang chú thì tai họa ập đến với gia đình Thúy Kiều. Kiều phải bán thân để cứu cha và em sau khi dặn Thúy Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng. Mười lăm năm lưu lạc của người con gái tài sắc họ Vương bắt đầu từ đây. Trở lại chốn cũ tìm mà không gặp người yêu, Kim Trọng đau đớn đến mức "Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao". Lo sợ cho sức khỏe của Kim Trọng, song thân của Thúy Kiều vội cho chàng kết duyên với Thúy Vân. Nhưng duyên mới cùng sự thành đạt về đường khoa cử và công danh không thể giúp chàng Kim nguôi khuây tình cũ:

"Khi ăn ở, lúc ra vào.

Càng âu duyên mới càng dào tình xưa".

Người tình thủy chung Kim Trọng thương nhớ người yêu trong từng giây phút của cuộc sống, trong mỗi hoạt động nhỏ nhất của đời thường, cho đến một hôm:

"Có khi vắng vẻ thư phòng,

Đốt lò hương, giờ phím đồng ngày xưa.

Bể bai rủ rỉ tiếng tơ,

Trám bay nhặt khói, gió đưa lay rèm.

Dường như bên nóc bên thềm,

Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng.

Bởi lòng tạc đá ghi vàng,

Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây".

"Tưởng" là từ Hán Việt, sinh động và chính xác hơn "nhớ" là từ thuần Việt. "Tưởng" (想) được tạo thành bởi chữ "tướng" (相) ở trên là hình sắc và chữ "tâm" (心) ở dưới là tấm lòng son. "Tưởng" là nhìn sự vật bằng con mắt của tâm, "tưởng nàng" là chạm khắc, là "tạc đá ghi vàng" trong trái tim mình hình tượng người yêu. Kim Trọng thường xuyên "tưởng nàng" như vậy nên có lúc đã "thấy nàng về đây".

Sự hiển hiện có vẻ siêu hình của Thúy Kiều ở đây có thể giải thích được, nếu chúng ta đọc lại đoạn thơ ghi tả lời Thúy Kiều dặn dò Thúy Vân trước khi theo Mã Giám Sinh đi về nơi vô định:

"Mai sau dù có bao giờ,

Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.

Trông ra ngọn cỏ lá cây,

Thấy hiu hiu gió thì hay chị về".

Kiều hẹn với Vân rằng chị sẽ về khi có "hương" thơm ngày cũ, tiếng "tơ" đồng thuở xưa và "hiu hiu gió" thổi. Bây giờ, trong khung cảnh thanh vắng của phòng vắng, ba điều kiện ấy đã hội đủ. Cho nên Kim Trọng thấy Thúy Kiều hiện về cũng là điều dễ hiểu.

Tạo nên sự cảm ứng huyền nhiệm của hai trái tim có cùng một nhịp đập, để cho vị nữ thần của đạo tình ái là Thúy Kiều thị hiện khi tin đồn Kim Trọng thành tâm tuồng niệm, tác giả *Truyện Kiều* đã tôn giáo hóa tình yêu.

Tình yêu của Thúy Kiều và Kim Trọng là mối tình đầu, lại được thi vị hóa, thần tiên hóa và tôn giáo hóa nên chữ tình với ba nội dung vừa trình bày ở trên tuy rất đẹp nhưng thiếu tính hiện thực và không đầy đủ ý nghĩa. Xét trong một phạm vi rộng lớn hơn, qua nhiều cuộc tình mà Thúy Kiều đã trải nghiệm trong suốt mười lăm năm lưu lạc để trả cho hết cái nghiệp của mình, chữ tình mà nàng Kiều đã sầu đã cảm đã đã mang, dính mắc còn có nhiều chua xót và đắng cay, khổ đau và bi lụy. Cho nên, đối với bậc chân tu đã có chánh kiến và chánh tư duy để sống cát ái và ly dục, như lời sư Tam Hợp, tình là "dây oan" mà tu mới là "côi phúc":

"Sư rằng phúc họa đạo trời,

Côi nguồn cũng ở lòng người mà ra.

Có trời mà cũng tại ta,

Tu là côi phúc tình là dây oan". ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 37 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 32 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tìb, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên & Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Mai Anh, Q. PN	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thủy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này:

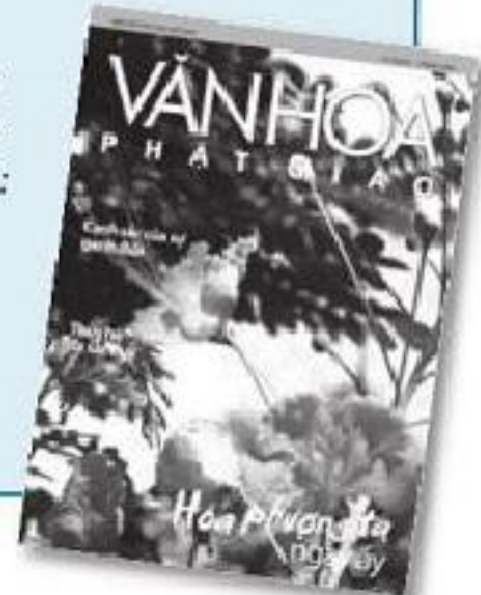
526 cuốn

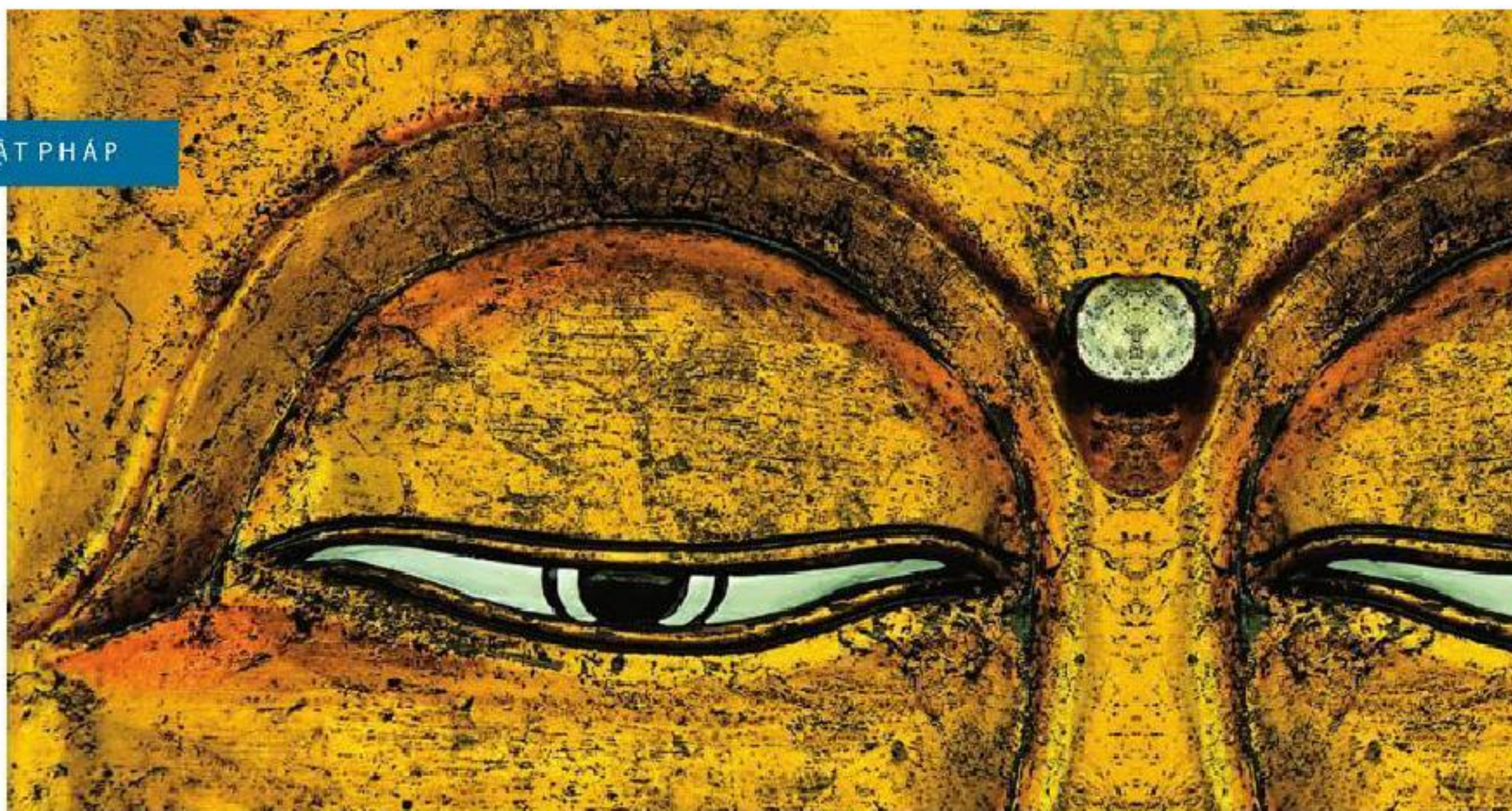
Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG:
(08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập





Nhân rõ

● con đường hạnh phúc

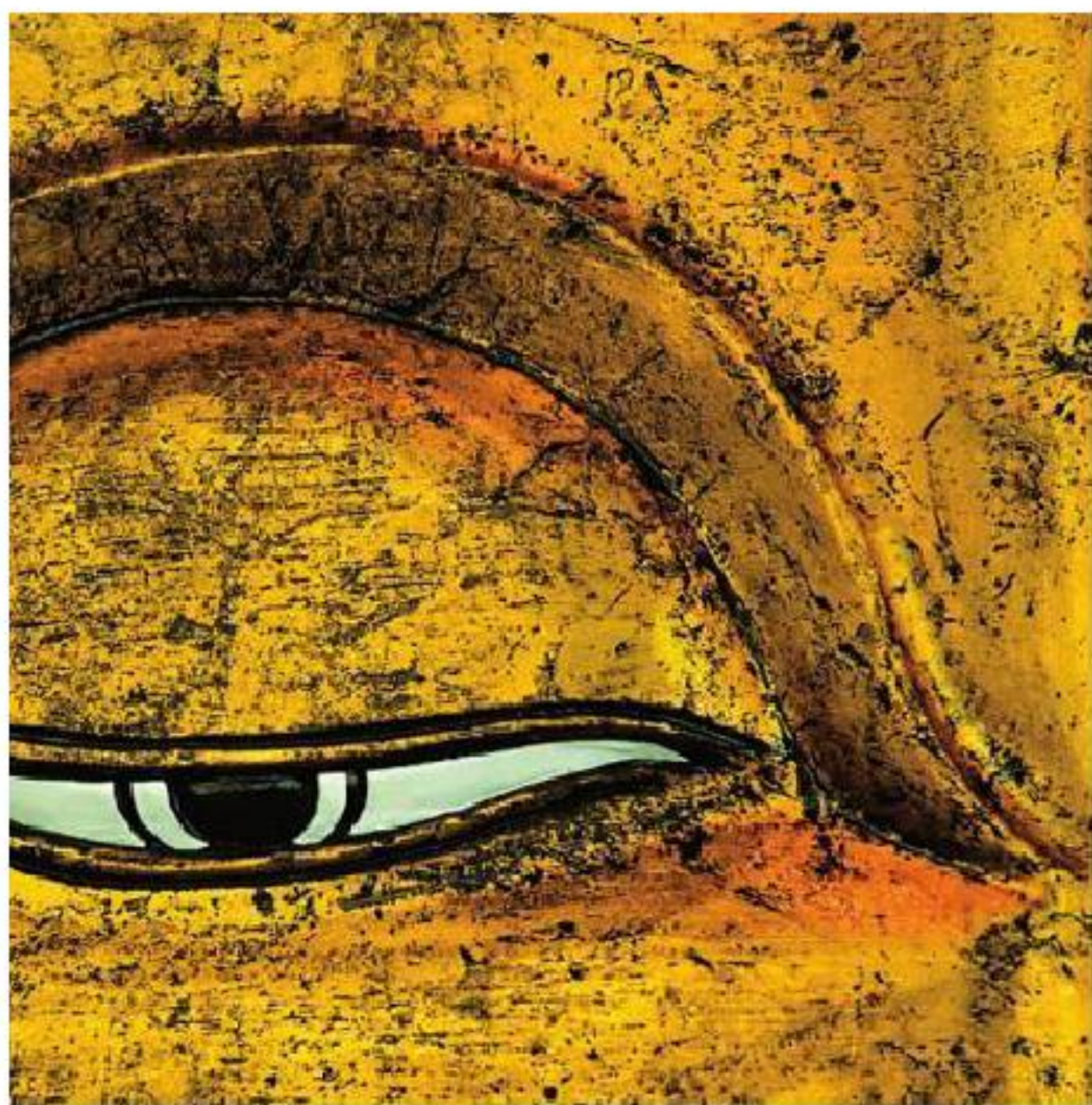
NGUYỄN DUNG

Hạnh phúc là mong ước chính đáng muôn thủa của con người. Ai cũng mong có được hạnh phúc và sống hạnh phúc nhưng không phải người nào cũng biết cách đạt được điều ấy. Thật khó nêu một định nghĩa xác đáng về hạnh phúc, vì mỗi người cảm nhận và hiểu hạnh phúc theo mỗi cách khác nhau. Tuy vậy ta có thể hiểu một cách đơn giản rằng hạnh phúc là trạng thái vắng mặt khổ đau hay một trạng huống tâm thức không bị ray rứt dằn vặt bởi phiền muộn khổ não. Hiển nhiên, một tâm thức an ổn như vậy không liên hệ gì đến việc sở hữu đầy đủ các tiện nghi vật chất mà cơ bản là do sống chân chính trong sạch mà có được. Đây có thể xem là một quan niệm của đạo Phật về hạnh phúc, tức một tâm thức an ổn thanh thản cơ bản do lối sống chân chánh hướng thiện mang lại. Từ đây Phật giáo chủ trương xây dựng hạnh phúc bằng con đường chân chính hướng thiện (Bát chánh đạo) và không chấp nhận việc mưu cầu hạnh phúc bằng tà đạo. Do quan niệm và chủ trương thiết lập hạnh phúc như vậy, Phật giáo rất chú trọng đến phương cách thực hiện hạnh phúc. Đức Phật thấy rõ do căn tánh và mê lầm mà trong hiện tại chúng sinh có những cảm nhận khác nhau về hạnh phúc, có người tìm thấy an lạc trong nếp sống chân chánh hiền thiện nhưng cũng có người mê vui trong lối sống bất chánh ác hạnh¹. Ngài không

phủ nhận cảm giác của người khác nhưng không đồng tình việc mua vui bằng ác nghiệp, do đó Ngài rất quan tâm chỉ bày và khuyến khích mọi người thực hiện ước mơ hạnh phúc bằng con đường chân chính, nghĩa là từ bỏ điều ác, làm các việc lành.

Phật thấy rõ căn nguyên của khổ đau và hạnh phúc nên bảo cho chúng ta biết con đường nào thật sự dẫn đến hạnh phúc và con đường nào đưa đến khổ đau. Theo lời dạy của Ngài thì thân làm ác (sát sanh, lấy của không cho, tà dâm), miệng nói ác (nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm), ý nghĩ ác (các ý tưởng đi đòi với tham, sân, tà kiến) chính là con đường đưa đến khổ đau. Trái lại, thân làm thiện (từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dục), miệng nói thiện (từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm), ý nghĩ thiện (từ bỏ các ý tưởng liên hệ đến tham, sân, tà kiến) chính là con đường dẫn đến hạnh phúc.

Phật cũng hiểu rõ tâm lý khao khát hạnh phúc của loài hữu tình nhưng do mê lầm về con đường hay cách thức thực hiện ước mơ hạnh phúc mà phần lớn chúng sinh bị rơi vào phiền muộn khổ đau, không đạt được hạnh phúc an lạc. Ngài nêu rõ thực trạng mê lầm, bất như ý của chúng sinh trong vấn đề mưu cầu hạnh phúc, loại bỏ khổ đau nhằm lưu ý với mọi người chúng ta về con đường chơn chánh thực hiện ước mơ hạnh phúc an lạc²:



“Này các Tỷ-kheo, phần lớn các loài hữu tình có dục như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: “Ồi, mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt! Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng!” Này các Tỷ-kheo, dấu cho các loài hữu tình ấy có dục như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các người có biết vì nguyên nhân gì không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, lãnh thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận. Vì không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận, vì này phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận. Vì này vì phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, vì thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận, cho nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì người ấy không có trí đối với pháp này.

Và này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các

bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, biết rõ các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận. Vì biết rõ các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận, vì này phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Vì này vì phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận, cho nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.”

Lời Phật dạy trên đây nói cho chúng ta biết rằng do không biết gần gũi thân cận các bậc Thánh hay các bậc thiện tri thức để học hỏi Phật pháp nên kẻ phạm phu không biết rõ con đường nào nên theo và con đường nào cần phải từ bỏ. Do mê mờ như vậy nên kẻ phạm phu từ bỏ con đường hay lối sống chân chánh hiền thiện (thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện) và chấp nhận theo đuổi con đường hay lối sống sai lầm xấu ác (thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác). Kết quả là kẻ phạm phu tiêu diệt hạnh phúc an lạc (các pháp khả ái, khả lạc, khả ý), trong khi đó lại làm tăng trưởng phiền não khổ đau (các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý). Trái lại, nhờ biết gần gũi thân cận các bậc Thánh hay các bậc thiện tri thức để học tập Phật pháp nên vị Thánh đệ tử biết rõ con đường nào nên theo và con đường nào cần phải từ bỏ. Do hiểu biết như vậy, vị Thánh đệ tử quyết tâm từ bỏ con đường hay lối sống sai lầm xấu ác (thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác) và nỗ lực theo đuổi con đường hay lối sống chân chánh hiền thiện (thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện). Kết quả là vị Thánh đệ tử tiêu diệt được phiền não khổ đau (các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý) và làm tăng trưởng hạnh phúc an lạc (các pháp khả ái, khả lạc, khả ý).

Nói tóm lại, Đức Phật chỉ cho chúng ta biết có con đường dẫn đến khổ đau và có con đường đưa đến hạnh phúc. Ngài cũng lưu ý với chúng ta rằng hạnh phúc hay khổ đau của mỗi người không do ai ban cho mà do người ấy tự quyết định. Vấn đề là nhận diện cho đúng con đường để theo đuổi hay cách thức đúng đắn để thiết lập hạnh phúc. Nếu chúng ta thiếu hiểu biết mà đi theo con đường sai lầm hay sống với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác thì theo đó khổ đau sẽ phát sinh. Trái lại, nếu chúng ta biết chọn theo đuổi con đường chân chánh hay sống với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện thì hạnh phúc an lạc sẽ đến như là kết quả tất yếu.

Chú thích:

1. Xem *Tiểu kinh Pháp hành*, *Đại kinh Pháp hành*, *Trung Bộ*.
2. *Đại kinh Pháp hành*, *Trung Bộ*. ■

Nơi diện pháp bắt nguồn

Bài & ảnh: NHU TÂM

Nhận được tin nhắn của người bạn đồng tu “hãy đi Đà Nẵng một chuyến nhé...”

Tôi đến sân bay Đà Nẵng vào một sáng thứ Bảy trời không mưa không nắng. Mặt đất ẩm ẩm có lẽ là do một cơn mưa hồi tối. Bạn tôi đón tôi với nụ cười trên môi. Chúng tôi là bạn đồng học ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, đã gần trường được mấy năm nhưng vẫn còn liên lạc với nhau. Nay bạn tôi đã nhận được chùa nên có ý mời

tôi ra thăm. Chùa cách sân bay Đà Nẵng khoảng 20km; đồi núi chập chùng; con đường trái nhựa đưa chúng tôi đến huyện Hòa Vang...

Thôn Hòa Khê, xã Hòa Sơn, nép mình dưới chân núi, bao quanh là một dãy núi xanh. Những thửa ruộng vừa được gieo, nhú lên những chồi non đầy sức sống. Theo con đường nhỏ quanh co chạy trong thôn, qua khúc cua, đập vào mắt tôi là một mái chùa, ngôi chùa của bạn tôi, nằm trên cao trong một khoảnh đất rộng.

Ngôi chùa không lớn lắm, tọa lạc giữa một mảnh đất đầy cỏ bông may, mảnh đất cao nhất thôn. Cửa chùa hướng về phía Tây Nam, xa xa là một dãy núi cao xanh. Đứng trước chùa, ta có thể phóng tầm mắt nhìn ra bao la là ruộng.

Vào năm 1963, Hòa thượng Thích Quang Thế đã về đây đặt viên đá đầu tiên xây dựng chùa nhưng rồi cái móng chùa cũng chưa được hình thành. Chiến tranh loạn lạc, cái móng vẫn nằm đó theo ngày tháng để đợi nhân duyên lành... Năm 1994, trong một lần về thăm quê, Đại đức Thích Quảng Lực thấy cái móng chùa nay đã rêu xanh mà chạnh lòng cho làng mình, thấy đã đến gặp những người trong làng vận động quyên góp. Của ít lòng nhiều, người dân ở đây đã quyết tâm xây dựng một ngôi chùa làng để có nơi gửi gắm tâm hồn.

Để thành công trong việc xây dựng chùa, các đạo hữu trong làng đã phát nguyện trì tụng kinh *Pháp Hoa* mỗi tối; trong lúc ngôi chùa chưa xây dựng xong, họ đã mượn cái đình làng bên cạnh nền móng chùa để trì tụng kinh *Pháp Hoa* cầu được gia bị cho duyên lành hội tụ. Tâm nguyện của Phật tử trong làng đã được chứng giám, ngôi chùa được xây dựng khang trang. Làm sao kể hết niềm vui trong ngày khánh thành; và để tạ ơn sự linh nghiệm của kinh *Pháp Hoa*, Phật tử trong làng quyết định đặt tên chùa là Pháp Hoa Sơn. Từ đó người dân làng Hòa Khê đã có nơi thờ Phật. Mỗi ngày rằm hay ngày mồng một, dù bận mùa vụ đến đâu họ cũng đến lễ, thắp nhang lễ Phật.

Năm 2005, sau khi tốt nghiệp cử nhân Phật học, Sư





cô Thanh Hoàng, bạn tôi, quyết định về chùa Pháp Hoa Sơn để làm Phật sự.

Tôi thích ngắm nhìn cánh đồng bát ngát trước sân chùa. Núi đứng sừng sững trong nắng và gió lồng lộng. Buổi sáng, khi mọi người ra đồng thì ngôi chùa hiện rõ trên đồi cao. Từ cánh đồng nhìn lên, ngôi chùa đẹp như một bức tranh. Bình yên cả cõi lòng.

Các em Phật tử ở đây thật dễ mến. Khi biết có một Sư cô về ở chùa làng mình, các em đã rủ nhau đến giúp đỡ việc chùa, họ làm việc như thế đó là bổn phận của mình; có nhiều em một ngày lên chùa hai ba lần, cứ rảnh một chút là đạp xe lên chùa ngồi nói dăm ba câu chuyện, làm một số việc chùa rồi đạp xe về rồi khoảng hai ba tiếng lại lên. Có em thi đại học năm nay không đậu nên đã xin ở lại chùa để được tịnh tâm mà thi lại năm sau. Ở đây, làm công quả cho chùa các em gọi là làm công tác.

Sư cô Thanh Hoàng dẫn chúng tôi đi thăm quanh xóm, cho tôi được hưởng cái thanh vắng của một làng quê miền Trung hiền hòa, khác xa với những tiếng ồn ào nơi đô thị. Chúng tôi đi bộ trên những con đường đất nhỏ; gặp những người đi trên đường, họ đều niềm nở chào hỏi; người quen biết thì thăm hỏi dăm ba câu, người không quen biết cũng cúi đầu mỉm cười với Sư cô. Tôi nhận ra rằng, mặc dù họ không phải là một Phật tử nhưng hình bóng người tu sĩ xuất hiện ở nơi này cũng khiến cho họ như thân quen vậy. Tôi chợt nhớ đến bài thơ *Còn gặp nhau* của nữ thi sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương.



*Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Chuyện đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nổi
Chỉ có tình thương để lại đời...*

Con người mỗi khi gặp nhau đều luôn mỉm cười thì cuộc sống thú vị biết dường nào.

Sau gần một chục ngày sống bình yên dưới mái chùa làng, nơi có một vị sư cô trẻ đang hết lòng hoằng dương chánh pháp, tôi lại trở về thành phố. Xa khuất dãy núi xanh, mặt trời đang lên để bắt đầu một ngày mới, lòng tôi lâng lâng một niềm vui: tôi vừa chia tay với một cộng đồng thuần hậu, nơi đang dậy lên một sức trẻ đập bồi thiện đức, nơi có những con người chân lấm tay bùn nhưng tâm hồn trong sáng luôn hướng về con đường chân thiện mỹ. ■



và sự phát triển tốt đẹp của xã hội

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Không ai không muốn xây dựng xã hội mình đang sống thành một xã hội ổn định, có sức sống, phát triển bền vững và tốt đẹp. Một xã hội tốt đẹp khi có:

- Một hướng đi tiến bộ được đa số đồng thuận, tin tưởng.
- Một tiến trình phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa vững chắc, hài hòa.
- Một sự ổn định trật tự, nghĩa là có tinh thần chịu chấp nhận những kỷ luật chung bắt nguồn từ trung tâm.
- Chia sẻ với nhau và cùng tham dự những giá trị chung.
- Tin tưởng nhau, hợp tác với nhau để xây dựng, có những trách nhiệm chung.
- Phân công xã hội không phải để chia rẽ mà để đoàn kết, nghĩa là sự phân công không do áp đặt mà do tự nguyện.
- Sự chia sẻ hài hòa giữa những trung tâm và ngoại vi, giữa trên và dưới, giữa mạnh và yếu...

Xã hội tốt đẹp là môi trường, là điều kiện sống để tạo lập Con Người viết hoa, con người phát triển về mọi mặt, toàn diện và toàn thiện.

Để có được một xã hội như vậy, như đã từng xảy ra trong lịch sử nhiều nước, Phật giáo có Năm Giới và Mười Việc Thiện. Đây là những điều phổ quát cho cả loài người. Chúng ta thấy rằng không có một tôn giáo nào, một nền văn hóa nào trên thế giới bác bỏ những điều ấy. Không một tôn giáo nào, một nền văn hóa nào nói rằng giết người là tốt, nói dối là tốt...; rằng để hoàn thiện mình cần phải giết người, cần phải nói dối.

Nội dung của giới là không làm tổn hại bản thân, không làm tổn hại người khác và sự sống chung quanh. Đó chỉ mới chỉ là yếu tố "không nên làm điều xấu ác", còn yếu tố "nên làm tất cả mọi điều tốt thiện" thì càng tích cực và tốt đẹp hơn nữa. Ở đây chúng ta chỉ nói về phần "không nên làm".

Tôi ăn uống một thứ gì rồi thuận tay vứt bao plastic bừa bãi. Nếu trong một trăm người chỉ có vài người như

tôi, thì trong cả nước, một ngày chúng ta vút ra gần cả triệu bao, một năm là hơn 300 triệu bao. Ai dọn? Số tiền mà xã hội chi phí để dọn dẹp là bao nhiêu? Chỉ một cử chỉ của cánh tay gây thiệt hại bao nhiêu về kinh tế?

Mỗi ngày có bao nhiêu tai nạn xe do uống rượu, lái ẩu? Một người bị thương đưa vào bệnh viện chăm sóc tốn bao nhiêu tiền bạc, bao nhiêu công sức của bác sĩ, y tá – thay vì lo cho những người bệnh khẩn cấp khác – thì phải hao phí vì điều không đáng có, có thể tránh được. Phạm giới là tự phá hoại mình, làm hao tổn tài nguyên và năng lượng của mình, thay vì dùng chúng để cống hiến cho sự tốt đẹp của xã hội. Chẳng lẽ càng phát triển người ta lại phải càng tốn thêm tiền để có thêm cảnh sát và xây thêm nhà tù?

Những công ty lương thực biết chất kia là độc, pháp luật cấm, nhưng vẫn dùng vì rẻ, nên gây bệnh tật cho nhiều người. Thiệt hại không nhỏ. Một công ty nhà nước lấy ngân sách thay vì mua những máy móc mới thì đem về những thứ đáng ra đã phế thải chỉ sử dụng được một hai năm rồi bỏ. Thiệt hại cho xã hội.

Chỉ cần vi phạm hai giới mà thôi, giới tham (phạm điều thiện thứ tám) và giới dối trá (giới thứ tư), thì chúng ta đã làm thiệt hại về kinh tế đến không thể thống kê được. Sự suy thoái kinh tế thế giới năm 2008, từ Mỹ kéo theo cả thế giới, cũng là hậu quả của lòng tham quá đáng và cách làm ăn không thật vượt quá những quy định của luật lệ trong nhiều năm của một số nhà kinh tế tài chánh. Hóa ra sự tham lam thái quá của một số rất ít người giàu đã gây ra sự nghèo khổ của rất đông người khác.

Bệnh Sida và nạn ma túy là do tà dâm và say sưa không tự chủ mà ra. Những căn bệnh này đã tiêu tốn bao nhiêu tiền của công sức của xã hội. Chúng ta phải kết luận rằng những tệ nạn xã hội làm tiêu hao sức sống xã hội đều do không giữ giới mà có.

Một trong những sức mạnh kinh tế là tiết kiệm, nhất là ở những nước còn nghèo. Không hoang phí, biết quý trọng tiền bạc, biết tiết kiệm nguyên liệu là một thái độ có từ việc giữ giới.

Chúng ta không thể nói hết về những tổn hại do phạm giới gây ra trong mọi lĩnh vực của xã hội. Phạm giới làm hao phí năng lượng xã hội, đưa xã hội đi theo chiều xuống thấp. Mà làm tổn hại, làm hư hỏng xã hội tức là làm tổn hại và hư hỏng chính đời sống của mỗi chúng ta, vì mỗi chúng ta sống là sống trong xã hội.

Trong viễn tượng này, chúng ta thấy rằng giữ được giới là những yếu tố tích cực để xây dựng một xã hội tốt đẹp và phạm giới là những yếu tố tiêu cực phá hoại một xã hội tốt đẹp. Nhưng những tác nhân nào làm cho xã hội biết giữ gìn giới? Đó là: 1. Xã hội, 2. Pháp luật, 3. Lương tâm, và 4. Sự nhận biết về định luật nhân quả và nghiệp báo. Trong đó, định luật nhân quả khiến người ta phải giữ giới từ trong tâm ý, cho nên tin và hiểu nhân quả là cái hữu hiệu nhất. Xã hội phải dạy cho những thành viên của nó tin và hiểu định luật nhân quả thì xã

hội ấy mới tiến bộ đến chỗ càng ngày càng tốt đẹp.

Xã hội luôn luôn đòi hỏi bình đẳng như là điều kiện để sống còn và để phát triển của nó. Người ta bình đẳng trước công luận xã hội, bình đẳng trước pháp luật. Nhưng người ta còn bình đẳng trước giới luật. Giới luật là bình đẳng, không chừa một ai dù người ấy đang ở địa vị nào, hoàn cảnh nào, vì giới luật đặt căn bản trên định luật nhân quả. Tất cả chúng ta đều bình đẳng trước định luật nhân quả vì như Đức Phật đã nói, *“Chúng sanh là kẻ thừa tự duy nhất những hành động (nghiệp) của mình”*. Không có sự bình đẳng nào tuyệt đối hơn.

Tất cả chúng ta đều bình đẳng trước giới luật, nghĩa là tất cả chúng ta đều bình đẳng trước tự do. Đó là sự tự do không làm điều xấu ác, và tự do làm tất cả mọi điều tốt thiện. Đó là tự do của tiến bộ, chứ không phải tự do của thoái bộ.

Nhờ giới mà một cá nhân trưởng thành, trở thành một công dân tốt. Trưởng thành là thế nào? Biết tự chủ, biết nói không với cái xấu gây tổn hại cho mình và cho người, và biết nói vâng với mọi điều tốt đem lại lợi lạc cho mình và cho người.

Xã hội hiện đại trên thế giới đã chuyển qua thời đại hậu công nghiệp hay như có người quan niệm là đã chuyển qua thời đại hậu khoa học (ý kiến của Christopher T. Hill, giáo sư về Công nghệ và Chính sách công, Đại học George Mason, Virginia, trong bài *“Xã hội hậu khoa học và những gợi suy cho Việt Nam”* của Nguyễn Mạnh Quân, *Tia Sáng* số 18, tháng 9/2010). Chúng ta thì chưa đến đó. Chúng ta chỉ sắp bước vào thời đại công nghiệp. Nhưng mặc dù ở đâu trên con đường phát triển kinh tế thì giới cũng là nền tảng cho sự phát triển lành mạnh về mọi mặt của xã hội.

Giới bao trùm mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Phạm giới là phạm vào chính chúng ta, làm tổn hại thân khẩu ý của chúng ta. Chúng ta cứ xem có một tổn hại nào, một tai nạn hay một tai họa nào của chúng ta mà không do từ phạm giới mà ra? Vì giới là nền tảng cho sự phát triển và tiến hóa của con người nên nó vẫn gắn bó với con người chừng nào còn có con người.

Một xã hội mà không ai nói dối lừa gạt ai, không ai giết hại hay tìm cách giết hại ai, không ai tìm cách khơi gợi hay hành động tà dâm với ai, không ai say sưa khiến mất tự chủ và rủ rê người khác say sưa đến mất tự chủ... đó là xã hội lý tưởng mà con người mãi mãi hướng đến. Xã hội đó từng có lúc hiện hữu trong những thời đại thịnh vượng mọi mặt của lịch sử Ấn Độ, Việt Nam, Nhật Bản, Trung Hoa... Chúng ta biết xã hội ấy rất khó thành lập ở trên trái đất này – nó cần có đủ phước đức và trí huệ của cả một dân tộc. Nhưng ít nhất xã hội ấy đang có mặt hiện giờ ở đây dù trong dạng tiềm năng. Nó là năm giới trong lòng mỗi chúng ta.

Giới thì rất cũ nhưng vẫn luôn luôn mới. Như con người là rất cũ nhưng vẫn luôn luôn mới. Bởi vì giới là con đường của con người. ■



Bạo hành gia đình Nỗi đau xã hội

PHAN MINH ĐỨC

Hiện trạng

Tình trạng bạo hành gia đình đang là một trong những vấn đề gây nhức nhối lương tâm xã hội. Gia đình đang có nguy cơ không còn là chốn bình yên, không còn là chỗ dựa của mỗi người; có nhiều gia đình đã trở thành địa ngục, là nơi giam hãm tù đầy, nơi con người bị hành hạ, áp bức, nơi các thành viên gia đình chịu nhiều bất công.

Bạo hành không chỉ là đánh đập, hành hạ, mà còn là sự nhục mạ, chửi bới mắng nhiếc, làm khủng hoảng tinh thần người khác... Nói chung bạo hành là sự xúc phạm thể xác hoặc tinh thần bằng hành vi bạo lực. Bạo lực gia đình xảy ra dưới nhiều hình thức:

1. Cha mẹ bạo hành con cái: Đa phần xảy ra trong gia đình có cha mẹ rượu chè cờ bạc, ở đó trách nhiệm, bổn phận thiêng liêng và tình thương của người cha, người mẹ dành cho con không còn nữa. Họ coi con cái như gánh nặng, như của nợ; thay vì thương yêu, chăm lo nuôi nấng, dạy dỗ thì họ hành hạ, đánh đập, chửi mắng và trút giận lên con cái mỗi khi tức giận, bực bội.

2. Con cái bạo hành cha mẹ: Phần nhiều xảy ra trong những gia đình có cha mẹ già. Khi cha mẹ già, không ít con cái xem cha mẹ như gánh nặng của mình, cho là cha mẹ làm mình vướng bận, xem cha mẹ là người sống thừa, vô dụng, từ đó hắt hủi, rẻ khinh, bạc đãi. Đã có không ít kẻ mắng nhiếc, đánh đập người đã sinh thành mình.

3. Chống bạo hành vợ: Những lễ thói cũ, quan niệm trọng nam khinh nữ, chống chúa vợ tôi vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi dù xã hội đã có nhiều thay đổi. Không ít đàn ông vẫn quen thói gia trưởng, từ đó xảy ra nhiều tệ nạn mà người phụ nữ là đối tượng chịu nhiều bất công phi lý.

Trước đây người ta xem việc bên ngoài xã hội là việc của đàn ông, việc trong nhà là việc của đàn bà. Người đàn ông đi ra ngoài làm việc, đem tiền về nhà là xem như đã làm tròn trách nhiệm, còn việc chăm sóc nhà cửa, dạy dỗ con cái là việc của người phụ nữ trong gia đình. Người phụ nữ cũng chấp nhận sự phân công như thế. Sau giờ làm việc, người đàn ông có thể la cà nhậu nhẹt, đàn đúm với bạn bè, có thể ngồi xem tivi, đọc báo mặc kệ việc nhà đã có vợ lo. Ngày nay, trên tinh thần bình đẳng người ta không còn chấp nhận tư tưởng bất công phi lý đó. Người đàn ông và phụ nữ đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, ai cũng có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, ai cũng có quyền tham gia các hoạt động xã hội, việc nhà và việc nước không của riêng ai.

Ngoài ra, lối sống buông thả, vô trách nhiệm, xem tự do cá nhân là trên hết cũng đưa người đàn ông vào chỗ sa đọa, hư hỏng, trở thành kẻ vô lương tâm đối với vợ con: rượu chè cờ bạc, lăng nhăng ngoại tình, đi sớm về khuya bỏ bê gia đình, sinh sự gây gổ, đánh đập vợ con v.v.

4. Vợ bạo hành chồng: Trường hợp này không nhiều lắm, chỉ xảy ra trong những gia đình lao động nghèo ít học, không biết cách cư xử, hoặc trong gia đình có người vợ giữ vai trò trụ cột. Thường những người vợ đảm đang tháo vát hơn chồng, có tài làm kinh tế, làm việc xã hội, có tài tổ chức cuộc sống gia đình thì có phần lấn lướt chồng mình. Những người phụ nữ thành đạt, có địa vị trong xã hội thường có cái tôi khá lớn, đôi khi họ mang "quyền lực" về trùm phủ lên gia đình mình, làm cho không khí gia đình trở nên ngột ngạt, tình cảm gia đình đóng băng. Cũng có trường hợp vì người chồng quá nhu nhược, thụ động, kém giỏi giang mà với cái nhìn của kẻ bàng quan thấy rằng người vợ lấn lướt chồng.

Cũng có những trường hợp vợ lấn lướt chồng thật sự, thường là những người chồng quá thương yêu, nuông chiều vợ, luôn nhường nhịn vợ, còn vợ thì quá dữ dằn, tính tình cộc cằn thô lỗ. Tuy nhiên, phần lớn các trường hợp vợ bạo hành chồng chỉ ở mức độ nói lời xúc phạm, la ó, mắng nhiếc, quăng ném đồ đạc... chứ không đến nỗi hành hạ, đánh đập, gây tổn thương cả thể xác và tinh thần như chống bạo hành vợ.

5. Các thành viên trong gia đình bạo hành lẫn nhau: Đây là trường hợp mâu thuẫn, xung đột gay gắt xảy ra giữa các thành viên trong gia đình, mọi người trong gia đình đối xử với nhau bằng những hành vi bạo lực như chửi mắng, đánh đập, xúc phạm thể xác, tinh thần của nhau, ví dụ như xung đột giữa cha mẹ và con cái, xung đột giữa mẹ chồng nàng dâu, chị dâu em chồng, xung đột giữa chồng và vợ, giữa anh em với nhau v.v.

Một số giải pháp chống nạn bạo hành gia đình:

Đối với bạo hành phụ nữ và trẻ em: Nâng cao nhận thức người phụ nữ về bình đẳng giới, người phụ nữ ý thức rõ mình phải được tôn trọng, mình có quyền sống, có quyền mưu cầu hạnh phúc, và những quyền đó được pháp luật bảo vệ. Điều quan trọng nhất là người phụ nữ không nên coi thường mình.

Pháp luật phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam giới và nữ giới, xã hội phải tạo điều kiện thuận lợi cho nữ giới tham gia vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Pháp luật tuyệt đối ngăn cấm, trừng trị những hành vi vi phạm quyền bình đẳng giới, những hành vi xâm hại phụ nữ.

Nếu xã hội vẫn còn nhiều gia đình duy trì tư tưởng cổ hủ lạc hậu: "nam trọng nữ khinh", "chống chúa vợ tôi", thì xã hội vẫn còn những bất công, vẫn còn nạn bạo lực gia đình. Phải san bằng sự bất bình đẳng, san bằng những bất công phi lý.

Mọi người đều có quyền bình đẳng như nhau, vì thế không có lý do gì người đàn ông bắt người phụ nữ làm nô lệ phục dịch cho mình dù dưới hình thức nào đi chăng nữa. Một xã hội văn minh tiến bộ phải là một xã hội công bằng không còn những bất công. Những hành động bạo lực như hành hạ, đánh đập, xúc phạm thân thể, chửi mắng, miệt thị, xúc phạm nhân phẩm người phụ nữ v.v. đều đáng bị lên án. Một xã hội văn minh tiến bộ không thể có lối cư xử man rợ đầy thù tính giữa người và người với nhau. Hành vi bạo hành của người đàn ông đối với phụ nữ là hành vi của kẻ mạnh hiếp yếu, một loại hành vi không nên có trong xã hội con người, mà chỉ có ở những loài hoang dã.

Hơn cả phụ nữ, trẻ em cần được thương yêu và chăm sóc từ tế. Bởi trẻ em là thế hệ kế thừa, là tương lai của đất nước. Mọi hành vi ngược đãi trẻ em đều bị coi là hành vi vô đạo đức, vi phạm quyền chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Gia đình, nhà trường và xã hội phải ý thức trách nhiệm của mình đối với thế hệ tương lai của đất nước, pháp luật phải bảo hộ quyền của trẻ em, thực hiện theo Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ em.

Đối với hành vi bạo hành ông bà cha mẹ: Khi con cái đã lớn khôn, không ít cha mẹ dường như trở nên bất lực. Một khi con cái không nghe lời khuyên bảo, dạy dỗ thì cha mẹ đành chịu, không biết phải làm sao. Khi con cái lớn khôn, việc điều độ chúng, muốn chúng làm theo những gì mà cha mẹ cho là đúng, cho là chúng cần nên theo là việc không dễ dàng nếu như không thuyết phục được chúng. Do đó việc giáo dục con cái từ lúc còn bé là điều vô cùng quan trọng, để chúng có tình cảm đạo đức, có nhận thức cao, có nhân phẩm tốt. Những đứa trẻ có giáo dục, có đạo đức, khi lớn lên chúng nhận thức được đâu là việc nên làm, đâu là hành vi sai trái, và từ đó chúng không tạo ra sai lầm, tội lỗi, nhất là cách đối xử với những người đã tạo ra chúng, đó là ông bà cha mẹ.



Người xưa gọi bậc làm cha mẹ là đáng nghiêm từ, có nghĩa là bậc đối với con cái có sự uy nghiêm và nhân từ. Có nhân từ mới biết yêu thương con cái, có uy nghiêm mới có thể dạy dỗ, giáo dục con cái nên người. Cha mẹ có nhân từ thì con cái mới biết yêu thương cha mẹ, cha mẹ có uy nghiêm thì con cái mới kính trọng vâng lời. Trong xã hội hiện đại, dần dần người ta không còn coi trọng sự uy nghiêm của bậc làm cha mẹ, dường như các bậc cha mẹ không còn uy quyền đối với con cái của mình khi chúng đến tuổi trưởng thành, từ đó cha mẹ không thể tiếp tục quản lý, giáo dục và định hướng cho con cái, giúp con cái xây dựng mơ ước, lý tưởng, có quan niệm, lối sống tích cực, đúng đắn. Thậm chí có nhiều trường hợp không có sự quan tâm giáo dục từ nhỏ, gia đình, nhà trường và xã hội gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý con cái khi chúng đến tuổi trưởng thành.

Hành động ngược đãi ông bà cha mẹ đôi khi là sự phản ánh hành động của những người lớn mà con cái chứng kiến, chịu ảnh hưởng. Những người lớn có hành vi vô lễ với cha mẹ mình, không biết kính trọng cha mẹ, có thái độ thờ ơ, không quan tâm chăm sóc cha mẹ, ngỗ nghịch bất hiếu với cha mẹ bằng những hành vi vô đạo đức như nhểch mắng, chửi rủa, đánh đập, xua đuổi, rẻ khinh hay quở thúc cha mẹ, tất cả những việc làm đó vô tình dạy con cái sự bất hiếu. Rất nhiều gia đình con cái quở thúc cả cha mẹ mình, mặc sức lộng hành, tự tung tự tác, ngang ngược vô lối, muốn làm gì thì làm không kể gì đến người trên kẻ trước, không nghe lời khuyên bảo của cha mẹ, anh em. Do đó việc sống đời sống đạo đức, cư xử tốt với mọi người, giữ tròn bốn phận, trách nhiệm đối với ông bà cha mẹ, những người thân, làm tấm gương sáng cho con cái là việc vô cùng quan trọng mà mọi người cần phải lưu tâm.

Trong xã hội hiện đại, đời sống quay cuồng bận rộn, con người phải chịu nhiều áp lực từ công việc, từ đời

sống gia đình, đời sống xã hội cũng là một nguyên nhân góp phần tạo ra bạo lực gia đình. Con người không có thời gian tiếp xúc lẫn nhau để cảm thông nhau, để cùng nhau giải quyết những phiền não, vướng mắc, không có thời gian tĩnh lặng để chiêm nghiệm, quán chiếu, không có điều kiện giải tỏa những tâm lý ức chế, từ đó dễ dẫn đến hành vi bạo hành. Giải pháp trong trường hợp này là làm sao thiết lập được đời sống quân bình, con người tạo được cho mình trạng thái tinh thần thanh thản, thoải mái, bớt những âu lo, căng thẳng, bức bối.

Nếu các mối quan hệ trong gia đình được thiết lập trên tinh thần bình đẳng tôn trọng lẫn nhau thì không có tình trạng bạo lực gia đình. Nếu mọi người biết yêu thương nhau, đặt nghĩa tình lên trên quyền lợi, không tham lam, hẹp hòi, ích kỷ; biết bao dung độ lượng, không bảo thủ cố chấp, không độc đoán độc tài, thì chắc chắn không xảy ra mâu thuẫn xung đột giữa các thành viên. Do đó việc xây dựng ý thức đạo đức, đời sống hướng thiện là điều hết sức cần thiết để căn bản giải quyết nạn bạo lực gia đình.

Đức Phật dạy người cư sĩ Phật tử nên giữ gìn năm giới để xây dựng hạnh phúc gia đình: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Giữ gìn năm giới, người Phật tử tránh được những lầm lỗi sinh ra từ rượu, từ nữ sắc, từ lời nói và hành động thô bạo thiếu nhân từ như hành hạ, đánh đập, chửi mắng v.v.

Trong kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* (Trường bộ), Đức Phật cũng dạy về tình cảm đạo đức, bốn phận và trách nhiệm của các thành viên trong một gia đình đối với nhau:

Bốn phận của cha mẹ đối với con cái: là nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ con cái nên người, hướng con cái đến con đường lành, dựng vợ gả chồng cho con cái khi con cái trưởng thành, trao truyền sự nghiệp, tài sản cho con cái.

Bốn phận của con cái đối với cha mẹ: kính yêu, chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, giúp cha mẹ giữ gìn truyền thống gia đình và sự nghiệp, sống tốt để cha mẹ yên lòng và tự hào về con cái, hướng cha mẹ đến điều lành điều thiện.

Bốn phận của người chồng đối với người vợ: Tôn trọng, thương yêu, bảo bọc vợ, đảm bảo cho vợ các nhu cầu đời sống, một lòng chung thủy với vợ, quan tâm lo lắng, sẽ chia công việc gia đình. Đức Phật còn dạy, đối với vợ, người chồng phải vừa là chồng, vừa là người yêu, vừa là bạn, vừa là anh em.

Bốn phận của người vợ đối với người chồng: Tôn trọng, thương yêu, một lòng thủy chung son sắt, quan tâm săn sóc chồng chu đáo, quán xuyến việc nhà cửa, sẽ chia buồn vui ấm lạnh với chồng. Đối với chồng, người vợ phải vừa là vợ, vừa là người yêu, vừa là bạn, và có khi là chị hay em, hoặc như là mẹ với ý nghĩa là hết lòng thương yêu, và biết hy sinh tận tụy. ■



TẤN NGHĨA

Chuyện tiền thân Kancanakkhandha (Jataka 276) kể lại câu chuyện liên quan tới việc xử lý các vấn đề có quy mô rộng lớn.

Câu chuyện này, khi trú tại Xá-vệ, Bậc đạo sư kể lại về một Tỳ-kheo. Theo truyền thuyết, một thiện nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, đã gửi cả tâm tư vào ba ngôi báu và xuất gia. Tỳ-kheo trẻ này được một vị sư trưởng và một vị giáo thọ sư dạy về giới: “Này Hiền giả, đây là giới, giới một loại, hai loại, ba loại, bốn loại, năm loại, sáu loại, bảy loại, tám loại, chín loại, mười loại, giới nhiều loại. Đây là tiểu giới, trung giới, đại giới. Đây là giới hộ trì giới bốn, đây là giới hộ trì các căn, đây là giới thanh tịnh mạng, đây là giới sử dụng các vật dụng”.

Những người mới xuất gia sẽ được học hỏi về những điều phòng vệ cần thiết và chấp thuận tuân theo những điều phòng vệ ấy. Những điều này được gọi theo truyền thống là giới luật. Các vấn đề của Phật học thường được khảo sát chi li, cụ thể. Vì thế, các vị hướng dẫn đã cố gắng giảng dạy cho người học trò.

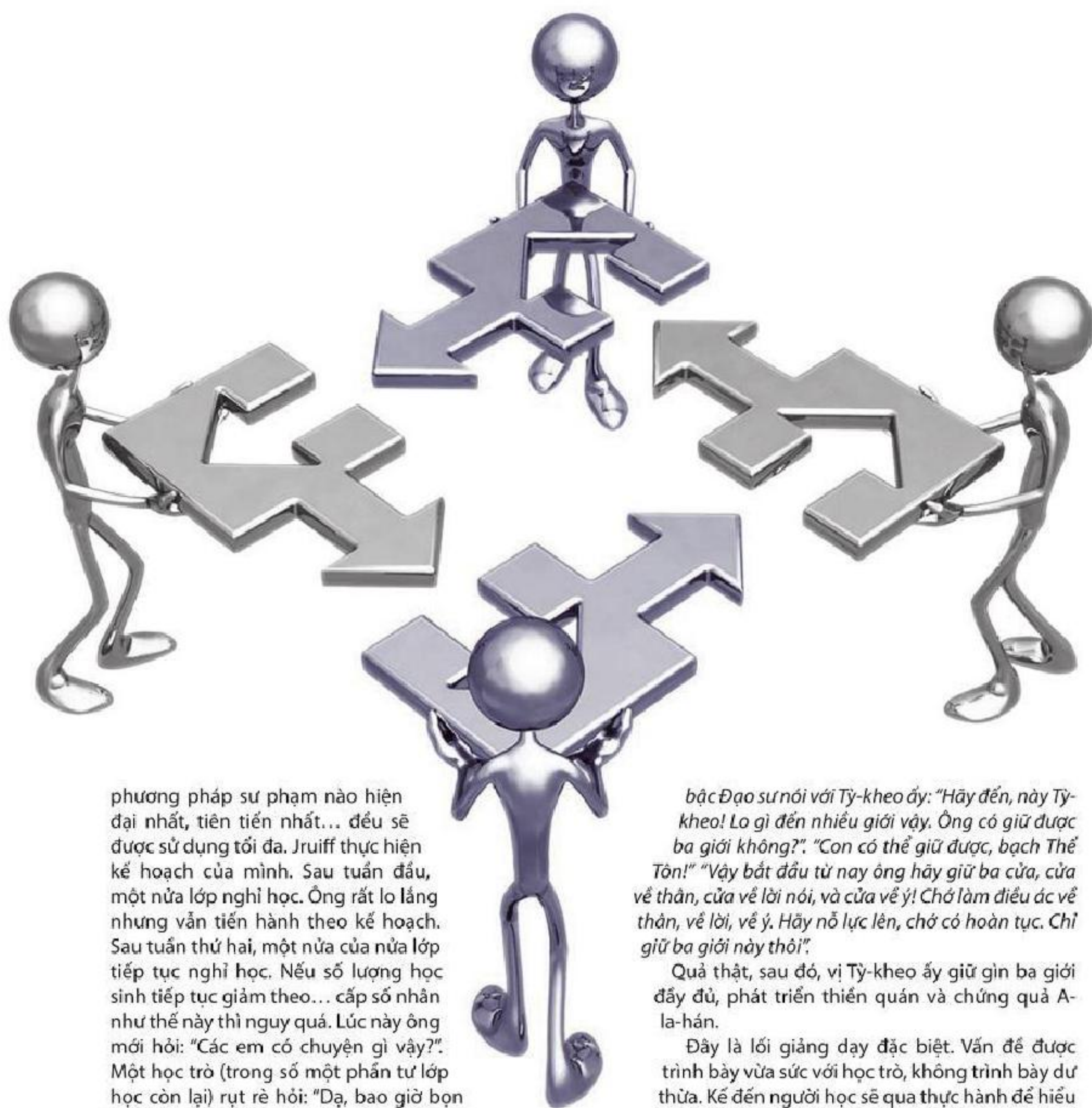
Tỳ-kheo trẻ ấy suy nghĩ: “Giới này thật quá nhiều. Với chừng ấy giới phải chấp nhận, ta không thể nào giữ trọn. Không thể giữ trọn đủ giới thì xuất gia có lợi ích gì? Ta hãy trở lại làm gia chủ, làm các công đức như bố thí... và nuôi dưỡng vợ con!”. Nghĩ vậy, Tỳ-kheo ấy thưa: “Thưa Tôn giả, con không có thể giữ giới. Không có thể giữ giới thì xuất gia có lợi ích gì? Con sẽ hoàn tục. Xin các Tôn giả hãy lấy lại y bát”.

Đây là lỗi thường gặp ở những người thấy. Lỗi này xảy ra vì thấy quá... tâm huyết. Các thầy giáo này thường theo “mô hình ngân hàng”. Họ cho rằng học trò là một “ngân hàng” dữ liệu. Nhiệm vụ của thầy là “truyền dữ liệu” mình biết vào trong ngân hàng ấy. Vì muốn học trò giỏi, hiểu được vấn đề như mình, các

thầy cố gắng giảng dạy thật đầy đủ, chi tiết. Thầy X. học về một vấn đề trong nhiều năm. Thầy được học kiến thức này năm học lớp 12, sau đó có thêm bốn năm học chuyên môn ở bậc đại học và có thể có 20 năm giảng dạy, tính ra, thầy đã có tới 25 năm để biết về vấn đề ấy. Thầy giảng dạy nhiều thế hệ học trò, nên vấn đề được lặp đi lặp lại nhiều lần đến mức gần như thuộc lòng. Nay, chỉ trong... một tiếng đồng hồ, thầy X. đem cả tâm huyết... một đời ra dạy. Kiến thức thật nhiều, ví dụ thật kiểu mẫu. Thầy X. muốn học trò... hiểu bằng mình... chỉ qua một tiếng đồng hồ... phù du. Hậu quả là học trò... chẳng hiểu gì cả.

Tình trạng này cũng xảy ra tương tự với các hướng dẫn viên du lịch. Chị Y. đã hướng dẫn khách du lịch đến Paris nhiều lần cho nên chị biết về thành phố Paris như biết lòng bàn tay của mình. Chị Y. muốn cho các vị khách lần đầu đến Paris hiểu về Paris nhiều nhất. Dùng một tấm bản đồ, Y. bỏ ra một tiếng đồng hồ để giới thiệu tất cả các thắng cảnh của Paris; càng nói càng hăng. Khách lúc đầu còn hiểu chút chút, rồi sau đó càng nghe càng... quờ quạng. Khi Y. nói... hết về Paris, có vị khách hỏi đến một địa điểm rất quan trọng ở Paris: “Cô Y. ơi, cái... toa-lét ở chỗ nào dzậy cô”.

Chuyện tương tự cho một huấn luyện viên bóng chày, ông Kohan Jruiff. Trong mùa hè, Jruiff tập hợp một nhóm trẻ lại. Ông dự định dạy chúng về lý thuyết bóng chày, luật chơi, và chiến thuật. Kế đến, để cho sinh động, ông sẽ dùng các video clip quay chậm cho chúng xem. Jruiff sẽ mô tả tất cả bằng phần lên bảng để chúng có thể thấy toàn cảnh. Ông cố gắng nhấn mạnh, lặp đi lặp lại các điểm chính. Để tăng phần hấp dẫn, ông nghĩ là nên kể vài câu chuyện cười. Cuối đợt huấn luyện ông sẽ cho chúng thực hành để kiểm tra xem chúng đã học được gì. Nói chung, tất cả những



phương pháp sư phạm nào hiện đại nhất, tiên tiến nhất... đều sẽ được sử dụng tối đa. Jruiff thực hiện kế hoạch của mình. Sau tuần đầu, một nửa lớp nghỉ học. Ông rất lo lắng nhưng vẫn tiến hành theo kế hoạch. Sau tuần thứ hai, một nửa của nửa lớp tiếp tục nghỉ học. Nếu số lượng học sinh tiếp tục giảm theo... cấp số nhân như thế này thì nguy quá. Lúc này ông mới hỏi: "Các em có chuyện gì vậy?". Một học trò (trong số một phần tư lớp học còn lại) rụt rè hỏi: "Dạ, bao giờ bọn em được chơi bóng chày".

Sư trưởng nói: "Nếu sự việc là như vậy thì Hiền già hãy đi đến đánh lễ bậc Đạo sư". Các vị ấy đưa Tỳ-kheo trẻ đến Pháp đường, gặp bậc Đạo sư. Thấy vậy, Ngài nói: "Này các Tỳ-kheo, sao các ông mang một Tỳ-kheo đến đây mà vị ấy không muốn?". "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo này nói không thể giữ giới, trả lui y bát, nên chúng con dẫn đến đây". Đức Thế Tôn nói: "Này các Tỳ-kheo, tại sao các ông lại nói quá nhiều giới cho Tỳ-kheo này? Bao nhiêu giới có thể giữ được, ông ta sẽ chỉ giữ từng ấy giới. Bắt đầu từ nay các ông đừng có nói nữa. Ta sẽ biết những gì nên nói". Rồi

bậc Đạo sư nói với Tỳ-kheo ấy: "Hãy đến, này Tỳ-kheo! Lo gì đến nhiều giới vậy. Ông có giữ được ba giới không?". "Con có thể giữ được, bạch Thế Tôn!" "Vậy bắt đầu từ nay ông hãy giữ ba cửa, cửa về thân, cửa về lời nói, và cửa về ý! Chớ làm điều ác về thân, về lời, về ý. Hãy nỗ lực lên, chớ có hoàn tục. Chỉ giữ ba giới này thôi".

Quả thật, sau đó, vị Tỳ-kheo ấy giữ gìn ba giới đầy đủ, phát triển thiên quán và chứng quả A-la-hán.

Đây là lối giảng dạy đặc biệt. Vấn đề được trình bày vừa sức với học trò, không trình bày dư thừa. Kể đến người học sẽ qua thực hành để hiểu sâu vấn đề hơn. Vị Tỳ-kheo được giới thiệu các ý chính của việc giữ giới, sau đó thực hành ngay. Quy tắc không trình bày dư thừa có giá trị vô cùng đặc biệt trong việc dạy học. Việc giảng dạy bắt đầu chỉ vừa đủ ở mức độ người học hiểu, quan tâm, suy nghĩ chứ không phải ở mức độ mà người dạy hiểu, quan tâm, suy nghĩ. Trong vấn đề dạy học, để làm tăng tính tích cực của người học và giúp người học có cảm giác tự tin, nên khởi đầu với các vấn đề dễ hoặc những vấn đề có thể sử dụng các phương pháp cũ, các lời giải mẫu để giải một cách không quá khó khăn. Nhờ đó người học có

thể bắt đầu công việc tự học. Đây cũng chính là một khía cạnh cụ thể của việc dạy học “vừa sức”.

Sandel có một ví dụ rất hay về vấn đề này (Ken Bain, *Phẩm chất của các nhà giáo ưu tú*, Nguyễn Văn Nhật dịch, trang 227): ông có thể dạy cho con ông cách chơi bóng chày bằng cách hướng dẫn chi tiết về cách nắm gậy, cách đứng, cách nhìn hướng bóng, cách xoay người đánh bóng nhưng không cho chúng cầm đến cây gậy đánh bóng khi chúng chưa học xong “lý thuyết đánh bóng chày”. Tuy nhiên, ông cũng có thể dạy chúng bằng cách giao cho chúng cây gậy, cho phép chúng đánh thử vài cú và trên cơ sở quan sát cách đánh của bọn trẻ ông sẽ giúp chúng điều chỉnh để trở thành người đánh bóng tốt hơn. Đây cũng là quy tắc áp dụng trong việc giảng dạy “bắt đầu từ người học” và cũng là một thành phần trong việc giảng dạy “vừa sức”.

Biết được tin này, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, ngồi nói về công đức của bậc Đạo Sư: “Này các Hiền giả, Tỷ-kheo này không thể giữ Giới, muốn hoàn tục. Bậc Đạo Sư tóm thâu tất cả Giới vào ba phần, bảo Tỷ-kheo ấy giữ chúng, và giúp vị ấy đạt được quả A-la-hán”. Bậc Đạo Sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi nói chuyện gì. Được họ cho biết về đề tài câu chuyện, Ngài nói: “Này các Tỷ-kheo, một vật hết sức nặng, nếu được chia thành từng phần, cũng trở thành nhẹ. Thuở xưa, có bậc hiền trí được một khối vàng lớn, không thể nhấc lên nổi, đã chia thành từng phần, rồi nhấc lên nổi và đem vàng đi”. Nói vậy xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

Để giải quyết một vấn đề, theo các lý thuyết về phương pháp luận sáng tạo, người ta chia vấn đề đó thành nhiều bài toán nhỏ gọi là *bài toán mini*. Tập hợp các bài toán để giải quyết vấn đề gọi là *phổ các bài toán cụ thể có thể có*. Việc giải quyết vấn đề nên bắt đầu với bài toán mini vì các lý do:

- Hệ (cần cải tiến) ít thay đổi nên chi phí thấp,
- Hệ ít thay đổi nên nguy cơ gây hậu quả xấu không nhiều,
- Hệ ít thay đổi nên giải pháp dễ được chấp nhận hơn.

Việc chia vấn đề thành từng phần cũng làm cho các vấn đề khó bị cô lập lại. Quy tắc cô lập cái khó áp dụng vào việc dạy học sẽ giúp cho người học biết cách tấn công vào một vấn đề phức tạp. Bằng cách giải quyết các vấn đề nhỏ và dễ liên quan đến vấn đề phức tạp, người học có một kinh nghiệm thực sự trong việc giải quyết vấn đề. Quy tắc này cũng đánh tan quan điểm sai lầm cho rằng: đối với mỗi vấn đề chỉ có hai khả năng, hoặc giải được hoặc không giải được. Quan điểm “nhị nguyên” này làm cho cố gắng giải quyết vấn đề bị mất sức mạnh, người học dễ bị rơi vào “phản ứng con rùa” vì cho rằng mình không thể giải quyết các vấn đề phức tạp như vậy. Trong thực tế, đối với các vấn đề phức tạp, câu hỏi đúng đắn không phải là: “ta có giải được vấn đề này không?” vì cách đặt vấn đề này dễ dẫn tới tình trạng bỏ cuộc, không huy động đầy đủ các năng lực

để giải quyết vấn đề. Câu hỏi đúng hơn là: “trong vấn đề này, phần nào ta có thể làm được” hay “ta có thể làm được bao nhiêu phần”. Kỹ thuật dạy học vận dụng quy tắc này có thể gọi là kỹ thuật “vét cạn các phần dễ”.

Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát sinh làm người cày ruộng tại một ngôi làng. Ngày kia Bồ-tát đang cày trên một thửa ruộng. Thửa ruộng này, trước đây là một ngôi làng bị bỏ hoang. Trong làng có một triệu phú đã chết có chôn tại thửa ruộng một đồng vàng lớn bằng bắp vế người và cao bằng bốn khủy tay. Lưỡi cày của Bồ-tát mắc phải đồng vàng ấy nên đứng khựng lại. Nghĩ rằng đó là rễ tỏa rộng của cây, Bồ-tát đào đất lên, thấy được khối vàng. Bồ-tát chùi đất thật sạch và cày tiếp cho xong ngày ấy.

Khi thấy được khối vàng, phản ứng thông thường là bỏ cày tại chỗ và ôm đồng vàng về nhà. Vì sao Bồ-tát đã không làm như vậy? Có thể có vài lý do. Trước hết, Bồ-tát không biết khối vàng này mới chôn hay đã chôn lâu rồi. Nếu mới chôn sẽ có người ra tìm ngay vì lượng vàng khá lớn. Như thế, để đấy trong một ngày xem tình hình thế nào là điều hợp lý. Theo luật nhân quả, nếu quả thực đó là tài sản của mình được hưởng thì nó không thể mất được, không cần phải lo lắng. Nếu đó không phải là phần của mình thì chẳng nào cũng mất. Có lo cũng vô ích.

Có thể Bồ-tát cày cho xong thửa ruộng để cho xong việc hiện tại, vì việc nhận được đồng vàng này cũng không có gì chắc chắn, còn là chuyện tương lai. Đó là một cách xử sự điển hình theo Phật học: việc hiện tại cần được làm cho tốt. Nhớ lại cách đây hai mươi năm, nhiều người được xét đoàn tụ gia đình. Trong khi chờ định cư tại Mỹ, có những gia đình không làm ăn, học hành gì cả. Chờ đến cả chục năm mới tới lượt ra đi, khi đến Mỹ thì không sẵn sàng cho cuộc sống ở đó, do những năm chờ đợi không học hành gì. Thậm chí, có những trường hợp buồn hơn. Người bảo lãnh bị mất trước thời hạn bảo lãnh, việc đoàn tụ gia đình bị hủy bỏ. Việc sinh sống tại Việt Nam không xong, việc đi Mỹ cũng không được.

Khi mặt trời lặn, để ách và cày một bên, Bồ-tát nghĩ đến phương cách đem khối vàng đi. Nhưng Bồ-tát không nhấc lên được. Bồ-tát ngồi và nghĩ: “Để phần như vậy, ta sẽ nuôi sống bản thân ta. Để phần như vậy, ta sẽ chôn giấu. Để phần như vậy, ta sẽ làm các công việc. Để phần như vậy, ta sẽ làm các công đức như bố thí...”. Rồi Bồ-tát chia thành bốn phần. Khi được Bồ-tát chia như vậy, khối vàng trở thành nhẹ. Bồ-tát nhấc lên được, đem về nhà, chia thành bốn phần, làm các công đức như bố thí và đi theo nghiệp của mình.

Đoạn suy nghĩ nói trên của Bồ-tát cũng chính là suy nghĩ nên có của những người có tài sản nhiều. Tiền của cần được chia ra cho đời sống hiện tại (sử dụng, chôn giấu, đầu tư) và cho đời sống tương lai (làm các công đức). Câu chuyện tiền thân ngài này chứa đựng rất nhiều vấn đề để suy ngẫm. ■

Thủy hệ đa sắc thái

Bài & ảnh: HUY NGOAN

Người dân tộc Tạng sinh sống trên vùng “mái nhà thế giới” – cao nguyên Thanh-Tạng – đều tin rằng: Thánh sơn (núi Thánh) được nối liền với Trời, rồi nguồn nước từ Thánh sơn chảy ra cũng nối liền với Trời. Quần thể núi non ở sườn phía Bắc núi Tang-gu-la (Đường Cổ Lạp Sơn) tất thảy đều được coi là “núi Thánh”. Nguồn nước từ nơi đây chảy ra rồi cuộc đã được gọi là sông Lan Thương-Mê Kông.

Khi mùa đông tới, các ngọn nguồn chẳng chảy của sông Lan Thương-Mê Kông bắt đầu đóng băng. Nhưng nguồn nước Trời cho thì vẫn cứ âm thầm chảy xuống mãi từ bên dưới những khối băng, những đồng nham thạch và ngay bên dưới từng rễ cây dây cỏ. Đây cũng là thời khắc bận rộn của mục dân Thanh-Tạng, kể cả những người đã xuất gia cũng trở về phụ giúp gia đình di chuyển mục trường, một công việc không hề dễ dàng và nhẹ nhàng trong trời đông đất giá. Công việc của họ bắt đầu một cách khá độc đáo: buổi sáng, họ dùng một cái âu nhỏ bằng đồng hứng đầy nước tinh khiết từ trên các mỏm băng tuyết cung kính rưới nước trước tượng Phật hay hình tượng Phật để cầu nguyện, sau đó có người còn đem nước rưới lên bụng những đứa trẻ, ý muốn chúng sẽ được khỏe mạnh, thanh thoát với nguồn nước Trời ban cho này.

Trên cao nguyên thượng nguồn sông Lan Thương, người dân Tạng sống cuộc đời du mục. Từ bao đời nay, họ không hề tá túc cố định nơi nào, mà luôn di chuyển tùy theo sự thay đổi của đồng cỏ mục trường và nguồn nước. Sự sống của các cộng đồng du mục đã tiếp diễn

như thế, luôn dựa vào sức sống bất tận, vô tận biến hóa của đất Mẹ. Trời trở lạnh, các nơi đều chuẩn bị dọn nhà tới mục trường mới. Tất cả các thành viên trong gia đình đều tham gia sắp xếp di chuyển, trước hết là mang theo lều và các vật dụng trong đời sống thường nhật. Ai có mặt trước tại nơi ở mới thì trước tiên họ đun nước pha một ấm trà ngon, rồi nướng lùi một cành dâu để cầu sự tốt lành, tiếp theo mới là những công việc khác như căng lều, sắp đặt v.v.

Có những người chủ mục trường ở gần một chi lưu sông Trát Khúc (tức một trong hai nhánh hợp thành sông Lan Thương) cho biết: việc di chuyển nơi thả chăn này không chỉ đơn thuần tìm chỗ ở mới mà còn giúp cho mục trường mùa hè có thời gian cần thiết để tự khôi phục ngay trong lúc hoang vu giá lạnh. Trong khi các mục trường tự “sống lại” thì môi trường nước tại khu vực đầu nguồn sông Lan Thương-Mê Kông cũng được bảo vệ.

Địa danh Táp Khúc, thuộc huyện Ngọc Thụ, tỉnh Thanh Hải, Trung Quốc, nơi sông Lan Thương khởi nguồn, có nghĩa là “nơi nhiều dòng chảy”. Rất nhiều chi lưu nhỏ lớn nơi ngọn nguồn một dòng sông như thế này là hiện tượng vô cùng hiếm có của sông ngòi thế giới. Ngay tại nơi hội lưu của hai chi nhánh chính là Trát A Khúc và Trát Na Khúc đã có tới hơn bốn trăm nhánh lớn nhánh nhỏ.

Theo số liệu khảo nghiệm khoa học mới nhất thì đầu nguồn sông Lan Thương nằm ở núi Kiết Phúc cao 5.200m so với mực nước biển, thuộc địa phận huyện Táp Đa, châu tự trị dân tộc Tạng Ngọc Thụ, tỉnh Thanh Hải. Nếu tính từ đây, sông Lan Thương-Mê Kông có chiều dài 4.909km, các chi lưu không ngớt hội nhập, dòng



sông cứ thế lớn mãi lên... dòng sông thơ mộng, huyền bí này bắt đầu từ nơi khởi nguồn, đi qua rất nhiều nơi thờ phượng, cầu phúc linh thiêng, chùa Cường Ba Lâm chính là một trong những nơi hùng vĩ như thế, uy nghi đứng giữa nơi mạch núi Hoàng Đoạn, ngay trên tảng đất đỏ do dải băng hà cổ chia cắt mà hình thành... Đứng trước cửa lớn của chùa, chúng ta có thể ngắm toàn cảnh thành phố Xương Đô (Qam do), nhìn thấy 2 chi lưu lớn nhất từ ngọn nguồn là Trát Khúc và Ngang Khúc nhập dòng ngay nơi chân núi phía dưới chùa.

Xương Đô được coi là đệ nhất trọng trấn ở phía Đông khu tự trị Tây Tạng, là một trong những nơi phát tích của nền văn minh Tạng tộc cổ đại. Xương Đô, tiếng Tạng là "Qam do" có nghĩa là nơi nhiều sông nhập dòng. Hai chi lưu Trát Khúc, Ngang Khúc đến từ đầu nguồn đã gặp nhau ở đây; cũng từ nơi hội lưu này, dòng sông được gọi là Lan Thương. Như vậy bắt đầu từ núi tuyết và đồng cỏ của xứ sở trời băng đất tuyết Thanh Tạng, đến Văn Nam, sông Lan Thương-Mê Kông đã mở toang mạch núi Hoàng Đoạn, ào ạt băng qua khe sâu giữa ngàn trùng núi cao, có lúc chênh lệch độ cao lên tới 3.000m.

Núi tuyết Mai Lý cao 6.740m ở phía Tây nam Trung Quốc có một cụm đỉnh tuyết trắng lệt, đây là những đỉnh tuyết cao nhất trên toàn lưu vực sông Mê-Kông, đó cũng chính là những đỉnh núi thần thánh trong tâm linh người Tạng...

Tiểu vùng sông Mê-Kông với diện tích 2.570.000km², dân số hơn 320 triệu người, có thể nói là một khu vực có cùng bối cảnh văn hóa. Tuy nhiều dân tộc khác nhau nhưng tất cả mọi người đều mong muốn được chung sống hòa bình, coi trọng tín ngưỡng, gìn giữ nền văn hóa truyền thống. Bất luận về tài nguyên thiên nhiên, phong cảnh, tập quán hay giao lưu cộng đồng, tiểu vùng sông Mê-Kông đều được coi là nơi có sức thu hút kỳ lạ, độc đáo. Từ trên cao nhìn xuống khu vực này, các dãy núi cao thấp ngang dọc đan xen, tạo nên địa hình Bắc cao Nam thấp, cùng với các vành đai khí hậu khác biệt. Từ ôn đới đến nhiệt đới, các loài thực vật không ngừng sinh sôi phát triển, ra hoa kết trái suốt bốn mùa. Trên mặt đất, sông ngòi chằng chịt như mắc cửi, người dân cư trú, làm ăn dựa vào dòng sông; nước sông cần mẫn từ bao đời nhũn gọi cho đất mẹ thêm tươi tốt, sản sinh ra những nền văn minh muôn vẻ muôn màu.

Mỗi khi một dòng sông chảy qua xứ sở của mình, người ta sẽ đặt tên cho nó, Mê-Kông cũng thế, nó có những tên gọi khác nhau qua từng vùng đất, từng cộng đồng. Bầu trời nơi đây luôn vang vọng nhiều làn điệu dân ca, trên đất Mẹ luôn tung bừng những điệu vũ, và bên dòng sông, từ đời này sang đời khác vẫn luôn có những câu chuyện, những truyền thuyết mãi lưu chuyển như dòng chảy chưa bao giờ ngưng nghỉ. ■

Thương về làng cũ

HUỲNH KIM BÙU

Người ta gọi bờ tre làng là “lũy” tre. Ở nông thôn ta ngày xưa, lũy tre làng cùng với cổng làng xây gạch là “thành lũy” bảo vệ cuộc sống yên vui cho bao thế hệ dân làng. Làng An Định tôi cũng vậy.

Làng tôi có bốn xóm. Giữa các xóm, ngăn cách nhau bởi mấy đám ruộng, con mương xanh nước chảy nổi phấp phù mấy khúc cây dừa, cây cau bắc qua làm cầu. Giữa làng có đình làng. Đồng làng gồm có *cánh* đồng trước *cánh* đồng sau tạo thành *đôi cánh* của loài chim đại bàng, cho làng cất cánh bay lên giàu có, như ước nguyện của bao đời người trong làng. Trong đồng làng, có thêm cái ao sen rộng ở giữa nở hoa rực rỡ và ngát hương thơm suốt mùa hè...

Người nông dân làng quê tôi làm mùa: Tháng Ba gặt hái, cấy cày trong cảnh trên nắng dưới nước, nhiều năm cấy xong, cây lúa gặp hạn, tát nước dài tay; tháng mười, làm công việc đồng áng dưới trời mưa to gió lớn, lụt trắng đồng... Má tôi là thợ cấy, bà vẫn cầu Trời:

Người ta đi cấy lấy công; Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề... (Ca dao).

Vừa xong việc mùa màng, người ta bắt tay làm đủ các nghề phụ: chằm nón lá, *hàng xáo*, giữ rạ đánh tranh... Không có nghề nào tội nghiệp bằng nghề giữ rạ để có hạt lúa ẩm mốc của đồng rạ, đem về ăn, bung chén cơm ăn mà nghe mùi rạ ẩm mốc bốc lên từ chén cơm! Cả xóm miếu Tây làm nghề cần xa cừ trải mấy đời. Người

ta cũng đi tới làng khác làm nghề phụ, như lên Phương Danh làm thuê nghề dệt, lên Bằng Châu, Bả Canh - đúc đồng, vào chợ Bình Định - bịt trống da trâu, lên Nam Tân - làm rèn... Trước khi làm nghề, ai cũng phải trải qua học nghề. Ông Cửu Dự học nghề cần trên Cẩm Văn rồi mang về truyền cho con cháu trong nhà, trong tộc họ Nguyễn, chẳng bao lâu lan rộng ra cả làng An Định.

Điều hành việc làng, có hương lý gồm lý trưởng, phó lý, hương kiểm, hương mục... Trên hương lý có Hội đồng kỷ mục gồm các bộ lão. Ông ngoại tôi cũng được dự vào hàng bộ lão. Việc làng được đưa ra đình để toàn dân bàn bạc. Việc đã được quyết định rồi dẫu có trái phép vua cũng thực hiện, vì trên đã cho *Phép vua thua lệ làng*. Hương lý làng An Định, ai giàu có thì của nả đáng kể cũng chỉ ngôi nhà cặp tranh ba gian hai chái, mấy đám ruộng sâu, đôi trâu nái, một đụn rơm to... Hối biến động 1908, cả làng vào hết thành Bình Định nhập vào cả phủ, cả tỉnh đòi giảm sưu cao thuế nặng. Và cũng bao trai trẻ trong làng đầu vào Nghĩa quân Văn Thân của Mai Xuân Thưởng.

Có mấy vùng quê giàu có đâu! Làng tôi cũng là một làng nghèo. Ngoài tôi cất ngôi nhà tranh vách đất, ngoại mong đó là *chuyện bách niên* (đời người chỉ một lần, như chuyện cưới gả, chuyện tang ma) tức là cầu cho cái nhà đó được ông bà ngoại ở trọn đời, rồi còn truyền cho con cháu nhiều đời kế thế ở. Vàng bạc rất quý hiếm. Bên nội tôi, mấy đời người chỉ sắm được một

cây kiểng vàng vài phân. Với cây kiểng vàng đó, ông nội đi cưới bà nội, rồi luân chuyển, bà nội đem đi cưới má về làm con dâu, má đem đi cưới chị dâu, chị dâu đem đi cưới em dâu... Tôi vẫn được ông bà dạy bảo rằng hạt cơm là *hạt ngọc*. Câu ca dao: *Ai ơi bụng bát cơm đầy; Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần*, in trong sách *Quốc văn lớp Đồng ấu*, được tôi thuộc lòng từ thuở tóc để chỏm. Ngày tháng phong lưu của làng tôi là những khi được mùa, cánh đồng làng dâng một mùa vàng, cho lúa thóc đầy bồ, “cho bát cơm đầy, khúc cá to”. Làng An Định thuộc khu Đông của Phủ An mà khu Đông thì được tiếng “gạo trắng nước trong”.

Đình làng có “Xuân kỳ Thu tế”, miếu xóm có lễ “Thanh minh trong tiết tháng Ba”, chùa Thiên An có lễ Vu lan Rằm tháng Bảy... Đó là các lễ hội hằng năm của làng An Định, mà chắc rằng các làng khác ở đâu cũng thế. Chưa tới ngày lễ hội, người ta đã náo nức. Người trong làng hớn hở đi lễ hội, người các làng khác cũng đổ về. Người ta dự cúng tế, ăn uống theo tập tục “*một miếng thịt làng bằng một sàng xó bếp*”, tham gia các trò chơi, các cuộc tranh tài như đồ vật, kéo co, đánh đu... được gặp gỡ, giao duyên, mời trầu... Người làng tôi còn đi dự các lễ hội ở nơi khác, như lễ hội Đổ giàn ở An Thái, lễ hội chùa Linh Phong – Núi Bà, lễ hội chùa Bà – Cảnh Hàng, lễ hội chùa Kén nơi thờ vị Tổ nghề dệt ở Phương Danh, lễ cúng Tổ nghề đúc đồng ở đình Bằng Châu... và lễ hội Chiến thắng Đống Đa ở Tây Sơn, lễ hội lớn nhất trong năm. Các ngày Tết, nhất là Tết Nguyên đán, trong không khí thiêng liêng, các gia đình vui vầy trong cảnh đoàn tụ. Trẻ con chúng tôi luôn háo hức mong Tết, vì lúc ấy chúng tôi được nhận tiền *mừng tuổi*, xúng xính quần áo mới, được *miễn* bị đòn theo tục ngày Tết. Nội, ngoại tôi cũng như những người cao niên khác trong làng được ra đình, lên chùa để được *trọng vọng* (theo tục *trọng xỉ*) được thanh tịnh cõi lòng.

Người làng thích xem tuồng, hồ bài chòi, hát dân ca... Trong dịp Xuân kỳ Thu tế ở đình làng, thế nào cũng tổ chức hát bội. Có mấy bản tuồng hay như *Cổ thành*, *San hậu*, *Tam nữ đồ vương*... người ta vẫn xem đi xem lại. Ông Phụng Chấn lập gánh hát bội ở trong làng, gọi là Gánh hát Bàu Chấn, đi hát đình, hát đám của các tư nhân khắp trong vùng Phủ An. Tôi thường đi theo người lớn đến những buổi hò hát: Hò già gạo, cấy lúa đêm trăng, hò kéo gỗ trên sông... Ba - má tôi là một trong nhiều cặp con trai con gái nhờ gặp nhau trong những đêm trở tài hò đối đáp già gạo mùi mẫn mà nên duyên vợ chồng. Hò hát của họ thường là những câu ứng tác, bắt đầu bằng những từ, cụm từ: *Ngó lên, Trèo lên, Bớ anh, Này chị*... Và có lệ bắt buộc: *Tới đây chẳng hát thì hò / Há phải con cò ngóng cổ mà nghe* (Ca dao).

Lúc rảnh rỗi ngồi chơi, người ta hay kể chuyện tiếu lâm, chuyện đời xưa, nói tuồng tích... Đến lúc cao hứng thì hát chơi mấy câu Nam, Khách, Lý mọi, hồ bài chòi, giọng cũng thanh tao, đúng làn điệu lắm... Lũ trẻ con hát đồng dao... Thằng Cu Tý, con Nhài, con Lệ ứng tác

giỏi, nhiều câu hay, khó quên: “*Chị kia má đỏ hây hây; Đợi ai, ra đứng ngó mây trông trời*”. Rồi: “*Ông Tây nói chuyện (với) bà Đằm; Nghe tôi rao kẹo ầm ầm chạy ra*...”

Trong các gia đình, dù là nhà nhỏ hay nhà to, cũng có một không gian thờ phượng, không gian văn hóa, thường bố trí ở *nhà trên*. Nơi đó, bài trí bàn thờ gia tiên với những đồ chân đèn, bát nhang, treo những hoành phi, liễn đối, tranh tứ bình... đầy những câu chữ giáo huấn đạo làm người, triết lý những lẽ vũ trụ nhân sinh, tả những phong cảnh đẹp... Và bên cạnh đó là những giá sách chất cao những *Tam thiên tự, Ngũ thiên tự, Quốc văn giáo khoa thư, Luận lý giáo khoa thư*... Cả truyện cổ dân gian Việt Nam và tiểu thuyết chương hồi bản Trung Quốc nữa. Nhà khá giả như nhà quan hưu trí Trần, nhà Phán Sanh, Thừa Hỷ... còn lập cả thư phòng, viện sách. Sách nhiều mà người biết chữ ít, thì ai đọc sách? Sách chữ Nho, người già đọc. Sách giáo khoa, học trò trường làng, trường tổng, trường phủ học. Sách truyện, *sắp nhỏ* học trò đọc cho cô bác, ông bà nghe. Bà Bếp Nảy mê truyện Tàu, những hôm đi chợ Phủ, thế nào cũng mua sách đem về nhờ “*sắp nhỏ đọc cho nghe*”, lời bà. “*Sắp nhỏ*” ấy là tôi và lũ thằng Cu Nheo, Cu Hoát đang học tiểu học trường Phủ. Người có học làm hiển vinh gia đình, tộc họ, làng xã. Làng trích ruộng nhất đẳng điền làm *học điền* để trợ cấp cho người đi học. Ông Cử Nghị, ông Thừa Hỷ và nhiều người nữa, nhà nghèo, hiếu học, nhờ hưởng học điền mà được đi học và thi đỗ, người trở thành ông Cử, ông Tú chữ Nho đi làm quan, làm thầy đồ; người lấy bằng Thành chung, Tú tài Tây học được bổ làm công chức ở Ty này, Sở kia.

Người ta sống thủy chung với làng xóm. Vì ai cũng biết, nơi đó mình chôn rau cắt rốn, tổ tiên và các đấng sinh thành ra mình sống và an nghỉ đời đời. Vì lẽ mưu sinh, ai đó phải rời làng đi xa, và dẫu có thành đạt đến đâu, ít ai tránh khỏi mặc cảm “*tha phương cầu thực*”. Các bậc được bổ đi làm quan, như ông Phủ Trần, Lãnh binh Sự, Phán Sanh... khi thi đỗ, được bổ quan thì về làng làm lễ vinh quy bái tổ; cuối đời về hưu cũng quay về làng sống với họ hàng, làng xóm, không phân biệt sang hèn: “*Chú đáo bên đình lên với tớ; Ông từ xóm Chợ lại cùng ta*” (Nguyễn Khuyến).

Ai đi qua khỏi đèo Cù Mông, đèo An Khê, bị coi đã đi vào cõi xa xăm, mù mịt, “*khuất núi*” rồi! Về nhà chồng để sống hạnh phúc lứa đôi, nhưng chị tôi không nguôi nhớ mẹ và nhớ quê: *Chiều chiều ra đứng ngõ sau; Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều* (Ca dao).

Bây giờ làng quê tôi có nhiều đổi khác. Mới rồi, tôi về quê ăn giỗ ngoại. Ngôi nhà từ đường hai tầng mới xây, cỗ giỗ dọn lầu, ca-ri bánh mì, bia Sài Gòn, món tráng miệng bánh kem, bánh bích-quy... Chứ không dọn củn, mận, xào khô đa trâu, rượu Bàu Đá, cơm trắng cá ngon, cho tráng miệng bánh ít, bánh in, bánh thuẫn... như hồi xưa. Cái này cùng với bao cái khác đang lui dần vào ký ức của chúng ta về một làng quê cũ. ■



Tâm thức mù lòa & đốm lửa mong manh

NHUY NGUYỄN

Có những suy nghĩ tưởng chừng như được vớt ra từ tận đáy sâu của tiềm thức và mang theo sự thôi thúc khiến kẻ có suy nghĩ ấy phải nói ra. Chẳng hiểu sao những suy nghĩ về thời gian cứ khiến tôi phải đặt bút viết.

* * *

Nếu chúng ta giải quyết gọn ghẽ thời gian, mọi sự sẽ thay đổi; và cái nhìn về tâm linh của tôi cũng thay đổi. Đó chính là bước tiến bộ trong phần người của tôi. Tự đó mà tôi suy ra rằng con người không quan trọng; con người chỉ bắt đầu quan trọng khi chạm được vào miền tâm linh. Sở dĩ con người không muốn chạm vào miền tâm linh vì họ thấy cuộc đời này dài hàng trăm năm, thậm chí vài ba trăm năm; nên hãy cứ sống và

hưởng thụ đã, gần cuối đời chạm tay vào miền tâm linh cũng chưa phải là muộn. Ai đảm bảo cho việc ta sẽ sống đến trăm tuổi. Ai đảm bảo rằng ta sẽ không rời khỏi không gian này khi chưa hiểu đủ về đời sống vật chất. Tại sao có những đứa trẻ mới mở mắt chào ánh sáng đã phải quay lại nơi nó xuất phát cách chín tháng mười ngày trước đó? Tại sao ta không dựa vào linh cảm và trực giác của ta - đây là kho tư liệu vô tận mà ta đã tích tụ từ rất nhiều kiếp, và nó đã bật mở nhiều lần vào những lúc bộ óc của ta mệt lả, dẫn độn? Những phát minh, những câu thơ đoạn nhạc xuất thần, những ý tưởng vụt sáng như ngôi sao băng... đều xuất phát nhờ bộ óc thông minh của ta (?). Bây giờ khoa học đã chế ra máy chụp được hào quang của sự vật và hiện tượng, máy thu được thứ âm thanh đã "mất" trong không gian

nhiều thế kỷ trước, máy chụp lại thời điểm xảy ra vụ tai nạn mặc dù nó đã trôi qua; khoa học đã chế tạo ra kính viễn vọng nhìn thấu các thiên hà, rồi khoa học cũng sẽ chế tạo ra kính nhìn thấy linh hồn. Khoa học đã đo được tốc độ ánh sáng là 299.992km/s, có ghê gớm hơn tốc độ của xe máy phân khối lớn hay tàu hỏa, máy bay siêu tốc? Tại sao chúng ta không chịu dùng trực giác nhạy cảm của mình dẫn đường tới miền tâm linh? Không gian tâm linh có ngay nơi ta ngồi đây, nhưng ta không muốn tiến nhập vào nó, ta chờ khoa học chứng minh điều đó là sự thật đã. Khoa học chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc chứng minh cho con người thấy vùng sáng mà que diêm xoẹt lên trong bầu trời tâm linh bí ẩn và... "tăm tối".

Quay lại vấn đề thời gian, thời gian thăm thẳm trong vũ trụ rộng lớn với hàng tỉ hành tinh lớn hơn trái đất này, và thời gian chúng ta đang sống, chỉ là điểm dừng chân nghỉ mát trên chặng đường mà con tàu tâm linh chạy với vận tốc thấp nhất 299.992 km/s, như vậy chúng ta đã mờ ảo nhận diện được thời gian rồi; như vậy có nghĩa chúng ta đã thừa nhận một trăm năm cho cuộc đời của ta, cho chặng đường mà ta phải đi, chỉ là một chớp mắt trong dải Ngân hà. Sự tiến bộ vĩ đại loài người trong chúng ta đã khởi hành. Có nghĩa là lúc chúng ta không may mắn (hoặc đúng ra là may mắn) chết đi, chúng ta đâu còn phải lẩn mò để tiếp tục bước ở thế giới siêu hình như lúc ta sinh ra ở thế giới hữu hình này. Có nghĩa, ngay lúc này, chúng ta phải chuẩn bị cho mình sự chết.

Chết đi, chúng ta hoàn toàn không mang theo được gì cả ngoài Đức và Nghiệp. Nếu ta có đức, như vậy là ta đã có hành trang; nếu ta có nghiệp, ta cũng phải mang theo qua bên kia, không cất giấu hay biến thủ đi đâu được. Vậy, để chuẩn bị cho sự chết, chúng ta nên chuẩn bị những gì? Hãy tưởng tượng, lúc chết, ta là một người cô đơn trong một căn phòng, đang xem truyền hình trực tuyến từ nước ngoài, phát sóng cảnh vợ ta quan hệ với người tình của nàng; hay cảnh tài sản của ta đã cất giấu kỹ, nay con cháu bẽ bạn trộm cắp chia chác, mà ta không hề can thiệp được; chỉ có hành trang chúng ta đã chuẩn bị lúc sống, là ta không tiếc nuối, không ghen tuông; con đường phía trước của ta còn quá xa, tâm bình mà bước; khi ý niệm đó chuyển thành hành động, thánh thần song hành cùng ta.

Hầu nhiều người còn phải chờ khoa học chế tạo ra một loại máy điện toán để phân tích mỗi cử chỉ, ý niệm,

hành vi ra đức và nghiệp. Và hơn hết, khoa học phải chứng minh bằng được kiếp trước kiếp sau. Nhiều người vẫn không tin vào sự đầu thai, và ai đó vẫn khẳng định rằng ông nội mình còn "sống" ngoài mộ, chỉ là mình không nhìn thấy được ông cụ. Vì sao? Vì người đã mất đang ở không gian khác, đâu ngay cạnh chúng ta. Không gian khác, thời gian dĩ nhiên cũng khác. Thật ra, người mất đã trở lại với không gian của ta rồi, có khi là ân nhân qua đường, là người hàng xóm, và không ngoại trừ họ là con của ta, là chim trong lồng, gà heo trong chuồng nhà ta, cũng có thể họ đang giữ nhà cho ta với tư cách chó. Ta cho nó ăn hay để nó đói rét, hay ta vỗ béo để làm món cỗ. Và rồi như một đứa trẻ, ta cũng đang vẽ từng nét thú lên chân dung mình ở kiếp tương lai.

* * *

Tình cờ đọc tác phẩm của một văn hào Nobel, *Mù lòa*. Đọc mười trang đã biết ông này bịa, vậy mà chuyện bịa như thật. Cảm giác giống ngày bé nghe chuyện ma; ngơ nghe quan niệm, ma làm gì có thật, song nghe kể thì há hốc mồm ra nuốt từng chi tiết, sợ. José Saramago đã "xỏ mũi" người đọc đi theo từng trang sách. Chuyện bắt đầu từ một người đàn ông đang đi giữa phố chợt không nhìn thấy gì nữa; sau, từ ông, bệnh mù trắng đó lây lan thành dịch, người chưa bị mù chẳng may nhìn vào mắt người mù thì mù luôn. Họ bị nhốt cách ly vào một nhà thương điên bỏ hoang; đúng hơn, chính quyền đã lừa họ vào đó như lừa bầy súc sinh, tự "đấu tranh sinh tồn". Họ giăng xé nhau từng miếng ăn; những người phụ nữ thì phải lẩn theo dây đi trao thân cho bọn cơ hội để đổi lấy cơm cho lũ đàn ông, đến chết. Họ lại phải tự tay mò mẫm đào hố chôn thây. Và khi họ được thả tự do, cũng là lúc bệnh dịch lan tràn khắp đất nước, chính quyền bó tay, y học bó tay. Trên từng nẻo đường góc phố, người người dắt díu nhau đi kiếm ăn. Những nhân mạng đói rục bên đường bị lũ chó xông vào xé từng miếng thịt để thỏa mãn cơn đói. Một người đàn bà mù đã ăn thịt sống những con thỏ và bầy gà trong khu vườn của ngôi nhà không phải của bà... Bao cảnh tượng thê lương, kiệt cùng, bi đát, rùng rợn... Tôi trộm nghĩ José Saramago đã làm một cuộc dự báo về tương lai của loài người, khi trái đất này đã chịu đựng quá nhiều tội lỗi do nhân loại gây ra.

Nhưng lấy bản thân ra mà chứng nghiệm, thì thấy chính tôi là người đang nghênh ngang đi giữa trần gian bằng sự mù lòa của đôi mắt sáng. ■





Vang động thanh âm 36 phố phường...

HỒ THU

Trên một diễn đàn nghệ thuật diễn ra cách đây không lâu, một nhà nghiên cứu đã cho rằng so với các vùng miền trên cả nước, Hà Nội là vùng đất được các nhạc sĩ ưu ái nhất, dành nhiều tình cảm nhất. Bằng chứng là số ca khúc về Hà Nội, cho Hà Nội, sẻ chia cùng Hà Nội - mà toàn là những ca khúc hay - nhiều đến mức khó thống kê hết. Sự vượt trội ấy, trước hết vì Hà Nội là trái tim của Tổ quốc và thêm vào đó, đây còn là vùng đất rất mực thiêng liêng và hào hoa...

Quả thật không khó để nhận ra chiếc áo "thiêng liêng và hào hoa" khoác lên trong từng ca khúc viết về Hà Nội từ xưa đến nay. Từ những vẻ đẹp đặc trưng của Hà Nội như hàng cây, góc phố, cửa ô... hay những địa danh lịch sử như Hồng Hà, Hồ Gươm..., mỗi ca khúc đã đưa đến cho thính giả một sự cảm nhận tinh tế ẩn

chứa sâu trong sự quen thuộc tưởng như nhàm chán đó một "cái hồn" đầy ắp những suy tư, tình cảm sâu lắng về mảnh đất ngàn năm. Ngược về thời gian để thấy, từ những năm tháng chiến tranh gian khó, những ca khúc viết về Hà Nội đều mang âm hưởng tráng ca trầm hùng, thể hiện vóc dáng thủ đô sừng sững dưới mưa bom bão đạn. Vẻ đẹp đó gắn với tình người cháy bỏng, họ quyết chí ra đi vì độc lập dân tộc nhưng mang nặng trong lòng sự lưu luyến với Hà Nội thân yêu: "*Một chàng trai là chiến sĩ biên phòng. Một cô gái lên đường đi xa. Vẫn thủy chung với cả tấm lòng. Hà Nội ơi! Một trái tim hồng*" (Nguyễn Đức Toàn). Yêu Hà Nội, hẳn không ai không nhớ ca khúc *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi, một trong những bài hát được các chiến sĩ cách mạng hát vang suốt đường về tiếp quản thủ đô một ngày thu tháng Mười lịch sử. Ở đó, có một Hà Nội lịch

lăm ngàn ngút cháy dưới lửa thù, có những trái tim quyết tử và tràn đầy niềm tin chiến thắng... Giai điệu vừa sâu lắng vừa mạnh mẽ, đan xen âm hưởng trữ tình và anh hùng ca, ca khúc trở nên hoành tráng, mang đậm tính sử thi: *"Đây lắng hồn núi sông ngàn năm (...). Hà Nội cháy khói lửa ngập trời. Hà Nội hồng ầm ầm rung sông Hồng reo. Trời Hà Nội đổ máu"*. Và từ đây, Hà Nội rất mực thiêng liêng, kiên trung và hào hoa lại càng là cái nôi, là cội nguồn cho sự thăng hoa, bay bổng của nhiều nguồn cảm hứng âm nhạc. Trong tim triệu triệu người Việt Nam, hình ảnh thủ đô càng gần gũi, thân quen và lắng sâu trong tâm thức qua tình ca *Hà Nội niềm tin và hy vọng* của nhạc sĩ Phan Nhân. Khúc nhạc dạo đầu chậm chậm như từng bước chân người con đất Hà thành đang lang thang trên những con đường để ngẫm ngấm Hà Nội qua bao thăng trầm của lịch sử mà vẫn sáng ngời lòng lấy, mê hoặc lòng người *"Mặt Hồ Gươm vẫn lung linh mây trời. Càng tỏa ngát hương thơm hoa thủ đô. Đường lòng gió thênh thang năm cửa ô, nghe tiếng cười không quên niềm thương đau..."*. Cả tình khúc là sự hòa quyện cảm xúc trong cái nhìn Hà Nội từ quá khứ, đến hiện tại và cả ngàn năm mai sau, để lắng đọng lại là niềm tự hào, *"niềm tin và hy vọng"* cứ kéo dài bất tận nhắc nhở bao thế hệ con cháu sau này về *"Hà Nội mến yêu của ta. Thủ đô dấu yêu của ta. Là ngàn sao mai rực rỡ..."* trong lịch sử hào hùng. Và cứ thế, Hà Nội mãi mãi là đề tài cho nhiều nghệ sĩ một thời *"Lung đeo gươm, tay mềm mại bút hoa"* tạo nên những bài ca về một Thăng Long nghìn năm tuổi, một Hà Nội quyết tử trong rực rỡ niềm tin. Phải kể đến như *Bài ca Hà Nội* (Vũ Thanh), *Hà Nội - những kỷ niệm trong tôi* (Đoàn Bổng), *Cảm xúc tháng mười Hà Nội* (Nguyễn Thành)... Tất cả đã giao hòa nhiều vệt cảm xúc khác nhau trong những năm dài kháng chiến, đã khắc họa khá trọn vẹn về thủ đô chịu nhiều đau thương mà anh hùng, hào hoa và cả lãng mạn nữa.

Đến thời hòa bình, Hà Nội dường như được chiếu sáng hơn và có vị trí vững chắc trong lòng người nghệ sĩ bằng thứ tình cảm nồng nàn, sâu lắng nhất. Các ca khúc về Hà Nội như một sự xuyên suốt của thời gian: Từ *"cành đào phai"* của mùa xuân đến *"cây cơm nguội vàng"* gợi nhớ mùa thu; từ *"khăn em bay hiu hiu gió lạnh"* của mùa đông và *"hạt mưa bụi"* mỗi độ xuân về. Sự dâng trào cảm xúc, ngầy ngất trong mỗi tác phẩm thể hiện tình yêu với đất, với người Hà Nội làm rung động bất cứ ai nghe và hòa mình vào dòng chảy âm nhạc ấy. Lúc này phải kể đến những nhạc sĩ như Phú Quang, Trọng Đài, Trương Quý Hải, Trịnh Công Sơn, Hoàng Hiệp..., họ đã đem đến cho bức tranh âm nhạc những gam màu mới mẻ về *"cành cũ, người xưa"* Hà Nội. Họ thổi vào chủ đề quen thuộc ấy một ngọn gió mới, khiến đa phần những ca khúc có nét chân thực hơn về nhịp đập cuộc sống thường ngày trong lòng thủ đô, trở thành cảm xúc và tiếng nói chung của người Hà Nội hay nhớ về Hà Nội. Lê

Vinh, nhạc sĩ "lang thang" đã tìm thấy kỷ ức ngày tháng tuổi thơ trong trẻo qua *"ngõ nhỏ, phố nhỏ nhà tôi ở đó"* thân thuộc và gần gũi như hơi thở, mỗi đêm về *"nghe tiếng sông Hồng thở than"*. Anh tìm thấy sự *"mộc mạc"* để rồi tự vấn lòng mình *"mà sao hồi hồi", "mà sao nhớ mãi"*? Ca khúc *Hà Nội và tôi* của Lê Vinh là lời tâm sự chân thành cho những ai đồng cảm, thả hồn nơi những góc phố lặng yên để tìm về mái ấm thời thơ ấu đã đi qua. Thế mới biết qua ca khúc này, người nghe có thể để tâm hồn mình trú ngụ ở nhiều "ngóc ngách" Hà Nội, tìm thấy mình một tình yêu Hà Nội nên *"Giờ ra đi mới thấy lòng tiếc nuối... thôi thúc hoài khắc khoải trong tim"*. Người yêu Hà Nội, nhờ vậy càng lúc càng thấy yêu hơn, quyến luyến hơn một Hà Nội rất mực thân thương của mình... Nổi nhớ về Hà Nội trong ca khúc *Nhớ mùa thu Hà Nội* của người nhạc sĩ tài hoa Trịnh Công Sơn là tiếng lòng thàng thốt từ giai điệu nhẹ tênh, thắm thì gọi tên biết bao hình ảnh đáng yêu của Hà Nội mỗi độ thu về. Đó là *"cây bàng lá đỏ"* nơi góc phố, là *"mái ngói thăm nâu"* cổ kính, là *"bầy sâm cầm nhỏ"* hồn nhiên giữa đất trời. Bài hát như dắt người nghe lang thang quanh bờ hồ, dạo qua những con phố nhỏ và ngấm nhìn người qua lại trong tiết trời thu mát mẻ, dịu dàng để rồi bất chợt nhận ra *"tôi đang nhớ ai"*, cái có riêng để nhạc sĩ trải lòng mình chút bằng lăng với Hà Nội sương khói bằng khuâng. Trong dòng chảy sôi động và ồn ào hôm nay, đâu đó trong từng bản tình ca lãng mạn như thế đã lưu giữ mảnh đất ngàn năm văn hiến; và khi phải chia xa, người yêu Hà Nội đều dâng niềm xúc động mãnh liệt, nén chặt cảm xúc để không *"vội vã trở về, vội vã ra đi"*. Phải kể đến những bản tình ca chất chứa "cái hồn" Hà Nội như *Mãi vẫn là tuổi thơ tôi*, *Hà Nội* (Nguyễn Cường), *Hà Nội của tôi* (An Thuyên), *Em ơi Hà Nội phố* (Phú Quang), *Hà Nội đêm trở gió* (Trọng Đài)... Mỗi tác phẩm ấy ngay trong tựa đề đã có "Hà Nội" rồi như thấm sâu hơn sự ưu ái về địa danh mà mỗi người nghệ sĩ để dành riêng một địa chỉ trong tâm hồn. Có thể thấy, các ca khúc về Hà Nội sau này nhiều và đã thành công trong việc gắn kết nghệ thuật với đời thường, người nghe có thể tìm thấy "tôi" trong những buồn vui cuộc đời này khi chạm đến những giai điệu về Hà Nội thân thương. Các ca khúc về Hà Nội đang góp một phần không nhỏ vào đời sống tinh thần cũng như làm đẹp thêm cho Hà Nội hôm nay đang vươn lên tầm cao "mỗi ngày thêm mới" (*Tình yêu Hà Nội* - Hoàng Vân).

Âm nhạc là tiếng nói của tâm hồn, đi từ trái tim và trở về lay động trái tim. Với mảnh đất ngàn năm văn hiến, Hà Nội mãi là nguồn đề tài sáng tác không bao giờ cạn của mỗi người nghệ sĩ. Những ca khúc viết về Hà Nội sống mãi cùng thời gian bởi chính chất liệu của *"Hồ Gươm xanh trong mắt em xanh"* và cả những tình cảm, tấm lòng của người nghệ sĩ; những giai điệu mượt mà, sâu lắng vang động thanh âm ba mươi sáu phố phường. ■

Với những tấm lòng

MINH MẢN

Qua gần mười ngày trên Thăng Long đất mẹ, đoàn kiều bào trở về trong vòng tay thân yêu của dân tộc cũng được đất trời ưu đãi những tia nắng ấm để bao người con tha hương được thông dong trên những nẻo đường phương Bắc!

Nơi tha hương, những người con của Mẹ Âu Cơ vẫn có được sự quan tâm ưu ái của các sứ quán Việt Nam ở vùng mình định cư qua những buổi sinh hoạt, phổ biến cho nhau nghe về tình hình đất nước. Tinh thần một ngàn năm Thăng Long-Hà Nội cũng được khơi gợi để khuyến khích cộng đồng kiều bào về tham gia đại lễ. Không tham gia sao được

khi mà những chính khách thế giới cũng sẵn sàng đón nhận lời mời của đất nước chúng ta. Chúng ta không những hiếu khách mà bản thân những người con tha phương lập nghiệp cũng phải có trách nhiệm trong tinh thần tưởng nhớ tiên tổ cội nguồn. Cho dù chúng ta ra đi với những lý do nào, kinh doanh thương mại, lưu trú sau thời gian hợp tác lao động, tỵ nạn kinh tế, hoảng loạn trong buổi giao thời... như ngày Tết đón ông bà hay ngày kỵ giỗ cha ông, chúng ta phải trở về dưới mái nhà chung còn nhiều dị biệt, chung tay thể



hiện tình máu mủ ở những đứa con của Mẹ Âu Cơ. Chúng ta có quyền ngẩng mặt, hãnh diện nhìn đời với những hào hùng của dòng máu cha ông. Chúng ta có một bậc tiền bối minh triết Lý Thái Tổ, đã phục hồi tinh thần Đại Việt trước áp lực nặng nề từ phương Bắc; một Thánh vương xác định tính tự chủ, độc lập của một đất nước bé nhỏ nằm cạnh một khối người đầy tham vọng. Chính từ đó, chúng ta nối tiếp được văn hóa, chính trị, tập tục và luật pháp riêng biệt của một quốc gia độc lập có từ thời dựng nước!

Để tưởng nhớ công ơn to lớn của tiền nhân, Nhà nước ta chúc chào mừng ngàn năm Thăng Long-Hà Nội một cách quy mô. Nhiều kiều bào háo hức tham gia; ngay cả những

buổi diễn tập diễu hành, đáng ra chỉ thích hợp cho lứa tuổi đôi mươi, thế mà các anh chị trên dưới bảy mươi cũng năng nổ tập luyện. Họ hò hát trên chuyến xe đi tham quan các thắng cảnh, họ lú lo hoạt náo trên các nẻo đường xa, họ thân thiện cứ như ruột thịt lâu năm gặp lại mặc dù họ đến từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới; chẳng những thế, họ còn hẹn gặp nhau kỷ niệm hai ngàn năm Thăng Long vào thiên niên kỷ sau! Những ngày lưu trú trên đất Hà Thành, họ sống với tâm trạng trẻ thơ một cách dễ thương, họ không còn



Kiểu bào đến thăm trụ sở TWGHPGVN. Nguồn: phattuvietnam.net

nhớ mình đang là ông bà của đám cháu chắt không nói được tiếng mẹ đẻ. Có những ông nói tiếng Việt một cách khó khăn, thế mà cứ như em bé tập nói để kể chuyện vui cho đoàn khi xe lăn bánh.

Chào mừng ngàn năm Thăng Long Hà Nội là dịp cho kiểu bào khắp nơi gặp nhau để thể hiện tấm lòng yêu nước; chính vì thế, khi nghe Đại lễ diễn ra giữa giông bão khiến đồng bào ruột thịt miền Trung đang phải vật vã chống chọi với thiên nhiên để bảo tồn sinh mạng và tài sản, khắc khoải trông chờ được cứu giúp, họ đã quynh góp tổng cộng bốn xe trên một trăm triệu mà vẫn cảm thấy chưa đủ; rồi trong đêm chiều dài của ông Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, một lần nữa, kiểu bào trở về từ các quốc gia lại tự nguyện đóng góp thêm, mở đầu là đoàn Cộng hòa Czech với 50 triệu đồng VN. Sau khi anh Miền Đức Thắng đọc thơ *Bầu ơi thương lấy bí cùng*, thêm một kiểu bào ủng hộ năm ngàn USD, cứ thế mà thi nhau ủng hộ đồng bào miền Trung lụt bão. Đây, tấm lòng của kiểu bào đối với đất nước quê hương đã là thế. Thử hỏi đất nước trải qua bao cuộc thăng trầm, sao khỏi đau xót, càng khiến những người xa quê thấm thía những nỗi niềm mà dân tộc ta đã phải đương đầu! Có ở nơi đất khách sống với xã hội bất đồng ngôn ngữ, bất đồng tập quán, mới thấy quê hương là hồn sống của mỗi người. Tuy vật chất thừa mứa trên đất khách mà họ vẫn thèm cọng rau, thìa mắm của quê mình. Họ yêu quê hương không chỉ lặng thầm nhớ hừng đêm sau một ngày kiếm sống, họ nhớ đến ruột thịt mẹ cha, anh em còn vất vả trên quê hương; họ tích góp tiền mỗ hời, ăn nhín nhịn thêm, gửi về giúp đỡ quê nhà. Họ sẵn sàng đóng góp theo lời kêu gọi của sứ quán thông qua Ban đại diện kiểu bào sở tại; họ làm tất cả để quê hương được phồn vinh. Và tinh thần yêu nước

đó cũng nhen nhóm trong một số người thiếu cỏi mở, một số người chỉ biết trách móc đổ lỗi cho nhau mà không hành động cụ thể cho quê hương được thay da đổi thịt. Cho dù yêu nước dưới bất cứ thể cách nào, tất cả kiểu bào đều mang dòng máu Âu Lạc. Ngay cả con cháu Lý Long Tường - dòng tộc triều Lý - đã ra đi bảy thế kỷ trước, không nói được tiếng Việt, thế mà họ cũng phải quay về tìm lại tông tích tổ tiên. Tinh dân tộc thiêng liêng trên từng ngọn cỏ. Có thể ai đó không vừa lòng trong cuộc sống của quê mình, nhưng khi ra đi, ai cũng xốn xang nhớ về nguồn cội.

Chỉ mười ngày sống trong lòng thủ đô, gần hai trăm kiểu bào có nhiều ấn tượng. Từ cách tiếp đón đến cuộc gặp gỡ quan chức Trung ương, từ việc phục vụ ăn uống, tham quan của các địa phương khi đoàn đến, cho đến việc tận mắt xem xét hoạt động của các làng nghề thủ công, viếng các thắng cảnh di tích, thành cổ Thăng Long... đều tạo một kỷ niệm trong từng cảm nghĩ của kiểu bào. Thêm nữa, khi Thăng Long Hà Nội, hãnh diện là một kinh thành văn minh của dân tộc cả ngàn năm trước, thì Hạ Long Quảng Ninh tự hào là một di sản thế giới của vạn năm sau. Rồng bay lên hay Rồng hạ xuống đều là tinh thần dân tộc, tinh thần con Rồng cháu Tiên. Mỗi quốc gia mỗi dân tộc đều tạo cho mình một huyền thoại để giáo dục con cháu duy trì nòi giống, Việt Nam có quyền tự hào một Thánh Gióng, một Âu Cơ - Lạc Long Quân trong truyền thuyết và một Lý Thái Tổ trong lịch sử hiện thực để yêu quê, bảo vệ đất nước, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ như cha ông đã làm.

Lý Thái Tổ trên sách vở, tinh thần yêu nước trong tuyên truyền... vẫn chỉ là gió thoảng trên tầng mây; nhưng có đến với cổ thành Thăng Long và những hiện vật đã được khai quật từ lòng đất, mới thấy nền văn



minh của dân tộc và nét văn hiến của cha ông, một minh triết của ngàn năm trước còn vang bóng giá trị đến ngàn năm sau.

Trong các chuyến tham quan, anh chị em kiều bào thể hiện tinh thần tự giác khá cao. Các anh chị trong Ban Điều hành Việt kiều nước ngoài đã tỏ ra tháo vác trong việc sắp xếp chuyến đi như anh Hùng, anh Cường; năng động như chị Thủy Cộng hòa Czech, dí dỏm dễ thương như chị Ngọc xứ Mặt trời (Nippon) và còn nhiều người trên các chuyến xe khác đã làm sinh khí rộn rã, tưởng chừng họ đã qua đào tạo từ Gia đình Áo lam, Hướng đạo hay Thành đoàn... Không dễ gặp nhau khi mỗi người có một quốc tịch khác nhau. Ngàn năm Thăng Long là dịp hội tụ để họ thể hiện tấm lòng. Và họ tri ân Nhà nước đã tạo điều kiện cho họ có những ngày hít thở sinh khí, sống trên quê hương mà những năm tháng qua, họ có cảm giác bơ vơ nơi đất khách. Nếu Nhà nước và nhân dân, nếu kiều bào và Tổ quốc đều duy trì tinh thần tương thân hữu hảo như thế mãi mãi thì lo gì sự đoàn kết không là một khối, khiến những phê phán, chỉ trích và kể cả áp lực từ mọi phía sẽ là những chiếc phao hải tiêu giúp con tàu Đại Việt không chệch hướng.

Sự quan tâm của Nhà nước đối với những người con xa quê là một an ủi lớn giúp cho kiều bào luôn gắn bó với quê hương. Tuy mười ngày trên Đất Mẹ thật là bận rộn, kiều bào vẫn cảm thấy thoải mái trước sự ưu ái của Chính phủ và sự thân thiện của người dân khi đoàn đặt chân tham quan.

Như vùng Rồng hạ xuống (Hạ Long) với các núi đá nằm rải rác che chắn giống bảo cho Vịnh, như vùng Rồng bay lên (Thăng Long) với Hà Nội, sông Hồng, sông

Lô, sông Tô Lịch, sông Nhuệ, sông Đuống, sông Đáy, sông Kim Ngưu..., những hồ Ba Mẫu, hồ Bảy Mẫu, hồ Hoàn Kiếm, những Quan Sơn, Thủ Lệ, Thiền Quang, Hữu Hiệp, Trúc Bạch, Trúc Bạch, hồ Tây... bảo vệ sinh khí cho cư dân; cũng thế, kiều bào rải rác khắp nơi như những vệ tinh cung ứng hỗ trợ cho đất nước những tài năng, kiến thức, kinh nghiệm để một dân tộc hòa nhập, vững mạnh trên mảnh đất màu mỡ bốn ngàn năm! Tinh tự dân tộc luôn có sẵn trong lòng những người con xa quê, hiệu quả chẳng là do chính sách đúng để kết đoàn những người con ưu tú đó. Và dù xa quê, kiều bào luôn hướng về đất nước bằng một tấm lòng rộng mở. Chính sách chỉ là kích hoạt, kết gắn keo sơn tinh thần yêu nước, phải thông qua dung dịch tôn giáo mà đạo Phật là hỗn sống làm nên triều đại Lý Trần. Cháu con ngày nay cho dù phủ phục hết lòng trước tiền nhân, cũng chưa xứng với công đức dựng nước, giữ nước của bậc Thánh vương triều Lý. Kỷ niệm một ngàn năm Thăng Long và sự góp mặt của cháu con chỉ là mặt nổi của tấm lòng, phần sâu thẳm cần thiết là tinh tự dân tộc của những thế hệ kế thừa làm rạng rỡ giống nòi Đại Việt. Điều này đang nằm trong khả năng của những Việt kiều tiếp thu kiến thức khoa học của các quốc gia sở tại làm phong phú cho quê hương đang phát triển.

Sau đại lễ này, kiều bào mỗi người một ngả, trở về đời sống thường nhật nơi xứ người, nhưng sẽ mang theo nhiều kỷ niệm và quyết tâm, để làm cái gì đó to lớn hơn là những đồng tiền máu xương đã đóng góp. Chắc chắn việc tri ân đất nước, tri ân tổ tiên không thể thiếu trong mỗi chúng ta. Tổ tiên đã làm nên lịch sử, thế hệ cháu con tại sao lại không thể hiện được tinh thần Đại Việt Thăng Long? ■



Nếu cuộc sống thiếu vắng những nụ cười ...

NGUYỄN XUÂN CHIẾN

CƯỜI, LÀ GÌ? NÊN CHĂNG?

Trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp, con người đã thể hiện những năng lực của bàn tay, khối óc và con tim..., nhưng có lẽ ít người để ý tới một thứ đã tác động rất lớn lao và sâu xa đến bộ mặt thật của nhân loại, đó là Nụ Cười.

Cứ tưởng tượng nếu thiếu vắng nụ cười thì thế giới con người sẽ như thế nào? Và sẽ đi về đâu?

Alexander Bain, triết gia người Tô Cách Lan, đã phát biểu: *"Cười là đối ngược lại sự nghiêm trang. Hàng ngày đứng trước cái thế giới trang trọng và thúc bách của công việc, của bốn phận, chúng ta như bị trói buộc một cách căng thẳng vào mọi sự. Nếu thỉnh linh thoát khỏi những ràng buộc ấy, (bằng tiếng cười) lập tức chúng ta cảm thấy vui sướng, phấn khởi, tình trạng này tương tự như bọn học sinh trong giờ ra chơi".*

Đúng thế, cuộc sống càng gấp rút, bộn bề, thì tâm trí chúng ta càng khốn khổ vì bị trói buộc vào công việc, và luôn luôn tỏ ra căng thẳng. Nhất là trong thời đại công nghiệp - sản xuất nhiều của cải, nhiều tiện nghi đến mức thừa thãi, nhưng tiếc thay con người hôm nay lại có quá ít tiếng cười. Một bức ảnh gần đây của một tay săn ảnh người Mỹ đã cho thấy, trên ảnh: từng đoàn người hối hả đi làm việc với khuôn mặt cứng đờ, ủ dột, lo âu mà không ai có một nụ cười. Ngay cả khi người ta đi chơi, hoặc ngồi chuyện trò trong quán cà phê chẳng hạn, cũng vậy, cũng luôn luôn hối hả, tất bật, - không một ai có thể chường ra một bộ mặt tươi cười, khoan khoái.

Nụ cười quả cần thiết cho cuộc sống - nếu không muốn nói là vô cùng cần thiết, nếu chúng ta không muốn đẩy chết trong một nền văn minh sắp sửa sụp đổ bất kỳ lúc nào vì chiến tranh hạch tâm hoặc vì sự hủy hoại môi sinh do con người tạo ra.

Nguyễn Công Trứ đã nói:

Thoạt sinh ra thì đã khóc chớ

Đời có vui sao chẳng cười khi?

Khóc thì ai cũng biết khóc, dường như bản năng con người là dễ dàng khóc, nhưng kiếp người này mấy ai sẵn nụ cười trên môi?

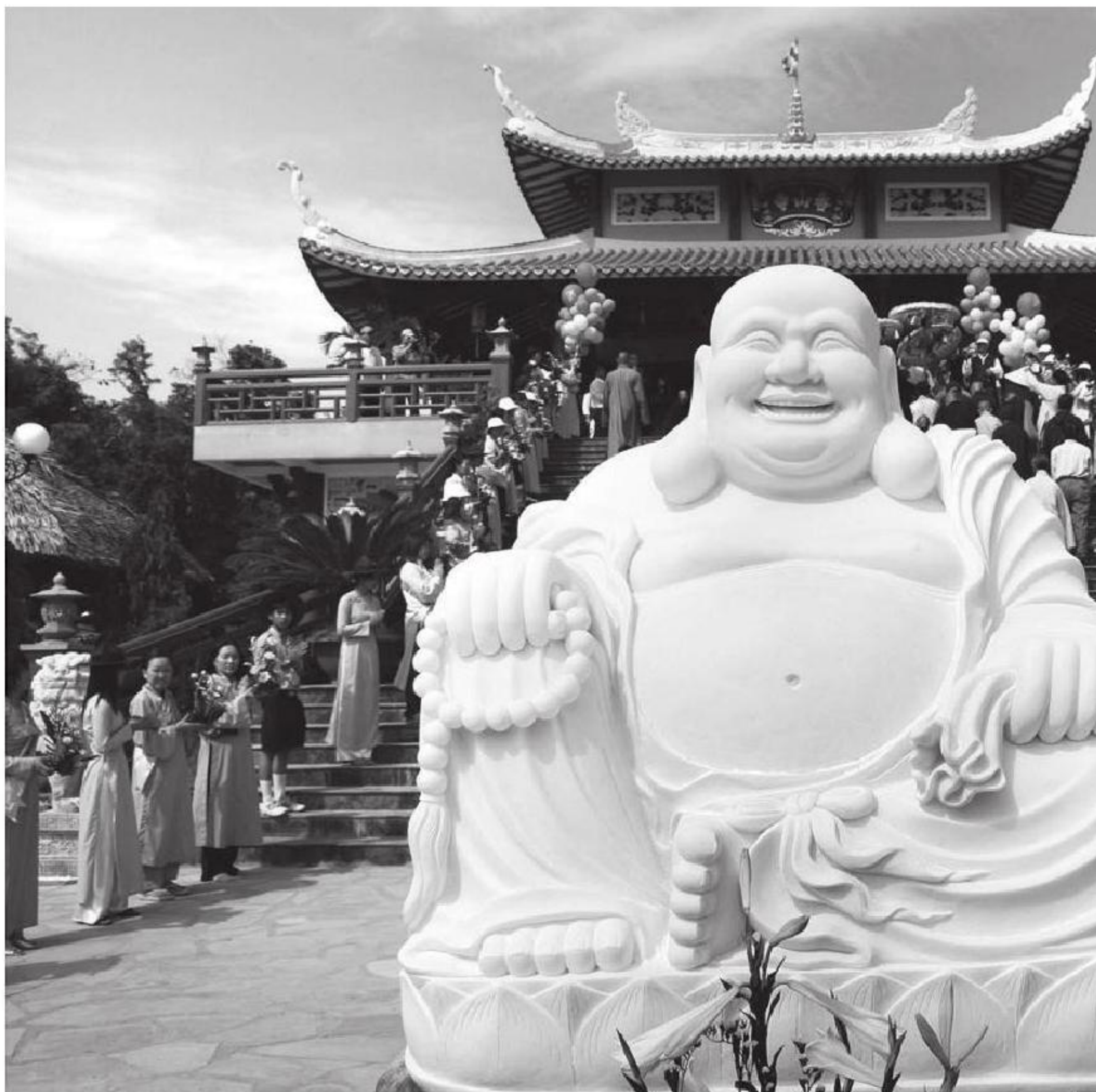
Đức Phật Thích Ca bảo: "Nước mắt chúng sinh chứa đầy hơn bốn biển". Đó không phải là lời thở than mà là một nhận xét trung thực. Trong cái đại dương đầy nước mắt này, ta dẫu ráng buông một nụ cười thì cũng khó khăn - họa may chỉ là: cười xã giao, cười trừ, cười khan, cười gượng, cười nhạo, cười chua chát, cười đau khổ, cười tức tưởi, cười rầu rĩ, cười căm hận, cười đắng nghét, cười "tiếng khóc khô không lệ" (*Xuân Diệu*), cười mếu máo, cười ra nước mắt, ...

Từ các bậc cha mẹ cho đến nhà trường, xã hội, đều dạy cho chúng ta rất nhiều điều, nhưng chưa hề "dạy cười". Người lớn khuyên "Hãy làm người cho tốt!", nhưng hiếm khi người lớn bảo ta: "Hãy cười cho tốt!". Bậc trưởng thượng quên rằng, nếu không biết cười cho ra hồn thì... ta chỉ là "nửa người nửa ngợm nửa đuôi ươi" mà thôi. Khó mà làm nên một Con Người đầy đủ tính nhân văn và trí tuệ lắm. Vì sao?

Họ, kẻ không biết cười, lúc nào cũng chỉ có bộ mặt chăm quăm, căng thẳng, luôn luôn sống vật vờ, chẳng biết trôi về đâu. Không sống cũng không chết, họ chỉ hời hả trôi qua một chặng sanh tử "buồn tênh cát bụi" cho đến khi vô quan tài. Có thể họ là những siêu nhân, hoặc một đại ca "chuyên đeo kính thấy bói" trong những bộ phim xã hội đen, hay những con người vắng mặt trên cõi sống rộn rã, tưng bừng này!

Cứ ngỡ rằng, cười là chuyện "thiếu nghiêm túc", mà quên rằng đôi khi lắm kẻ học suốt đời vẫn không biết cười là gì! E rằng, điều này chúng ta buộc phải "tự học" mà thôi, không có con đường nào khác! Có sách dạy nấu ăn, dạy chính trị, kinh doanh, dạy đánh tennis, dạy yêu đương... khắp mọi đề tài, nhưng sách dạy cười thì ít ỏi lắm thay.

Nụ cười cũng cần thiết như là thực phẩm, tiện nghi vậy. Thiếu cơm gạo, thơ ca, ... thì con người sẽ ốm yếu, còi cọc. Chắc chắn rồi. Nhưng, thiếu nụ cười thì con người không những không thể lớn lên nổi, mà còn chết dần mòn trong ao tù cuộc sống và trong lao ngục tiện nghi vật chất mà thôi. Cụ Nguyễn Văn Vĩnh hồi đầu thế kỷ 20, vốn là một nhà nho "khắc kỷ" quen đề nén tâm lý, không hay cười, nhưng không sao. Tiếc rằng cụ



đã viết báo đả phả và miệt thị "cái thói hay cười của người An Nam". Hãy xem là quá khứ nên quên.

NGƯỜI XƯA ĐÃ CƯỜI...

Ngày xưa ở Trung Hoa có ba vị thiền sư, gọi là ba "Ông Phật Tếu", bởi vì họ không bao giờ làm gì cả, ngoài việc... Cười!

Họ cười vui, từ làng xóm này tới chợ búa khác. Mọi người bao vây xung quanh ba ông sư ấy, ai nấy ngừng việc cày cấy, mua bán, quên mọi sự đời để cười theo, đôi khi quên cả mưu sinh, làm quan, lên chức!

Một kẻ kính tín yêu cầu: "Hãy thuyết pháp cho đệ tử!", thì ba vị Phật Tếu cười ầm: "Có gì để thuyết? Đơn giản tại chúng tôi chỉ biết cười và tiếng cười sẽ làm cho cuộc sống trở nên thanh khiết và sáng sủa hơn".

Chợ búa trở nên vui nhộn như buổi tấu hài, như đại nhạc hội, như rạp xiếc. Không còn ai quan tâm lời lẽ,

mọi cơ quan đều trở nên như bữa tiệc.

Người ta chỉ sống với âu lo, sợ hãi... nên ít có niềm vui nội tâm, làm cho khuôn mặt ai nấy đều ủ dột, cau gắt, u buồn, bất an. Làm sao họ có thể buông ra một nụ cười vô tư, trong sáng, hoan lạc? Vậy nên, khi có cơ hội để quên lãng thế sự vật vãnh, những cảnh đời tù mủn, thì mọi người đều sướng thích, khoái hoạt, và trong giây lát, đã bật lên những tiếng cười rộn rã. Rồi sau những tràng cười dài, tâm tư sẽ nhen nhúm đôi chút hy vọng, vài ba mơ ước nhỏ bé để tiếp tục sống khỏe, sống hạnh phúc.

Từ đó, người ta sức nhớ ra rằng, nụ cười cũng cần thiết như là cơm áo, bạc tiền, quyền lợi, danh vọng vậy!

Một hôm, một trong ba Ông Phật Tếu qua đời, mọi người bảo nhau:

- Bây giờ một "ngài" đã ngủm, chắc hai "ngài" còn lại mần chi mà cười nói!



Nhưng khi dân làng tới nơi, họ thấy hai vị Phật còn lại vẫn đang nhảy nhót, cười cợt tinh nghịch. Vài người nói:

- Một người bạn vừa qua đời, mà các vị lại ca hát cười đùa như vậy?

Hai vị Phật Tếu cười:

- Cùng cười với nhau suốt cả cuộc đời, tụi tui phải tiếp tục cười để chia tay nhau bên bờ sinh tử chứ!

Một triết nhân phương Đông bảo: "Tiếng cười là vĩnh cửu như cuộc sống vậy. Các diễn viên và sân khấu có thể thay đổi. Nhưng vở diễn vẫn tiếp tục mãi. Cuộc sống là bất diệt, miên trường, không bao giờ ngừng nghỉ. Như sóng biển lúc thì trào dâng hoặc vỗ lao xao, lúc chìm lắng, thỉnh thoảng lặng, nhưng đại dương thì bao giờ cũng vẫn tồn tại. Bạn sống rồi bạn chết. Thiên hạ sống rồi thiên hạ qua đi, nhưng tiếng cười thì vẫn còn mãi mãi, luôn luôn là nhu cầu quan trọng của nhân gian".

Khi mọi người đặt thi thể người quá cố lên giàn thiêu,

thì một hiện tượng xảy ra: Trước khi tắt hơi, Ông Phật Tếu vừa quá cố kia giấu sẵn rất nhiều pháo hoa trong mình, cho nên khi gặp ngọn lửa, pháo hoa nổ tung và phụt lên không gian nhưng chùm bông đủ màu. Toàn thể không gian tràn ngập pháo hoa, nổ tung và phun ra vô số chùm bông lỏe loẹt. Và cả làng bật nên tiếng cười, cười chết bỏ, cười liên tục, cười hoài...

Đạo Phật dạy: Không có một cái gọi là Cái Chết. Cuộc sống vốn là một chuỗi sinh diệt liên tục không bao giờ ngưng nghỉ. Bởi vì một hiện tượng này kết thúc thì nảy ra một hiện tượng khác, mới mẻ, sinh động hơn. Cho nên chúng ta có thể bảo rằng, cuộc sống không có điểm dừng mà luôn luôn bắt đầu dưới dạng thức này hoặc dạng thức khác". (Tài liệu lưu trữ của Huỳnh Hội)

CÓ BAO NHIÊU CHỦNG LOẠI NỤ CƯỜI?

Các nhà khoa học cho rằng cười là một trong những hình thức diễn đạt cảm xúc tinh tế nhất của con người. Cười là cách tốt nhất để bộc lộ những trạng thái tình cảm con người chúng ta đang có. Nụ cười không chỉ để bày tỏ sự hài lòng mà còn vì nhiều nguyên nhân tâm lý và tình cảm phức tạp khác. Người ta đã liệt kê ra hàng chục kiểu cười khác nhau: cười mỉm mỉm, cười khẩy, cười ruồi, cười trừ, cười đều, cười hết ga, cười xởi lởi, cười cầu tài...

Theo sự tìm hiểu và nhận định tạm thời của chúng tôi, trong vô số loại nụ cười của con người, thì chỉ có HAI loại nụ cười có thể thăng hoa tâm hồn chúng ta: đó là Nụ Cười Chay và Nụ Cười Minh Triết. Ở đây chỉ nói Nụ Cười Chay mà thôi, trong một cơ duyên khác, chúng tôi sẽ bàn đến Nụ Cười Minh Triết.

THẾ NÀO LÀ NỤ CƯỜI CHAY?

Chà, khó quá! Làm sao định nghĩa được từ ngữ Nụ Cười Chay, trong khi hầu hết tất cả chúng ta đều có những cuộc sống cực kỳ bận rộn? (trừ những vị tu sĩ). Sống bận rộn mà muốn nở một nụ cười chay, e rằng chúng ta chỉ trưng bày ra những nụ cười giả trá, không thật, hoặc chỉ là những nụ cười ồm ồm, giả lá, như cười cầu tài, cười bồ bả, tếu táo cho qua trông qua ải. Cuộc đời có quá nhiều truông đèo hiểm trở cho nên đôi khi nụ cười của chúng ta cũng chỉ là nụ cười ba xạo, ba trợn, hay chăng?

Thôi đành nhờ cậy vào tài uyên bác của nhà văn Phùng Khánh, cũng chính là Ni trưởng Trí Hải, định nghĩa giúp. Đây là quan niệm rất nhân ái về Nụ Cười Chay của một nữ tu kiêm nữ sĩ:

"... vẫn có những nụ cười rất đẹp đã tô điểm cho cuộc đời âm đạm, đó là những nụ cười chay.

"Gọi là nụ cười chay, bởi vì nó thật hoàn toàn... chay, không có một ẩn ý chưa xót, mỉa mai, hiểm độc, mà chỉ đơn thuần là nụ cười. Lại nữa, nó không phải trả giá bằng nỗi khổ đau của mình (cười chua chát) hoặc của người khác (cười đắc thắng). Chỉ có những nụ cười như vậy mới xứng đáng được xem là "ánh mặt trời xua đuổi mùa đông

ra khỏi nét mặt con người" như Victor Hugo diễn tả.

(Phùng Khánh-Trí Hải, "Từ Nguồn Diệu Pháp" NXB Tôn giáo)

Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, một vị thầy thuốc kiêm văn sĩ, đã cho biết:

Ngay khi còn ở trong thai mẹ, thai nhi chỉ có việc... ngủ và cười. Y học mới phát hiện gần đây là thai nhi cũng cười. (Thư gửi người bạn rộn, trang 195).

Người xưa cho rằng, nụ cười bằng mười thang thuốc bổ, nhưng bác sĩ còn đề cao sự quan trọng của nụ cười, đến nỗi đã viết nên cuốn sách: *Nụ cười như ngàn thang thuốc bổ*, do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 2002.

Còn các triết gia Ấn Độ thì từ lâu đã khẳng định giá trị tất yếu của nụ cười trong cuộc sống mà không cần chứng minh luận lý gì cả, phương pháp truyền đạt trực quan nhưng ra vẻ dứt khoát hơn. Triết gia Bhagavan Rajneesh nói:

"Tiếng cười có năng lực Thiên và năng lực Thuốc. Tiếng cười chắc chắn làm thay đổi chính hóa chất trong thân tâm của bạn, làm chuyển hóa sóng não của bạn, làm thăng hoa trí tuệ của bạn, bạn trở nên thông minh hơn. Khi tiếng cười xuất hiện, phần tâm trí ngái ngủ bên trong bạn bỗng nhiên bừng tỉnh dậy. Tiếng cười đạt tới phần thâm sâu nhất của bộ não bạn, lay động tới trái tim thâm kín của bạn. Kẻ nào hay cười thì không thể đau tim, không thể tự tử được". (Từ Thuốc đến Thiên, Ngô Trung Việt dịch)

Phải chăng, nụ cười có năng lực chữa lành mọi căn bệnh thời đại đang dằng dai trên thế giới này (Thuốc), và nụ cười còn có năng lực giải thoát con người khỏi mọi vướng buộc của thân tâm (Thiên). Rồi đưa ta đến chân trời bát ngát, tự tại, vượt lên trên "cái ta" ô trược, nhỏ nhoi mà ngay giữa kiếp người phù phiếm này ít nhất một lần ta từng ước mơ như thế!

TẠI SAO BẠN KHÔNG BẮT ĐẦU CƯỜI LÊN?

Con khi không biết cười. Các nhà bác học chuyên về động vật tuyên bố: Loài vật dường như không bao giờ biết cười, chúng ta đành tin họ vậy. Có người nói: Con người là sinh linh duy nhất trên trái đất đã hiểu biết năng lực của tiếng cười. Chỉ con người mới có khả năng cười. Tiếng cười là điểm cao nhất của tâm thức, tầng cao nhất của hiểu biết, mục tiêu xa nhất của tiến hóa.

Có kẻ bảo: Một nụ cười không làm mất mát gì cả, nhưng lại ban tặng rất nhiều. Nó làm giàu có những ai đón nhận nó mà không làm nghèo đi người sinh ra nó. Nụ cười nuôi dưỡng hạnh phúc trong gia đình, gây dựng thiện ý trong làm ăn, và làm lớn mạnh mối tương giao trong tình bạn, mang đến sự thư giãn những khi ta mệt mỏi, niềm hy vọng những khi tuyệt vọng và ánh sáng những khi ta tăm tối trong muộn phiền.

Nụ cười, cũng như tình yêu, là cái không thể mua bán, vay mượn, hay thậm chí mua trả góp dài hạn, hay mượn tạm xài đỡ của người khác. Bởi vì, khi đó, nó chỉ là vật trao đổi bán chác miễn cưỡng và vô nghĩa, chứ

không phải là nụ cười đúng nghĩa.

Có những người không bao giờ nở một nụ cười với bạn. Gặp những kẻ khốn khổ như vậy, chúng ta vẫn cứ nén trái lòng mình ra và tặng ngay một nụ cười "miễn phí" rồi biểu thêm liên tục. Họ là những người dè sẻn của cải và keo kiệt luôn cả nụ cười, vì lẽ đó, họ chính là những người tội nghiệp nhất thế gian - họ cần nụ cười hơn ai hết. Hãy tươi cười với mọi người. Chúng ta chẳng những không mất gì, mà trái lại, sẽ nhận được rất nhiều.

Cả nền minh triết Ấn Độ đều nhiệt liệt cổ vũ cho nụ cười. Và từ đó, hàng trăm triệu du khách khi ghé thăm đất nước Ấn Độ đã vô cùng ngạc nhiên khi chứng kiến giữa cuộc sống nghèo khổ, khó khăn nhưng người dân quê Ấn Độ vẫn luôn luôn nở nụ cười trên môi và cả trong ánh mắt. Và trong kho tàng chuyện cổ sau đây:

Một vị đạo sư Ấn Độ đã thuật lại các giai đoạn tu tập của mình:

- Trước hết, ta được Đấng Chí Tôn nắm tay dẫn đến xứ sở của những công tác từ thiện. Ta đã lưu trú ở đây để phục vụ chúng sanh một thời gian. Tiếp theo, Ngài đưa ta đến chốn đau thương. Tại nơi đây, tâm hồn ta được tẩy rửa hoàn toàn khỏi mọi khổ lụy thế gian.

Sau đó Ngài đưa ta đến miền đất cô đơn, nơi ấy mọi giấc mơ nhỏ bé của con người đều bị diệt tận, để chảy tan vào sự im lặng siêu việt của thiên định. Khi ấy, bao bí mật của Sinh và Tử đều được hé mở rõ rệt.

Nghe tới đây, tất cả các đệ tử liền hỏi:

- Phải chăng sư phụ đã đạt tới giai đoạn cuối cùng trong cuộc tìm kiếm chân lý?

Vị đạo sư bình thản trả lời:

- Chưa! Một ngày nọ, Đấng Chí Tôn nói: Lần cuối Ta sẽ đưa con đến chốn linh thiêng, sâu thẳm nhất của đến thánh để con được vĩnh viễn ở ngay trong lòng Ta.

Thế là Ngài cùng ta đi tới xứ sở của nụ cười.

Qua câu chuyện cổ trên đây, chúng ta biết rằng nền minh triết Ấn Độ có lẽ đã ghi nhận: Nụ cười là chốn linh thiêng sâu thẳm nhất, mà ta phải đến đó cho kỳ được, - và Nụ cười biểu hiện toàn bộ tâm hồn của Đấng Chí Tôn, bởi vì không có gì chứa đựng tâm-linh-tính cho bằng Nụ cười.

Cũng như cái Không vậy. Cái Không Là Gì Cả luôn luôn dung nạp và bao trùm Cái Tất Cả.

Khó hiểu?

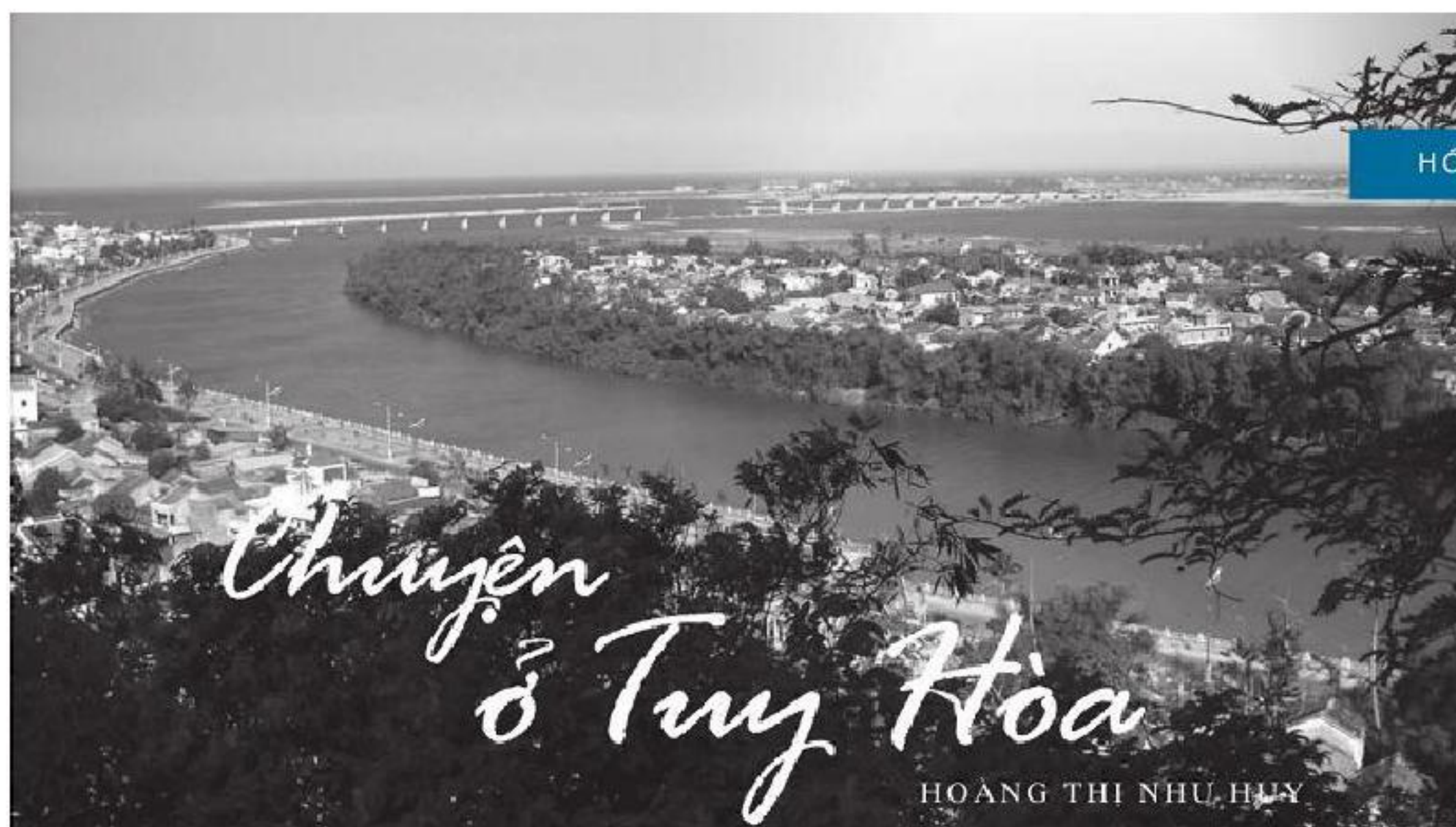
Không cần hiểu làm gì, cứ cười là đủ!

Cười!

...

Bạn cũng có thể trình bày vô số kiểu cười khác nhau, phong cách cười khác nhau, chẳng có ai giống ai. Và ngay cả trong một con người cũng luôn luôn ẩn giấu không biết bao nhiêu cung cách nhếch môi để... cười, tùy theo nội tâm rung động và hoàn cảnh ứng xử của mình.

Miễn sao, đó là nụ cười chay: Nụ cười chỉ thuần túy... cười. Không ẩn ý, không mưu toan, không ám chỉ bất kỳ ai, bất kỳ điều gì, việc gì. Mà cười và cười mà thôi... ■



Chuyện ở Tuy Hòa

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Tôi thấp cổ bé họng nên đành phải nhận quyết định lên đường vào Tuy Hòa công tác. Bọn thằng Vinh con Hoa viện cớ con mọn, gia cảnh neo đơn... thoát được chuyến đi vất vả ấy và đùn cho tôi, chúng kháo nhau, "Đi làm quái gì cái xứ ấy. Biển sao so được với Nha Trang? Dân thì nghèo, lại chẳng có gì là đặc sản cho khoái khẩu". Tôi lặng lẽ sửa soạn hành trang, lấy công lệnh lên đường.

Ngồi rã người trên chuyến xe đò xuyên Việt hai ngày một đêm mới đến thành phố nhỏ ven biển miền Trung này. Chưa một lần viếng thăm, không một ai thân thích ra đón... tôi bối rối lo lắng khi trời đang tối dần. Bến xe cách trung tâm thành phố khá xa. Người lái xe tắc-xi đưa tôi đi qua một con đường đất đang thi công lổ nhổ ổ gà. Anh nói, "Em đưa chị đi đường tắt để tiết kiệm tiền, nếu đi đường vòng thì xa lắm, phải mất hơn gấp đôi tiền cước. Đường đang thi công hơi xóc, chị thông cảm nhé". Tôi nghe và chỉ ậm ừ, vì thật sự tôi cũng chẳng biết đường đất ra sao. Xe dừng ở một khách sạn vừa xây xong bên bãi biển hoang vắng mà cơ quan đã đặt trước phòng để tôi lưu trú. Đây là khu đang quy hoạch, khách sạn nằm lẻ loi một mình, xa xa có vài ngôi nhà đang xây chưa có người ở, đường dọc biển vắng tanh. Ra khỏi xe, đưa tờ giấy bạc một trăm ngàn để anh tài trả lại. Mở ví đếm tiền trả, anh tài loay hoay vì chẳng đủ tiền lẻ. Tôi cũng chẳng có xu lẻ nào. Anh chạy quanh tìm người đổi tiền. Chợt thấy một người đàn ông đang gò lưng đạp xe đạp chở một cháu nhỏ, chắc là đón cháu đi học về trễ vì thấy trên vai cháu bé có đeo cặp. Mồ hôi nhễ nhại, ông đang vượt qua đám đất đá lổn nhổn tiến đến gần. Tôi vẫy tay, xin đổi tiền. Ông dừng lại, móc ví ra đếm, nhưng cũng không đủ. Tôi lí nhí cảm ơn thì bất ngờ ông ta hỏi, "Cô cần bao nhiêu?". Tôi trả lời, "Tôi đi xe hết hai chục ngàn". Thế là ông ta dúi ngay vào tay tôi tờ hai chục và bảo, "Cô cứ cầm lấy để trả tiền tắc-xi, đừng ngại" rồi đạp xe đi ngay. Tôi chưa kịp phản ứng thì ông và thằng cháu đã đi xa. Tôi cầm tiền trên

tay, ngỡ ngàng vì chẳng biết làm sao mà tìm trả lại.

Đêm ấy lạ chỗ, tôi không sao ngủ được, nằm thao thức nghĩ đến hành vi của những người xa lạ vừa gặp. Người tài xế tắc-xi lái xe theo đường tắt để tôi tiết kiệm được hơn một nửa số tiền. Rồi hai chục ngàn tôi vừa được người lạ cho... Bốn chục ngàn đồng tuy chẳng đáng gì với kẻ lắm của nhưng lại rất lớn đối với người nghèo. Tôi chẳng giàu có gì, cũng chẳng phải kẻ đi ăn xin nhưng là người đang cần giúp đỡ. Ở thành phố này người ta đã sẵn lòng giúp tôi dù họ chẳng biết tôi là ai. Giúp người mà không cần một lời cảm tạ.

Trần trọc cả đêm, tôi lại nhớ về những thành phố du lịch mà tôi đã có dịp đi qua với biết bao kỷ ức buồn vui lẫn lộn...

Một lần ra bến xe, đang lúc tôi ráng sức nâng túi hành lý lên trần xe, bất ngờ có một thanh niên xông đến giúp. Tôi xúc động nói lời cảm ơn. Nhưng thật phũ phàng, gã trả lời lạnh tanh, "Cảm ơn cảm iếc cái gì! Đưa chục ngàn đây!". Bị móc túi trắng trợn, nhưng thân gái dậm trường, đành chịu.

Lần khác, khi xe lửa đến sân ga thành phố đi sản thể giới thì đã gần nửa đêm, tôi gọi xe đưa về khách sạn. Gã lái xe chở tôi đi vòng vèo khắp thành phố, khi dừng lại, tôi phải trả hơn năm chục ngàn tiền xe. Sáng dậy, nhìn ra cổng khách sạn, tôi sững sờ nhận ra nhà ga ngay phía bên kia đường, nếu đi bộ chỉ mất chừng hai phút!

Tôi nghĩ đến hình ảnh những tấm panô trưng đầy rẫy dọc đường quốc lộ từ Bắc chí Nam với bao hình ảnh quảng bá du lịch đầy hấp dẫn. Cảnh đẹp, nụ cười thân thiện... Thế nhưng đâu phải nơi nào cũng hấp dẫn, cũng thân thiện... như những dòng quảng bá ngọt ngào?

Mong sao mọi lữ khách đến bất cứ nơi nào trên đất nước Việt cũng gặp những con người chân thành thân thiện như tôi đã gặp ở Tuy Hòa.

Cũng mong rằng bài viết này sẽ đến tay những người đã giúp tôi ở Tuy Hòa như một lời cảm tạ chân thành tự đáy lòng.■

Văn tế

nạn nhân vụ sập cầu Cần Thơ

VINH BA

LTS: Tai nạn ngày 26-9-2007 trên công trường xây dựng cầu Cần Thơ đã khiến nhiều người phải hy sinh cho sự nghiệp nối hai bờ sông Hậu, góp phần phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tưởng nhớ đến những người đã bỏ mình trong sự kiện đau xót ấy là để chúng ta nhắc nhở nhau, trong khi hưởng thụ thành quả, đừng quên những lúc gian lao; trước những sự hy sinh, hãy hết lòng báo đáp. Văn tế nạn nhân vụ sập cầu Cần Thơ được viết vào lúc tròn ba năm ngày xảy ra tai nạn.

Mãng nghe:

Thời hiện đại xây cầu mở cảng, nối Đông Tây làm một cội quê chung;

Buổi văn minh đắp đập ngăn dòng, biến Nam Bắc thành dăm vùng phố rộng.

Ấy cũng chỉ chuyện thường;

Cớ can chi mạng sống.

Ai hay?

Bao ước mơ đồn đã thâm trầm

Một tai họa hóa ra bi thống!

Cầu Cần Thơ oai hùng vươn bóng dáng, tường năm châu nổi tiếng, chưa thành hình bỗng chốc sập vùi;

Dân Lục Tỉnh khoắc khoải nên trông chờ, mơ một thuở thỏa lòng, thấy dang dở mà đành thất bóng.

Sông Cửu Long triều dậy, tim xót xa, công của hóa ra tro;

Bến Ninh Kiều sóng im, dạ chua chát, vật người chìm dưới móng.

Dẫu biết rằng:

Kỹ sư Nhật Bản, nào mấy ai dám tiếng chê bai;

Công nghệ Phù Tang, chắc lắm kẻ đẩy niềm kỳ vọng.

Công trình thiết kế, bao chuyên gia ngày đêm trắng, suy lại nghĩ đi;

Kế hoạch duyệt phê, nhiều quan chức tháng ngắn tuần dài, trở lên trần xuống.

Trăm thứ máy, máy tính, máy đo, máy dò, máy thử, lo chi mà không đủ khả năng;

Vạn nguồn tiền, tiền dân, tiền nước, tiền mượn, tiền vay, e gì nữa có dư chủ động.

Việc việc bàn xong;

Người người đứng ngóng.

Đám dân cày được phen ngồi cầu, bỏ vườn, bỏ ruộng, tay búa bê, vui kiếp công nhân;

Bọn phu phen có dịp leo giàn, ném giồng, ném đòn, mắt nheo ngăm, trố tài xây dựng.

Theo tiến độ, cầu phẳng phẳng tới, vẫy gọi bờ ngang;

Đúng quy trình, thợ vội vội xây, đóng thêm cọc đứng.

Những ngỡ là cường quốc vinh dân;

Đâu tưởng được thiệt thân tổn mạng.

Bao can khuyến viết xuống, bên thi công, bên quản đốc sao chẳng chút quan tâm;

Mấy khuyến cáo gởi lên, ban tư vấn, ban điều nghiên đã có lời báo động.

Nay việc xảy ra rồi

Dẫu lòng đau ích phổng!

Se sắt nhớ như in:

Sắt thép bỗng ảm ảm đổ xuống, y sao mưa sấm nổ trời cao;

Dầm xà sao rắc rắc gãy đôi, giống hết sợi thừng thiêu lửa nóng.



Gạch bay đá chạy, bê-tông rơi như núi sập đổ tan;
 Thấy rớt trò rơi, ê-kíp loạn tựa bê tuôn ghé sống.
 Kẻ chạy kịp, đầu u trán xước, tay máu đầm đìa;
 Người đi lâu, hồn lạc phách xiêu, cẳng xương lũng lảng.
 Tiếng rên cứu ai mô thăm thiết, dưới sàn, dưới đá, nhìn quanh sao mù mịt bốn bề;
 Lờn trời trần đầu rõ nghẹn ngào, trong nước, trong bùn, nghe cổ cũng hừ hờ tám hướng.
 Xe cứu thương, xe lội nước hun đuôi nhau, kéo tới chốn hiện trường;
 Dân thông tấn, dân phóng viên xốc áo lại, tìm về nơi oan chương.
 Đài báo đưa tin từng phút, tim đập dồn, tai ngơ ngác, dân ngó như gà phồng nước sôi;
 Băng phim truyền ảnh mỗi giờ, mắt hoa lóa, óc rối ren, chủ trông tờ kiến bò chảo nóng.
 Suốt mấy tuần truy tìm ráo riết, lính bộ thợ hầm đào sục sục, hi vọng đen đen tựa đêm đen;
 Bao chục người nằm chết tanh tào, con thơ vợ đại khóc hù hù, khăn tang trắng trắng như tay trắng.
 Ôi thôi!
 Lợi mấy thở than?
 Hay gì cần rằn!
 Ấu số phận đến hồi đen đủi, ngày tứ ly xui có tai bay;
 Hay khúc đời gặp dịp tan tành, giờ hoàng đạo lại không ngõ sống.
 Sống mà nghèo quá khổ, sớm lo tối lảng, vậy là thôi cơm áo dây vò;
 Chết như thế cũng xong, thảng nợ năm nần, kể như thoát bạc tiền trôi trống.
 Trăm vạn việc xót thay người ở lại: quả phụ cô nhi;
 Một hai nguyên chúc cho kẻ ra đi: lai sinh tân mộng.
 Thế giới há trăm côi đều Cực Lạc, đành bạn đây mả hẹp mố con;
 Trần gian hể một giấc tựa Nam Kha, mặc ai đó lầu cao cửa rộng.
 Thôi đừng xét dài dòng lỗi phải, luật quả nhân báo ứng sẽ rành;
 Hãy chăm cầu thanh thần tâm thân, lòng hỷ xả từ bi mới trọng.
 Hoàng thiên hữu nhân, người thiện lương ắt quả phúc vơi vơi;
 Thiện ác đão đầu, lũ lương lão thì lưới trời lồng lộng.
 Nay,
 Bát nhang chén nước, rưới dâng người bị nạn, cấp cấp vãng sanh;
 Mảnh giấy câu văn, viết điều bạn dân nghèo, trùng trùng hảo vọng.
 Hối ơi
 Hồn có hiển linh
 Xin về thượng hưởng! ■

Ta nghe tiếng vọng ngàn xưa

NGUYỄN VĂN HOAN

Ta nghe âm vang giọng Đức Vua.
Phán về nơi Đế đô bậc nhất,
Nơi tụ quy tinh hoa bốn phương trời đất,
Nơi phồn vinh trăm họ quần sinh.
Ý chí của Người là trí tuệ anh minh,
Như vầng Thái dương chiếu nhân gian sáng tỏ,
Cho hiền hòa núi sông, tốt tươi cây cỏ,
Nên muôn dân đồng ứng lời Người.
Nghe tiếng gió reo, cờ, viết rợp trời,
Ào ạt mạn thuyền, sóng xô náo nước,
Muôn vạn trẻ, già gần xa háo hức,
Đón đoàn thuyền nhà Vua về với Đại La.
Ta còn nghe như muôn tiếng reo ca,
Của rừng người xây thành đắp lũy.
Một tòa đô thành soi bóng vào hàng trăm thập kỷ,
Mà sao thành cứ đổ tan theo gió mây!
Dáng đứng Đức Vua còn như vẫn đây,
Ngắm núi, ngắm sông, ngắm trời, ngắm đất,
Núi Nùng là kia và sông giăng ba mặt,
Đây lẽ nào chẳng phải mảnh đất thiêng?
Từ Lý Bôn cho đến Cao Vương,
Tầm nhìn được đo bằng bao thế kỷ,
Đây chính là địa linh, đây thực là phong thủy;
Chỉ còn tại thiên cơ - Vua cầu đến Thiên Đình.
Quảng Lợi Đại vương - trong mây khói - hiển linh.
Dấu chân ngựa thần vẽ thành sức mạnh.
Thành Đại La dựng lên niềm kiêu hãnh.
Thành Đại La lừng lững giữa đất trời.
Thành Đại La vững chãi giữa lòng người.
Bốn mặt còn bốn vị Thần trấn giữ.
Thành Đại La có móng nền lịch sử,
Có cội nguồn, huyết mạch với cha ông:
Cao Sơn Đại vương - Quốc thích của Vua Hùng,
Đã giúp Sơn Tinh thắng Thủy Tinh tình địch,
Đã giúp Vua Lê lập nên chiến tích,



Từ Phụng Hóa về đây trấn giữ phía Nam thành.
Đây! Phía Tây có Linh Lang Thượng đẳng thần,
Đã một thời phò Vua diệt Tống.
Thần là nước, là sông, là trời cao, biển rộng,
Là hồn thiêng chiến đấu chống quân thù.
Phía Bắc thành cần đến Thiên phủ,
Đã có Thần Huyền Thiên Chấn Vũ.
Thần là ánh sao chiếu từ Vũ trụ,
Để xua tan ma quỷ với thiên tai.
Hà Nội - Thăng Long trong trang sử hôm nay.
Cách mạng Mùa Thu cờ hoa rực rỡ,
Chưa trọn niềm vui, tiếng súng thù đã nổ.
Pháp gây hấn điên cuồng - Lòng dân ngút căm hờn.
Mất mảnh đất này - Thà chết còn hơn!
Hà Nội sáng lên 60 ngày đêm khói lửa.
Hà Nội và lòng dân đã biến thành chiến lũy.
Bom ba càng chiến đấu cùng thiết giáp, xe tăng.
Để đến hôm nay trời rộng, đất bằng,
Hà Nội sánh vai cùng năm châu, bốn biển.
Đường đến tương lai - trước mắt ta - hiển hiện,
Và lòng ta nghe tiếng vọng ngàn xưa.



Như không

PHAN NHƯ

Nhật bên đường
Viên ngói vỡ
Đâu biết mặt nào phơi sương
Đâu biết bên nào hứng gió
Đứa bé ném vào vạch ô tròn
Chơi ô ăn quan
Chẳng lường sắp ngửa
Sắp cũng ăn mà ngửa cũng ăn
Cuộc vô tâm
Sá gì đen hay đỏ!

Nước chảy thì đá mòn
Đá cuội vô tình
Chẳng than trách nước
Em bỏ đi mang theo bóng hình em
Tôi chỉ là chiếc gương soi
Không lưu hình giữ bóng
Buồn nhớ em trống vắng
Rồi thôi.

Tái sinh

PHẠM THANH CHƯƠNG

Rồi mai thân xác trở về
Nằm bên bờ cỏ nắng quê nhuộm vàng
Nghe trời trở gió, mùa sang
Lòng đầy an tịnh tìm đang tái sinh.

Tiếng chuông chiều

Mênh mang trong tiếng chuông chiều
Lòng ta với nhẹ bao nhiêu muộn phiền
Nghe đời phúc lạc, bình yên
Mừng như gặp được túc duyên, cội lành.

Bến mê

Phật nói bên kia là Bến mê.
Quay đầu là Bờ giác
Con nhìn lên thấy mây trời lãnh đãng
Nghìn năm sau mây trắng vẫn bay...

Cây và rừng

PHẠM BÁ QUANG

Sông lớn nào không có những dòng sông nhỏ
Nuôi sống cỏ cây muôn loài
Những cánh rừng bạt ngàn cao thấp với những đường dài
Từ mái đầu xanh rồi sương tóc trắng xóa
Nắng chiều mông lung
Xào xạc núi rừng
Bước chân nhẹ mẹ đi, lặng nghe chim hót
Đợi chờ xuân sang, mùa xuân mật ngọt
Ngõ ngàng trông
Người lao công vẫn còng mình dưới mặt trời vì cuộc sống
Tương lai là những gì đã cố lại phá đi
Giữa phố phường người ta lại trồng Cây
Nhưng không phải là Rừng.

Tóc thê

THÁI QUANG HY

Buồn sáng trời còn nắng chang chang, tới trưa mưa gió về lạnh buốt. Khương dựng chiếc xe đạp thồ bên lề đường, chạy vào nấp dưới tấm bạt của hàng nước nơi góc chợ. Tránh được mưa rồi, việc làm đầu tiên là sờ tay nơi túi áo ngực xem tấm ảnh có bị ướt không. Không sao, vì mới hôm qua Khương đã bọc ảnh trong bao ni-lông mới và hàn kín bằng lửa đèn sập.

Chen chúc dưới tấm bạt là đám người co ro gồm mấy đứa nhỏ bán vé số, mấy người buôn thùng bán bưng, thêm vài mẹ già với quang gánh chông chơ. Mẹ bán chè rên rỉ rằng “mưa mô gió nấy, ri còn chè cháo chi nữa”. Cô hàng nước vỗ nhẹ lưng Khương:

- Ngồi uống ly bia nì, anh Ba Sài Gòn! Không thì em không cho núp mưa mô nghe.

- Uống thì uống chứ sợ gì!

- Hi hi, giọng Sài Gòn dễ thương quá hí. Mần một ly bia khổ cho rề hí?

Hơn một năm sống ở Huế rồi mà Khương vẫn chưa hết ngạc nhiên về lời ăn tiếng nói của người dân nơi đây. Thứ bia tự tạo nấu bằng bắp này trong Nam cũng có, nhưng người ta gọi là bia hơi hay bia lên men, không đâu đặt cho nó cái tên *bia khổ* như ở cái đất Thần kinh này. Lại còn hột bo bo ăn độn, trong khi của hàng lương thực gọi là cao lương thì dân Huế gọi là *thê lương*. Ngày tưng tiêng, một người miền Nam như Khương sẽ nghe ngao lời hát nhảm theo giai điệu bài *Chủ Nhật Tươi Hồng* – Beautiful Sunday: “Sáng ăn cơm sườn - Chiều ăn nước tương - Tối leo lên giường - Nằm coi cải lương”; trong khi đó người Huế sẽ ngâm:

Đói lòng ăn hột thê lương,

Ngậm ly bia khổ, ương ương tới chiều.

Chai bia Huda của nhà máy bia Huế giá sáu bảy đồng, còn chai bia khổ to gấp rưỡi giá có hai đồng, còn rề hơn ly cà phê, là thức uống tăng lực bất kể sáng chiều tối của dân xích-lô xe thồ.

Cô hàng nói chuyện cảm khách:

- Anh Ba ở trong Sài Gòn chắc sướng lắm, có uống bia khổ như đây mô hí.
- Tui có ở Sài Gòn đâu, tui làm ruộng ở Sóc Trăng cơ à. Ở trong tui cũng uống rượu để tằm bậy tằm bạ thôi cơ ời.
- Ở trong Nam thì cũng là Sài Gòn thôi. Mà vì rằng anh ra đây ở?
- Vì sao mình đến chốn này. Ừ vì sao nhì. Khương thủng thẳng đáp:
- Thú thiệt với cô, tui ra đây để tìm một người, tìm cả năm rồi mà chưa thấy cô ời.
- Tìm người yêu cũ phải không? Răng lâu ni không nói? Nói em chỉ cho.
- Tui hỏi cũng nhiều người rồi mà chưa ai biết hết. Cô có bao giờ thấy mặt người này chưa?
- Khương thận trọng lấy từ túi áo tấm ảnh bọc trong bì ni-lông, vuốt trôi những giọt nước nhỏ đọng trên mặt ảnh rồi đưa cho cô hàng. Cô cầm cả hai tay và ngắm. Tấm ảnh bán thân một thiếu nữ tuổi chừng mười bảy, với mái tóc vừa chấm ngang vai, mang nét hiền lành tiêu biểu của cô gái Huế, nghĩa là không sắc sảo như người Bắc hay lỗ ló như người Nam. Thiếu nữ mặc áo dài lam, mang huy hiệu bông sen trắng của Gia đình Phật tử. Cô hàng ngắm nghía hồi lâu:
- Thấy ngờ ngợ... nhưng thiệt là em chưa biết. Rứa người ni tên chi, ở mô?
- Cô ấy tên là Mai, trước ở đường Huỳnh Thúc Kháng, gần cầu Đông Ba. Tui gặp cô ấy cách nay cũng mười lăm năm rồi. Lúc đó là thời Phật giáo tranh đấu, cô ấy định tự thiêu nhưng không thành.
- Tự thiêu? Cô hàng im lặng hồi lâu như suy nghĩ và cố nhớ lại điều gì, rồi chợt nói:
- Em đã nhớ... Nhưng khó nói quá, khó nói quá... Chị này đã mất rồi anh à.

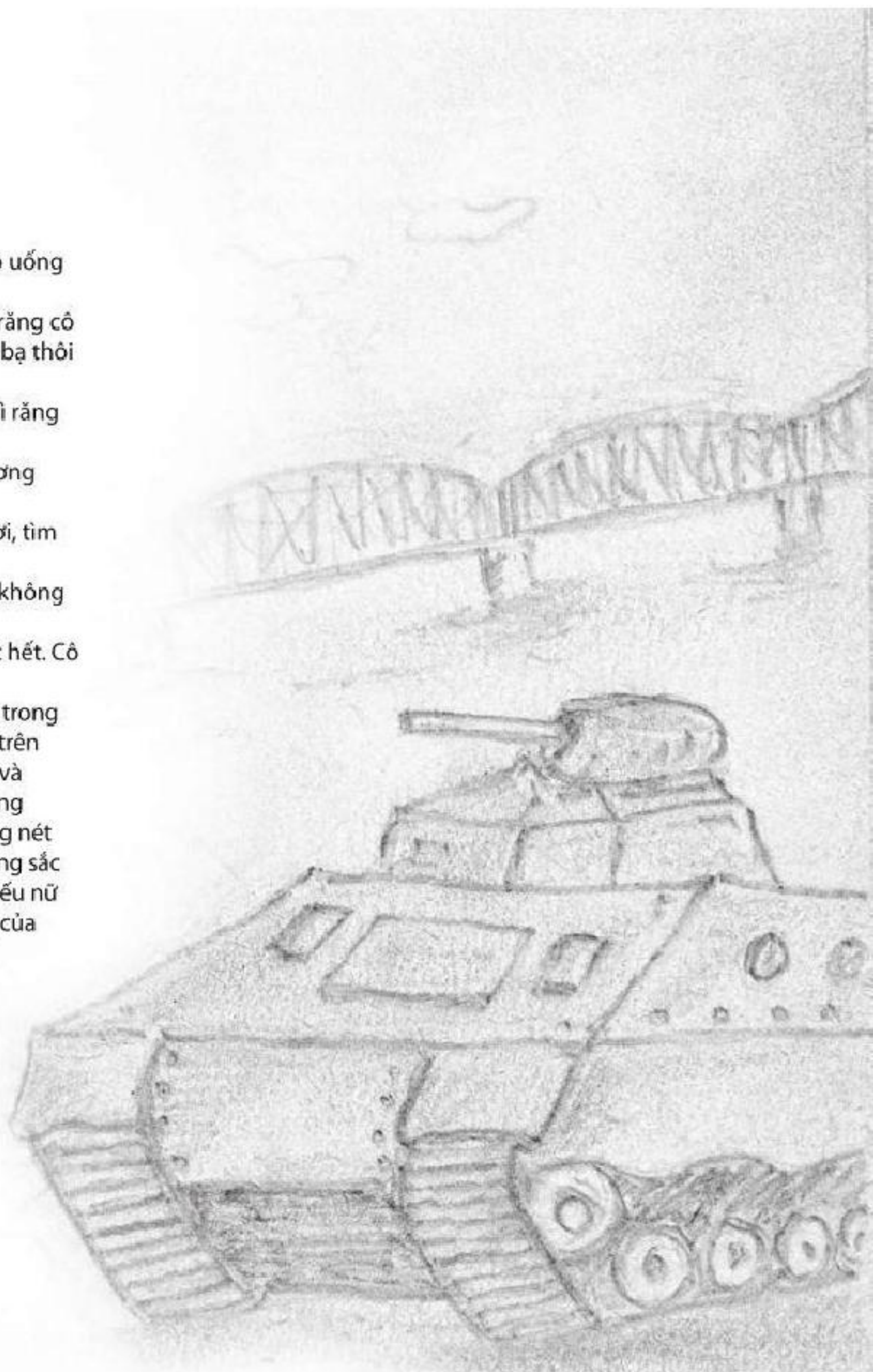
* * *

Suốt tháng Năm năm 66 này Huế sôi động và bất an. Đình công bãi thị liên tục và biểu tình nổ ra hàng ngày chống chính quyền ông Nguyễn Cao Kỳ. Sư đoàn 1 Bộ binh tuyên bố quay súng đứng về phía Phật giáo tranh đấu, tách Huế khỏi chính quyền. Chùa Diệu Đế ngày nào cũng tập trung hàng ngàn người niệm Phật, tuyệt thực, mít-tinh. Thịnh thoảng, một cái chết lại làm bùng thêm ngọn lửa tranh đấu. Tuần trước, ông tướng Cao từ Đà Nẵng ra Huế để lấy lại binh quyền cho chính phủ, trực thăng vừa là xuống sân bay Phú Bài thì bị trung úy Nguyễn Đại Thức thuộc sư đoàn 1 ly khai bắn bằng súng trường. Đáp lại, một tròng đại liên từ trực thăng xả xuống. Thi hài Thức được đưa về chùa Diệu Đế làm lễ cầu siêu, và bên Thanh niên liền lập ra một đơn vị vũ trang

mang tên Chiến đoàn Nguyễn Đại Thức.

Vài ba ngày một lần, Mợ đi chùa Diệu Đế. Còn con Mai đi hàng ngày. Thật ra nó đi chơi chứ biết đấu tranh chi. Tối nào nó cũng xin Mợ đi qua chùa và hứa vẫn làm tròn nhiệm vụ trông em bé cho Mợ. Nghĩa là tay này dắt thẳng Tí Anh tay kia ẵm thẳng Tí Em, đi phăng phăng tới chùa. Cũng không xa nhà là mấy, chùa ở bên kia cầu, trên đường Bạch Đằng, soi bóng xuống dòng Đông Ba. Chùa nằm ở khoảng giữa hai cây cầu cách nhau chưa đầy ngàn mét, cầu Gia Hội màu trắng, cầu Đông Ba màu đen.

Tối nay chùa còn đông gấp bội. Nghe tin đêm qua một chị mới mười bảy tuổi ở Gia đình Phật tử Thành nội đã tự thiêu để nguyện cầu cho đạo pháp. Mai



cùng hai đứa bé chen từng chút một giữa những thanh niên Phật tử mặc đồng phục, những đạo hữu mặc áo tràng, binh lính, và vô vàn dân chúng, cố vào bên trong để nhìn mặt chị Vân.

Một phần sân trước chánh điện được che rạp, đặt linh cữu chị Vân. Các Thầy và đạo hữu đang tụng kinh cầu siêu. Trên bàn thờ, hình chị với gương mặt đẹp hiền hậu, mặc áo dài lam, tóc chấm ngang vai. Mai đứng nhìn hoài, rưng rưng:

- Ôi mái tóc thế! Mái tóc thế!

Nếu hai thằng Tí không đòi về thì Mai còn đứng đó không biết đến bao giờ.

Tuần kế tiếp, tình hình ngày một căng thẳng. Cậu suốt ngày ôm ra-đi-ô nghe đài Phật giáo Tranh đấu, vốn là đài Phát thanh Huế đã bị phe Tranh đấu chiếm giữ, và đài Sài Gòn của phía chính quyền. Nghe tin bên chính quyền đã chiếm lại Ty Cảnh sát, và lính Thủy quân lục chiến từ Đà Nẵng đang tiến ra Huế.

Chiều thứ Hai, Cậu mở ra-đi-ô đài Tranh đấu, thấy có vẻ không bình thường. Hồi lâu chỉ nghe hát đi hát lại mỗi một bài quen thuộc:

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai?
Kẻ thù ta tên nó là hờn căm
Tên nó là hận thù
Tên nó là ghét ghen.*

Bỗng tiếng nhạc ngưng bật, có tiếng cô phát thanh viên mời đồng bào nghe Thấy hiệu triệu, rồi tiếng

Thấy sang sảng cất lên:

- Đồng bào Phật tử thân mến. Thấy đây! Thấy đây! Chính quyền đã đưa Cảnh sát dã chiến và Quân đội ra Huế đàn áp chúng ta. Xin tất cả đồng bào hãy đem bàn thờ Phật ra đường. Mỗi nhà một bàn thờ. Nếu quân đàn áp đến, đồng bào hãy ôm bàn thờ mà khóc! Hãy ôm bàn thờ mà khóc! Đồng bào thân mến...

Nhà Cậu Mợ chỉ thờ tượng Phật nhỏ trên nóc tủ sách chứ không có bàn. Không sao, Cậu bảo đem cái bàn trà ra đường, thỉnh tượng Phật lên và thắp nhang đèn. Mai vừa cùng Cậu bung bàn ra đã thấy cả đường Huỳnh Thúc Kháng và đường Bạch Đằng bên kia sông đầy đặc bàn thờ. Mỗi nhà đặt một bàn trên lề, hướng ra đường.

Chừng một giờ sau, mấy anh thanh niên mang băng đỏ chạy đến ra lệnh:

- Đồng bào đưa bàn thờ xuống đường! Không để trên lề đường!

Đồng bào đưa bàn thờ xuống đường, sát lề, vẫn hướng ra đường. Đến tối, một nhóm thanh niên khác đến bảo:

- Đồng bào đưa bàn thờ ra giữa đường!

Những cái bàn thờ lại rùng rùng xích ra giữa. Bây giờ sinh ra một vấn đề. Bàn thờ cái hướng ra sông, cái nhìn xuôi về phía Bao Vinh, cái nhìn ngược lên cầu Gia Hội, trông lộn xộn quá! Dân phố bàn bạc mãi cách sắp xếp. Hay là sắp từng cặp đầu lưng nhau? Hay là đặt cùng nhìn về hướng chùa Diệu Đế? Cuối cùng, mọi người đồng ý sắp bàn chính giữa đường, cùng nhìn về hướng từ đó Quân đội đàn áp được dự đoán sẽ đến.

Ngày hôm sau, người ta bắt đầu bắc điện, treo đèn kết hoa, làm đẹp cho những cái bàn thờ. Nhà ông La Ngu người Hoa có bàn thờ đẹp nhất đường Huỳnh Thúc Kháng, trang trí dây đèn chớp chớp, thứ này là hàng mới trong Sài Gòn, ở Huế còn ít người biết. Buổi tối là lúc đẹp nhất. Các bà ra ngồi trước bàn thờ tụng kinh, hoặc đi vòng quanh cả dãy phố và niệm Phật. Lũ trẻ con xem rất thích. Các ông ra ngồi trước hiên nhà vừa ngắm bàn thờ vừa dự đoán kết quả cuộc đấu giữa phe Tranh đấu với phe Chính quyền. Nam thanh nữ tú thì có dịp rủ nhau đi dạo phố ngắm bàn thờ.

Vào ngày thứ mười hai từ khi bàn thờ ra đường, lúc chiều tối, đồng bào nghe tin lính Thủy quân lục chiến đã áp sát cầu Trường Tiền phía bờ Nam, Cảnh sát dã chiến đã đổ ra dọc đường Trần Hưng Đạo, lại nghe nói có cả xe tăng xuất hiện trên cầu Gia Hội. Người ta ra đứng dọc bờ sông Đông Ba ngóng nhìn lên. Từ chùa Diệu Đế chuông gióng vang rền và trống đánh ngũ liên.

Bỗng một loạt tiếng nổ vang lên từ phía cầu Gia Hội cùng với ánh lửa súng phóng lựu lấp lóa. Bà con ùa chạy vào nhà đóng cửa rầm rập. Phút chốc đường hai bên bờ sông Đông Ba không còn một bóng người. Cậu Mợ xem lại trong nhà thấy hai thằng Tí vẫn còn, nhưng con Mai không biết đã biến đâu rồi.



* * *

Trung đội 2 thuộc tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Trâu Điền được rải ra dọc cầu Trường Tiền. Khương đứng gần đầu cầu phía Bắc, phía đường Trần Hưng Đạo. Trên con đường đó bọn Cảnh sát dã chiến bắt đầu dẹp các bàn thờ lên lề đường trong tiếng khóc la của dân chúng. Đứng ở đây thấy rõ đèn điện của dây bàn thờ dọc dài con đường đang tắt dần tắt dần.

Một chiếc xe tăng tiến qua cầu, qua khỏi nơi Khương đứng một chút thì khựng lại vì thấy một cô gái nhỏ nhảu lao ra giữa đường chặn lại. Chiếc tăng như muốn lách qua để đi vòng nhưng không thể được vì lòng cầu rất hẹp.

Cô gái tuổi chừng mười lăm mười sáu, đứng yên như một pho tượng, chỉ thấy ánh mắt long lanh và mái tóc xõa ngang nhẹ vai bay theo làn gió thổi từ sông Hương lên. Tay cô xách chiếc giỏ nhựa màu đỏ.

- Coi chừng con nhỏ ném bom xăng – tên lính bên cạnh nói với Khương.

- Không đâu... Coi bộ nó muốn tự thiêu à nhe. Để tao kéo nó ra!

Cô gái đã lấy trong giỏ ra một chiếc can nhựa, rưới một chất lỏng lên người. Khương phóng tới giật chiếc can, rồi bế xốc cô gái mang qua bên lề cầu. Người cô ướt đầm và sặc mùi dầu hỏa, cô vùng vẫy, vừa khóc vừa kêu:

- Không được dẹp bàn thờ! Không được dẹp bàn thờ!

Bọn lính xúm vào khuyên dỗ cho cô dịu lại. Bị vây quanh bởi đám người mặc đồ rằn ri, mang huy hiệu con trâu điền, lại nói toàn giọng Sài Gòn, cô gái có vẻ hoảng. Tuy nhiên bọn lính tỏ ra rất đàng hoàng, có phần nhiệt tình và cảm mến với cô trên mức bình thường nữa, nên cô dần dần có vẻ yên tâm hơn. Một bác xích lô tình nguyện chở cô về nhà. Khương chỉ nhớ cô có nói tên là Mai, ở đường Huỳnh Thúc Kháng.

Trên đường còn sót lại chiếc giỏ nhựa vừa bị xe tăng cán bẹp. Khương thẩn thờ nhặt lên. Thật kỳ diệu, trong giỏ có một tấm hình còn nguyên vẹn, một gương mặt thiếu nữ với mái tóc thế và ánh mắt nhìn tha thiết.

* * *

Toán lính đi hàng một theo đường Huỳnh Thúc Kháng, quá dốc cầu Đông Ba thì dừng lại đóng chốt. Lúc này mặt trời đã lên cao phía sau lưng chùa Diệu Đế bên kia sông, đường phố không một bóng người, nhà cửa bên đường đóng kín mít. Bọn lính Thủy quân lục chiến trải những tấm pông-sô trên hè phố làm chỗ ngồi.

Một lát, bắt đầu thấy trên đường những người dân

từ hướng Bao Vinh lên với những gánh hàng, nào gạo, rau, chuối *bà lùn*, khoai sắn... Dàn phố hé cửa ra, lúc đầu còn sợ sệt vì thấy lính tráng mặc đồ rằn ri trông dữ tợn quá, nhưng sau đó quen dần, họ ra đường hỏi mua thực phẩm. Đã hơn một tháng không có chợ búa, những gánh hàng nhà quê này là nguồn duy nhất cung cấp thức ăn cho dân thành phố.

Cách vị trí của Khương không đầy chục mét, có hai nhà phố rất tương phản, một cửa tiệm với mặt tiền rất rộng treo bảng hiệu mang cái tên thật lạ, "*La Ngu*", nép kế bên là một tiệm hẹp chưa đầy ba mét, treo tấm bảng nhỏ xíu, sơn bằng tay, "*Tiệm bánh Huế. Bán các loại bánh su-sê, ít đen, măng mận, bánh in. Có nhận đặt bánh*".

Từ trong tiệm bánh, một thiếu phụ cùng một cô gái nhỏ bước ra đường mua hàng. Khương nhận ra cô gái chính là người định tự thiêu đêm qua.

Đây là người thiếu nữ của Khương. Nàng ở ngay đây!

Khương hồi hộp nhìn. Hai người phụ nữ nhanh chóng mua mấy bó rau khoai, một thúng gạo rồi vào nhà. Cánh cửa sắt kéo khép lại.

Khoảng gần trưa, dân chúng dần dần dạn dĩ hơn, nhà bắt đầu hé cửa. Khương đánh bạo đến trước tiệm bánh. Gian nhà trước chật hẹp, vừa đặt cái tủ kính ngang chừng một mét và một chiếc bàn. Bà chủ tiệm bước ra:

- Em có cần chi không?

- Dạ thưa Má, cho con mua bánh.

Bà chủ sẽ sàng trải một khổ nhật trình trên chiếc bàn, sắp lên đó những cái bánh lấy từ trong những cái hộp thiếc mặt kính. Những chiếc bánh in có hình khối chữ nhật nho nhỏ, mỗi loại gói một màu giấy bóng kính khác nhau. Lại có thứ bánh như viên bi lớn, gói kiểu viên kẹo với hai đầu giấy cắt tua. Mảnh giấy như hơi hà tiện quá nên quần chiếc bánh không hết, để lộ một phần bột trắng nõn. Khương hỏi:

- Bánh tròn tròn này là bánh gì vậy Má?

- Bánh *hột sen* đó em. Trong Sài Gòn em có bánh ni không?

Miệng dạ thưa với bà chủ, mà mắt Khương cứ liếc trộm vào trong. Phía sau đó là nhà bếp, hơi tối. Khương thấy người thiếu nữ của mình trong đó, có vẻ như đang phụ làm bánh, bên bếp lửa, trộn bột trong chiếc xanh đồng bằng một mái chèo nhỏ. Nàng thoáng nhìn ra rồi lại cúi xuống chăm chú đánh bột. Khương chỉ thấy một giây ánh sáng từ đôi mắt, đôi mắt trong veo ánh chút lửa hồng.

Bà chủ gói những chiếc bánh trong tờ nhật trình trao cho Khương và nhất định không lấy tiền:

- Có chi mô, mấy em đi lính lương tiền mô...

* * *

Lát sau, mấy thằng bé được ra vỉa hè chơi. Khương lần la làm quen với thằng Tí Anh. Khương gỡ một trang giấy từ cuốn tập học trò, lấy bút bi vẽ biểu diễn cho thằng bé xem. Trước tiên là một mái tóc.

- Anh Khương vẽ chi đó? Thằng Tí Anh tò mò, nó đã mắc bẫy của Khương.

Khương mỉm cười bí mật. Dưới mái tóc dần hiện ra tà áo dài tha thướt.

- A! Anh Khương vẽ cô gái!

Một cô gái Huế chính hiệu nhìn từ phía sau. Vẽ kiểu này rất dễ, vì không phải vẽ mắt mũi gì hết. Bạn của Khương hầu như thằng nào cũng biết vẽ như thế, vì đây là phương pháp tức khắc biến một người lính thành họa sĩ.

Bọn lính bắt đầu chuẩn bị cơm trưa. Hôm nay nhằm ngày mồng Một âm lịch nên cả bọn ăn chay. Bữa cơm có đĩa đậu xào và chai nước tương. Thằng Tí Anh hỏi có vẻ ngạc nhiên:

- Mấy anh ăn chay à?

- Ừ, ăn chay chứ.

Khương đưa bức vẽ cho thằng Tí, dặn nó đem về "tặng cho chị Mai", rồi ăn cơm. Đến chiều, thằng bé đem ra trả lại:

- Chị Mai không chịu nhận. Chị nói anh là "lính đẹp bàn thờ". Em nói anh ăn chay mà. Chị nói "Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối".

Khương than: Trời đất, thiệt là tức! Mà tức cười nữa! Người đầu mà bướng vậy không biết nữa.

Hôm sau, đơn vị Thủy quân lục chiến được lệnh chuyển ra Quảng Trị. Từ đó Khương không có dịp trở lại Huế. Một lần bị thương, sau đó giải ngũ. Khương trở về Sóc Ruộng với mẹ. Suốt mười mấy năm rồi Khương không thân với người phụ nữ nào ngoài mẹ, người lam lũ ngoài ruộng, và cô em ruột suốt ngày miệt mài ngồi may trong mái lá trước sân nhà. Và một người nữa, đó là tấm ảnh người thiếu nữ Khương đã nhặt trên cầu Trường Tiền, dưới đường đi của xe tăng.

* * *

Cô hàng nước rót cho Khương thêm một ly bia rồi nói:

- Anh à. Sự thật là như rứa đó. Em mới chính là người mà anh gặp ở dốc cầu Trường Tiền. Còn tấm ảnh anh mang là của chị Vân. Hồi nớ người ta chuyển tay nhau những tấm ảnh của chị. Chị là một người con gái thiêng liêng của xứ Huế em.

- Hồi đó cô Mai có sợ không?

- Không anh à. Thú thiệt khi về nhà rồi em chỉ sợ Mợ la cái tội ăn cắp dầu hỏa của Mợ thôi. Nhưng Mợ không la chi hết. Sáng hôm sau, Mợ chỉ nói với em: Mai à, mi có muốn tự thiêu thì phải có đủ mười lít xăng chớ một bình dầu hỏa ăn thua chi, với lại phải có đồng bạn bẻ bao bọc cho mi, với lại phải biết cách nữa, chứ như cái ông bên cầu Kho Rèn thì không được mô!

- Cái ông bên cầu Kho Rèn là thế nào?

- Cũng thời tranh đấu đó, có một ông bên An Cựu, không phải đạo Phật nhưng vẫn tự thiêu vì muốn ủng hộ Phật giáo. Ông ra đứng giữa cầu Kho Rèn, chấp tay cầu nguyện, rồi châm lửa đốt mình. Lửa cháy một chập thấy nóng quá, ông bèn nhảy xuống sông luôn. Người ta nói tại vì ông đứng mà không ngồi xếp bằng như bên Phật mình, ngồi thì mới vững và không chạy được. Chuyện tội nghiệp mà cũng tức cười quá ha?

Cô hàng cà phê cười mà mắt cứ rưng rưng. Cô tự rót cho mình một ly bia:

- Thôi anh với em uống một ly. Té ra anh để ý em từ hồi nớ. Nếu gặp nhau dám thành vợ chồng lắm hí. Nhưng chừ em tay bế tay bồng mất rồi. Thời gian qua mau quá anh hí. Anh về à? Ngồi một chút cho tạnh hẳn rồi về anh.

- Thôi cảm ơn cô Mai. Mưa bớt rồi. Với lại tôi thành người Huế rồi, quen với mưa gió rồi.

Cầu Trường Tiền sáu vài mươi hai nhịp

Em qua không kịp tội lỗi anh ơi

Thà rằng không biết thì thôi

Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi cũng buồn.

Khương đạp xe về Huỳnh Thúc Kháng. Những cửa tiệm ở Huế vẫn nhỏ nhắn như xưa. Dòng sông Đông Ba vẫn lặng lẽ chở vài con đò nghèo. Huế rất ít đổi thay, thời gian ở Huế như dừng lại, nhưng đối với Khương nó vẫn dường quá mau. Mười lăm năm rồi Khương đã đi tìm, rồi hôm nay trong phút chốc mục đích tan biến hết, ngập chìm trong phần còn lại một màn sương xứ Huế, một trời khói lửa Quảng Trị, một cánh đồng đều hiu nơi làng quê Sóc Ruộng.

Khương dừng lại bên lề. Đây vỉa hè. Đây ngôi nhà cũ của Mai đã từ lâu đổi chủ. Bà chủ tiệm bánh như một người mẹ hiền nay còn sống không? Và ánh mắt năm xưa đâu rồi?

Trên đường về, Khương lần đầu ghé vào ngôi chùa đã từng mang ngọn lửa của người thiếu nữ mà Khương luôn nghĩ nhớ từng ngày trong suốt bao năm. Rồi trở về qua cầu Trường Tiền. Hơn một năm qua Khương như chưa để tâm thương thức về đẹp của Huế. Người ta nói cầu Trường Tiền là chiếc trâm cài trên mái tóc dòng Hương. Nghĩ đến mái tóc, Khương lại nhớ đến tấm ảnh, nhưng Khương vừa gửi lại nơi chùa Diệu Đế rồi. Bây giờ Khương không cần giữ nó nữa, hình ảnh đã bắt rễ trong tim như cây lúa Mẹ cấy bám chặt xuống cánh đồng Sóc Ruộng, hình ảnh đã biến thành một ngọn lửa nhỏ ấm áp trong lòng.

Huế hôm nay lại có một ngày mang nhiều mùa. Sáng hè nóng rát, chiều đông lạnh giá, và giờ đây là hoàng hôn thu, trời sông cùng một màu tím rất đậm đà mà trong vắt, màu tím đặc biệt của Huế. ■

Hoa phượng ta ngày ấy

Ảnh: Đoàn Trang

PHAN LẠC AN

Tôi đến Thanh Quýt với em một buổi sáng Chủ nhật. Hai đứa đi xe đạp từ Đà Nẵng về thăm người sinh thành ra em trong ngôi nhà ngói một gian hai chái vách gỗ cột gỗ đã lên nước bóng loáng nằm trong khu vườn trồng đầy những bụi hoa phượng ta mà người sinh thành ra em gọi là hoa điệp cúng. Tôi dân Sài Gòn ra Đà Nẵng kiếm ăn, gặp em ở chợ Hàn để rồi biết em đang sống với mẹ đã ly dị, còn cha em ở lại Thanh Quýt nuôi bà nội. Hai đứa đã thân nhau. Tôi đã rủ được em cùng về thăm cha. Và như một định mệnh, khu vườn trồng đầy những bụi hoa phượng ta hay điệp cúng đã trở thành một hình ảnh theo tôi đến mọi phương trời.

Người đàn ông bắt đầu bước vào tuổi lão niên gầy gò suốt ngày luẩn quẩn trong khu vườn làm lụng lật vật để chăm sóc một bà cụ già ngoài bảy mươi mùa lão đã làm tôi xúc động. Tôi xúc động hơn khi nghe câu chuyện của ông. Năm xưa ông là một viên hạ sĩ quan hải quân của chế độ trước, được gửi đi huấn luyện ở

phía bên kia Thái Bình Dương. Trong những chuyến hải hành huấn luyện, ông đã từng đến một nơi gọi là Barbados, một hòn đảo nhỏ trong vùng biển Carribea ở Trung Mỹ, để thấy một loại hoa có mặt trong quốc huy của xứ sở ấy với cái tên Barbados Pride, *niềm tự hào của xứ Barbados*. Ông thấy loại hoa ấy cũng giống như hoa phượng vĩ bên nhà, nhưng thanh nhã hơn, dịu dàng hơn. Từ nhỏ đã được gửi ra Đà Nẵng học tập rồi cũng từ Đà Nẵng được tuyển vào hải quân và được cho sang Mỹ dự huấn luyện, ông không hề biết rằng loại hoa ấy ở nhà mẹ ông vẫn thường hái để cúng Phật vào những ngày rằm hay ngày mồng một. Lúc ấy, ông cũng đã quen với mẹ em, và khi về nước, ông cũng đã giấu được một ít hạt giống với ý định trồng thành cây lấy hoa tặng mẹ em. Những lá thư ông gửi về cho mẹ em chứa đầy hình ảnh loài hoa Barbados Pride khiến mẹ em cũng háo hức muốn biết loài hoa ấy ra sao. Nhưng rồi ông ngỡ ngàng khi thấy ở nhà quê, loại hoa ấy người ta trồng đầy, có nơi gọi là hoa điệp cúng, có người gọi là hoa phượng ta, còn có chỗ

gọi với cái tên văn vẻ hơn, hoa kim phượng. Dù sao thì sự ngây ngô ấy cũng làm cho mẹ em cảm động đủ để hai người nên vợ nên chồng, đủ để em đã ra đời trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam trước đây.

Đất nước hòa bình, ông ra chợ Hàn kiếm sống bằng nghề sửa chữa dụng cụ điện tử và mua bán những mặt hàng điện tử, lúc ấy chỉ là những chiếc đài bán dẫn và một ít máy hát đĩa (phonograph hay gramophone), hay máy quay băng còi hoặc băng hộp (magnetophon). Một lần, bị những người cạnh tranh gài bẫy, ông nhầm lẫn khi mua một lô hàng điện tử dân dụng và bị coi là tiêu thụ hàng gian khiến ông bị bắt giam một thời gian khá dài. Khi ông được tha, mẹ em thay đổi nhiều đến nỗi ông không nhận ra đó là người ngày xưa đã khiến ông cất công giấu hạt giống Barbados Pride đem từ nước ngoài về với ý định trồng tặng. Em theo mẹ, tiếp tục buôn bán ở chợ Hàn, còn ông quay về sống với bà nội em ở Thanh Quýt.

Trong khu vườn của bà nội em, ông trồng đủ loại rau trái bên cạnh những bụi hoa điệp cúng được ông sưu tầm ở nhiều nơi đem về, đủ cả những màu từ đỏ rực đến đỏ cam, đỏ chen trắng vàng, và vàng; những bụi cây sum suê cành nhánh tỏa ra thành một tán rộng, dọc theo cành nhánh chỉ chít những cánh lá thuộc loại lông vũ kép xanh mướt; đầu cành có cả một chùm hoa duyên dáng, mỗi nụ hoa có năm cánh mềm mại, viền cánh hoa có những nếp nhúng chạy quanh, cuống thuôn còn đài hoa hình chiếc muống tỏa rộng ra, trong đó luôn luôn có một cánh hoa nhỏ hơn, có

hình dạng hơi khác, đôi lúc còn có cả một màu khác hẳn màu của bốn cánh còn lại, tất cả cùng che chở cho một chực nhụy hoa vươn dài là lướt trông như đuôi con chim phượng.

Bên cạnh những nụ hoa đã nở là cả một chùm những búp non hình quả trứng, mọng lên những màu đỏ, đỏ cam, đỏ chen trắng vàng hay vàng thật rực rỡ. Cánh hoa điệp cúng trông rất giống hoa phượng vĩ mà người

Anh gọi là flamboyant thường được trồng ở sân trường, có lẽ vì thế mà người mình hay gọi là cây phượng ta.

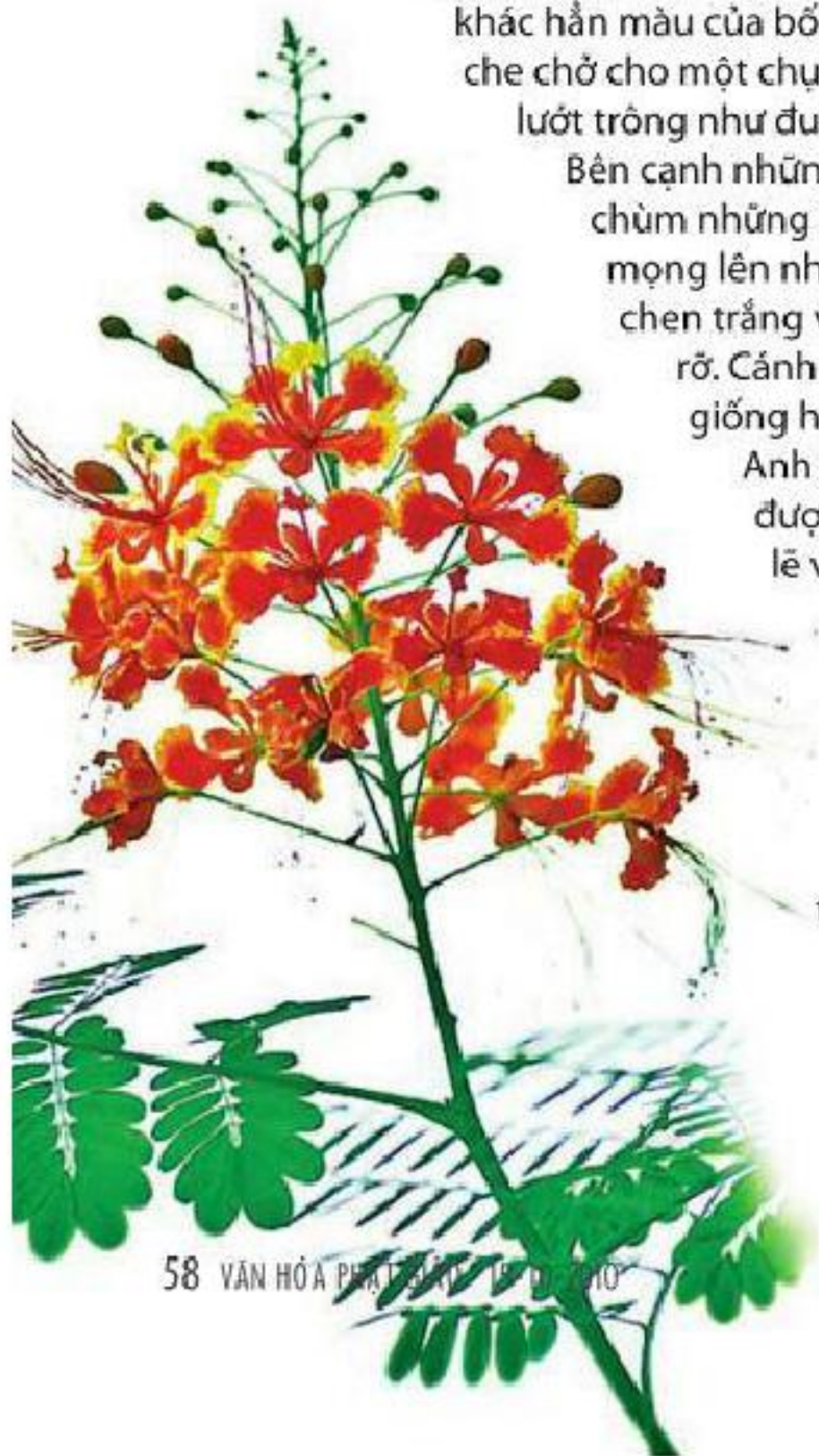
Trò chuyện với ông, tôi biết ông rất thương mẹ con em, nhưng ông không chịu được lối sống đã lệ thuộc quá nhiều vào vật chất và danh vọng mà mẹ con em đã tiếp thu từ một cuộc sống hối hả của thời mở cửa,

lối sống luôn luôn đòi hỏi thể hiện mình. Tôi đã đồng cảm với ông để rồi những lần rủ em về Thanh Quýt mà em không đi, tôi vẫn đi một mình. Đến để được ông sai ra vườn chọn một chùm hoa kim phượng đẹp nhất đem về rồi chính tay ông sắp xếp vào lọ hoa trước khi run run bung đặt lên bàn thờ Phật được thiết trí trang trọng trong gian nhà chính, bấy giờ ông mới thắp lên một nén hương, nếu lúc tôi đến nhằm vào những ngày rằm hay ngày mồng một. Đến để hy vọng mơ hồ rằng ông có thể can thiệp vào *tình bạn-tình yêu* luôn luôn chực chờ những khả năng tan vỡ giữa tôi với em. Và đến để nghe ông kể chuyện. Ông nói rất nhiều về cây hoa điệp cúng. Ông nói rằng loại cây này được trồng ở khắp những vùng nhiệt đới. Đặc biệt, ở Ấn Độ, nó là một loại cây được mọi người ưa chuộng. Ông cho biết vào cuối thế kỷ 17, một nhà thực vật học là ông Andrea Caesalpini đã phát hiện nó trong những khu vườn Ấn Độ và là người đầu tiên mô tả nó nên cây được đặt tên khoa học là "Caesalpinia Pulcherrima", hàm ý giống cây hoa đẹp nhất trong họ cây Ceasalpinia. Ông kể rằng trong truyền thuyết của người Ấn Độ, cây hoa điệp cúng có nhiều liên quan đến thần Shiva nên đó là một giống cây không được xâm phạm. Ông bảo, không biết có phải người mình đã ảnh hưởng truyền thuyết ấy hay không, mà chỉ ở miền Trung vào tới miền Nam, người ta mới dùng loại hoa này cúng Phật. Ông cũng cho biết, suốt một dải miền Trung, hầu như nơi nào người ta cũng trồng hoa phượng ta để dành cúng Phật. Những câu chuyện ông nói, tôi vẫn nhớ.

Thế rồi bà nội em mất. Thế rồi những người dì, người cậu của em cũng phê bình rằng tôi chỉ là một kẻ lòng bông, lãng mạn, thiếu thực tế. Em và mẹ em đều không có một ý kiến dứt khoát. Tất nhiên cha em không hề can thiệp được gì vì em cũng không nhận ra được thái độ nghiêm túc của ông. Cũng đến lúc tôi phải rời Đà Nẵng. Và tôi đã rời Đà Nẵng suốt gần chục năm không một lần quay lại, dù rằng lúc nào tôi cũng nhớ về Thanh Quýt với những bụi hoa điệp cúng và người đàn ông gầy gò sống âm thầm.

Gần chục năm lưu lạc mưu sinh, tôi trở lại Thanh Quýt Điện Bàn nhưng không thể nào nhận diện nổi nơi một thời được chứa đầy trong nỗi nhớ. Cũng đúng thôi khi dù sao tôi cũng chỉ là một chàng rể hột của vùng Thanh Quýt.

Loanh quanh khắp các con đường, tôi chẳng thể nào nhận ra một nét quen thuộc nào của ngày xưa. Chưa tới mười năm mà diện mạo của cả một ngôi làng đã thay đổi. Tôi cũng không tìm thấy ở bất kỳ nơi nào trong làng hình ảnh của một bụi hoa điệp cúng. Khu vườn năm xưa đâu? Người trồng hoa Barbados Pride năm xưa nay đâu? Tôi chợt khao khát tìm ngay một chùm hoa kim phượng để tưởng nhớ về một tấm tình thuần hậu. ■



Màu thu cao nguyên

NGUYỄN THÀNH NGÀ

Người ta thường nói có đủ bốn mùa trong một ngày Đà Lạt. Hẳn điều đó đã được đúc kết từ những cảm nhận tinh tế của hàng vạn du khách. Tuy nhiên, ít ai nói đến *màu thu*, tức màu chiều trong không gian mùa thu thật sự. Một màu xúc động, huyền bí và cô đơn...

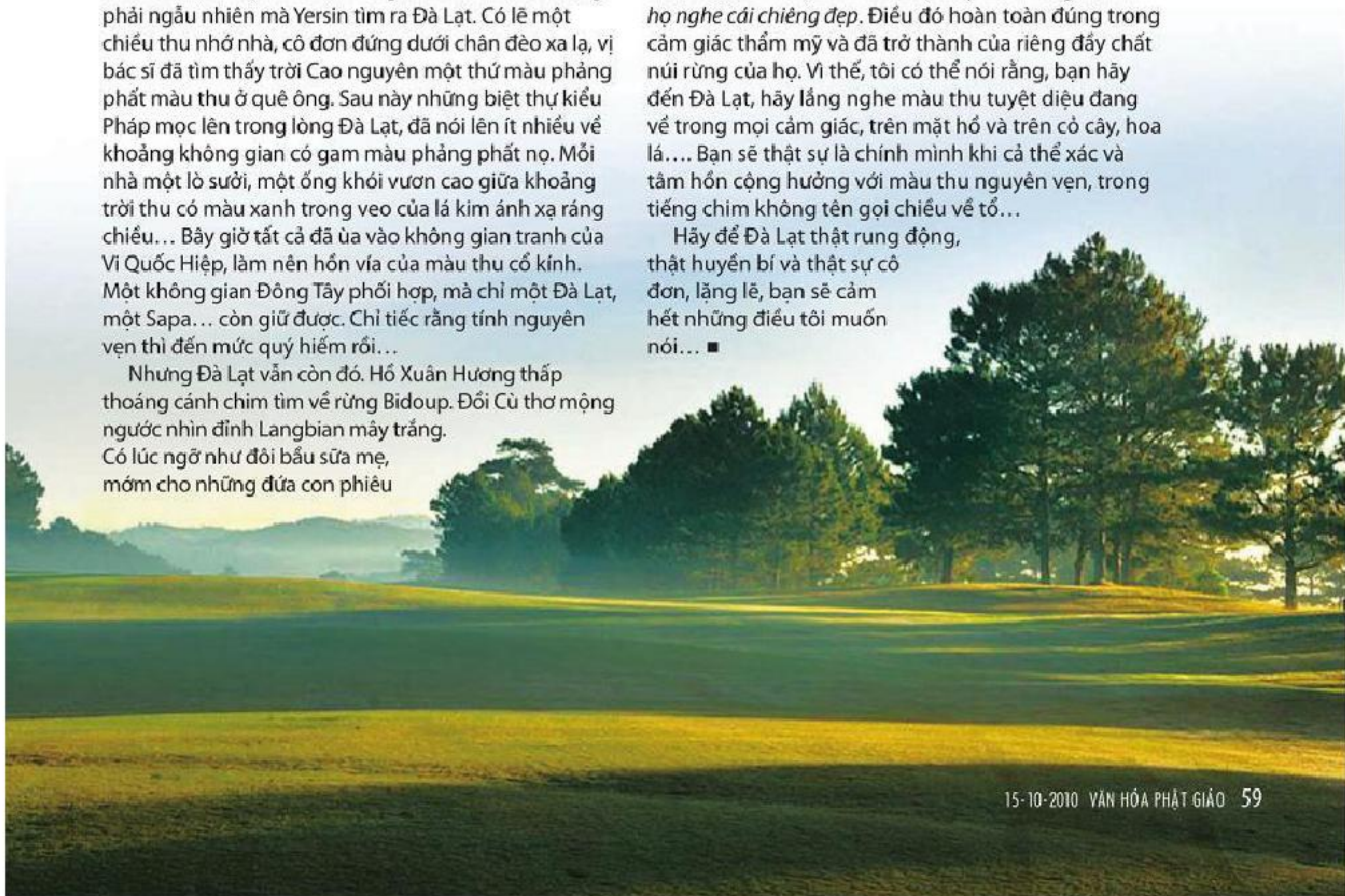
Gần giống như trạng thái thiền. Khi ta rũ bỏ được chút bụi trần gian, đứng một mình nơi tĩnh lặng ngắm chiều rơi trên phố núi, liền nhận ra một *màu lam huyền* rất lặng lẽ. Có lẽ mỗi chiều Đà Lạt đã là thu, lại ở trong tiết mùa thu, nên cái màu dành cho sự cảm thụ này trở nên rất riêng với mỗi người. Có người cả đời ở Đà Lạt, tắt bật áo cơm, rồi đến tuổi "*gió heo may đã về*" mới nhận ra chút màu ám ảnh kia. Có người mới đến đã nhận ra, đã yêu và gắn bó không rời. Ấy là những nghệ sĩ của muôn phương. Họ thu hút dải ánh sáng nọ làm tiếng nói đích thực của hồn mình. Vì vậy, có thể nói Đà Lạt là một trong những nơi đẹp nhất có nhiều văn nghệ sĩ đến "*ở trọ*" trong phố màu huyền bí đó. Họ đến gặp gỡ và thụ hưởng. Và họ đi, vẫn mang trong tiềm thức cái màu một thời làm sống sảng tâm hồn. Không phải ngẫu nhiên mà Yersin tìm ra Đà Lạt. Có lẽ một chiều thu nhớ nhà, cô đơn đứng dưới chân đèo xa lạ, vị bác sĩ đã tìm thấy trời Cao nguyên một thứ màu phẳng phát màu thu ở quê ông. Sau này những biệt thự kiểu Pháp mọc lên trong lòng Đà Lạt, đã nói lên ít nhiều về khoảng không gian có gam màu phẳng phát nọ. Mỗi nhà một lò sưởi, một ống khói vươn cao giữa khoảng trời thu có màu xanh trong veo của lá kim ánh xạ ráng chiều... Bấy giờ tất cả đã ùa vào không gian tranh của Vi Quốc Hiệp, làm nên hồn vía của màu thu cổ kính. Một không gian Đông Tây phối hợp, mà chỉ một Đà Lạt, một Sapa... còn giữ được. Chỉ tiếc rằng tính nguyên vẹn thì đến mức quý hiếm rồi...

Nhưng Đà Lạt vẫn còn đó. Hồ Xuân Hương thấp thoáng cánh chim tìm về rừng Bidoup. Đôi Cù thơ mộng ngược nhìn đỉnh Langbian mây trắng. Có lúc ngỡ như đôi bầu sữa mẹ, mớm cho những đứa con phiêu

làng "*chất người bay đến những chân trời*". Và, không ai không biết một "*Đà Lạt hoàng hôn*" để "*lắng nghe chiều xuống thành phố mộng mơ*" này một màu trời pha loãng cùng tiếng chuông trầm lắng của Linh Sơn tự; hay tiếng chuông rộn rã của tháp nhà thờ Con Gà trôi trong mây. Chỉ bất ngờ thôi, một màu thu lenh loang giữa không gian cô tịch, trùm xuống đôi thông, tràn qua thung lũng, len lỏi qua từng góc phố, bước chân, làm vương vương một chút buồn nhẹ nhẹ...

Tôi biết không bao giờ tôi có thể quên cái cảm giác lần đầu tiên nhận ra màu thu Cao nguyên. Đã vài lần lên tới đỉnh Langbian và chạm mây trắng, nhưng có một lần may mắn nhất được tắm mình trong màu thu tuyệt đẹp. Bởi màu thu hoang dại khó tìm, giữa vô vàn khối màu hiện đại. Và cái vị trí đỉnh núi đặc biệt thoáng dang để cho "*thị giác lắng nghe*" cũng là một độc đáo khác nữa, nếu bạn muốn cả thính giác được "*thu nhìn*" thì hãy lên đỉnh Langbian. Bạn đừng nghĩ tôi đã viết sai khi "*thị giác lắng nghe*" mà "*thính giác thu nhìn*". Đó là cách người bản địa K'ho hoặc người Chil, Mạ cảm nhận đất trời. *Họ thấy cái chiêng nói và họ nghe cái chiêng đẹp*. Điều đó hoàn toàn đúng trong cảm giác thẩm mỹ và đã trở thành của riêng đầy chất núi rừng của họ. Vì thế, tôi có thể nói rằng, bạn hãy đến Đà Lạt, hãy lắng nghe màu thu tuyệt diệu đang về trong mọi cảm giác, trên mặt hồ và trên cỏ cây, hoa lá... Bạn sẽ thật sự là chính mình khi cả thể xác và tâm hồn cộng hưởng với màu thu nguyên vẹn, trong tiếng chim không tên gọi chiều về tổ...

Hãy để Đà Lạt thật rung động, thật huyền bí và thật sự cô đơn, lặng lẽ, bạn sẽ cảm hết những điều tôi muốn nói... ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Tôi có một anh bạn, thân nhau mấy chục năm, đến nay cả hai đều đã bạc tóc nhưng vẫn gọi nhau mày tao; tuy vui tính, thương người, tốt bụng, nhưng lại là một con người hơi hợm đến mức có thể coi là ba hoa cũng được. Anh ta có một đặc điểm là hầu như cái gì cũng biết và sẵn sàng góp ý, chỉ dẫn về... mọi việc. Điều không may là trong mười chuyện anh ta góp ý hay chỉ dẫn thì có tới bảy tám việc... tào lao. Thời còn khó khăn, có lần con một người bạn đau bụng, anh ta lạnh chanh khuyên xay rau má lấy nước cho nó uống, báo hại thằng nhỏ bị “tào tháo đuổi” chạy cõ cờ mất vài ngày. Cách đây hơn một năm, anh ta mang tới cho tôi một tờ báo, bảo rằng tờ báo này có giá trị, đáng đọc. Biết tính bạn mình, tôi quăng tờ báo vào một góc trên kệ sách rồi cũng chẳng nhớ tới. Trong một dịp dọn dẹp nhà cửa, việc chính là để thanh lý giấy tờ, tôi thấy có một tờ tạp chí mà tờ bìa in hình một người đội nón lá lẫn một chuỗi tràng hạt thật to rủ từ trên xuống. Tờ mờ, tôi mới đọc thử và thấy tờ báo thật có giá trị với những bài viết nhẹ nhàng, sâu sắc; chuyển tải giáo lý nhà Phật một cách tinh tế. Từ đó, tôi thường xuyên tìm đọc tạp chí ấy và ngày càng hiểu biết nhiều hơn về đạo Phật; không những thế, các con tôi cũng thích tờ báo và xác nhận đã đọc trong tạp chí nhiều điều ứng dụng được trong cuộc sống. Thật lâu sau, tôi mới nhớ lại hoàn cảnh mà tờ báo ấy rơi vào tay mình. Quả thật, tôi cũng muốn cảm ơn anh bạn, nhưng “hai đứa” thân nhau quá, và quen nói chuyện “thẳng tuốt” với nhau, tự nhiên lại nói lời cảm ơn thì tôi ngượng. Vì thế, qua Văn Hóa Phật Giáo – vàng, tờ báo mà anh bạn tôi mang đến cho tôi năm ngoái chính là tạp chí Văn Hóa Phật Giáo – tôi xin gửi đến người bạn tôi một lời cảm ơn.

Trần Viết Soạn, quận 6, TP. HCM

Má tôi có một người em gái con chú con bác ruột, bọn tôi vẫn hay gọi là dì Tư. Dì hiền lành, không biết buôn bán, góa chồng sớm mà lại không có con; má tôi đón về ở chung, lúc đó ba tôi cũng đã qua đời lâu rồi. Dì giúp má tôi các việc lật vật trong nhà và ít khi ra khỏi nhà. Dì có một thói quen là trước mọi chuyện, dì luôn luôn thốt ra câu “A-di-đà Phật!”. Anh chị em tôi thấy thế thường ghẹo dì, khi thì, “A-di-đà Phật, đi chiên cá thơm quá”, lúc lại, “A-di-đà Phật, con gà xống chuông rồi kìa đi!”. Câu em út tôi mới là láo, nó nói, “Mai đi Đà Lạt, đi nhớ dính giùm con cái khuy áo nghe!”. Những lúc như thế, dì chỉ lắc đầu, nhẹ nhàng bảo, “Mấy cháu chẳng biết Trời Phật gì cả!”. Hôm má tôi bị đột quỵ rồi mất bất ngờ, anh chị em chúng tôi lụy nhụy, phần vì thương mẹ, phần vì không biết phải làm gì. Bấy giờ dì Tư lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh mẹ tôi thành kính niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Em gái tôi thấy thế cũng ngồi xuống hòa tiếng niệm với dì. Tự nhiên, bọn tôi lấy lại được bình tĩnh rồi tất cả anh chị em tôi đều quỳ xuống niệm Phật; dần dần bọn tôi đều thấy thanh thản. Kể đó, dì hướng dẫn bọn tôi lo tang lễ. Sau đại táng má tôi được hơn hai tháng, một hôm, buổi sáng không thấy dì thức dậy, bọn tôi vào buồng thì thấy dì đã tắt hơi thở. Bọn tôi cũng lo tang lễ cho dì như cách thức dì đã lo tang lễ cho má tôi. Tôi thành thật biết ơn dì, bằng cuộc sống bình dị, đã hướng anh chị em tôi đến với đạo Phật một cách hết sức tự nhiên. Hiện nay, anh chị em tôi đều đã có gia đình và đều xây dựng cuộc sống trên tinh thần đạo Phật. Mỗi khi đại gia đình tụ họp, nhìn cảnh đầm ấm, bọn tôi đều nhớ đến dì Tư. Dì ơi, chúng con tin rằng, ở cõi tịnh thổ, dì cũng hài lòng thấy các cháu của dì nhờ có dì mà đều biết hướng thiện.

Phạm Thị Hòa, Tam Bình, Vĩnh Long



Canh a-ti-sô

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Nguyên liệu:

- Hoa a-ti-sô: 1 cái
 - Đậu hũ: 1 bìa
 - Nấm rơm tươi: 100gr
 - Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, dầu ăn

A-ti-sô có nguồn gốc từ miền Nam châu Âu, được người Pháp đưa vào nước ta từ đầu thế kỷ 20. A-ti-sô trồng ở Sa Pa, Tam Đảo và nhiều nhất ở Đà Lạt.

Là loại dược thảo quý, hầu hết các bộ phận của a-ti-sô đều sử dụng được. Có thể dùng làm trà, dược liệu... Đặc biệt hoa a-ti-sô có thể chế biến thành nhiều món ăn rất ngon.

Cách làm:

- Hoa a-ti-sô:

Tách rời từng cánh hoa lớn bên ngoài, rửa sạch. Dùng dao tách bỏ phần nhụy cứng và những cánh hoa nhọn bên trong. Giữ lại phần đế hoa là phần ngon nhất. Cắt miếng vừa ăn, đem hầm.

Hoặc để nguyên cả hoa tách nhẹ từng cánh, rửa kỹ dưới vòi nước chảy mạnh. Chẻ đôi, dùng dao tách bỏ phần nhụy cứng ở giữa. Đem hầm luôn cả đế và cánh hoa. Với

cách này nước canh sẽ có vị hơi đắng nhưng sẽ có nhiều dưỡng chất hơn.

- Đậu hũ: chiên vàng, cắt lát
- Nấm rơm tươi: ngâm nước muối một lúc, gọt chân rửa sạch, chẻ đôi

Ướp nấm, đậu hũ với gia vị và boa-rô xắt nhỏ.

Bắc nồi lên bếp, cho vào một muống súp dầu ăn. Bỏ nấm và đậu hũ đã ướp vào xào thơm. Thả a-ti-sô vào, đổ nước cho ngập hoa. Hầm với lửa nhỏ không cần đậy nắp, đến khi hoa a-ti-sô chín mềm rục là được. Múc ra tô.

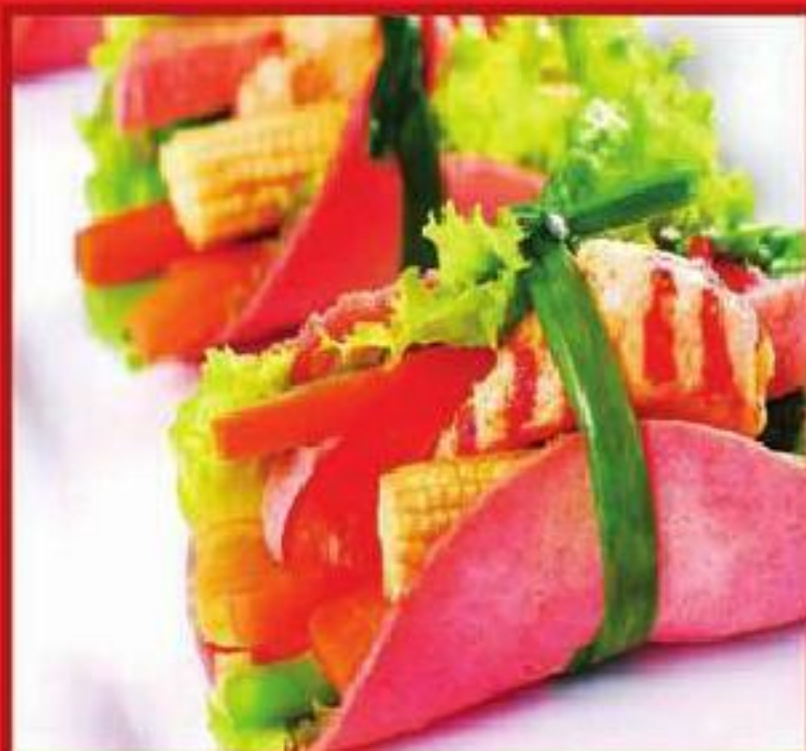
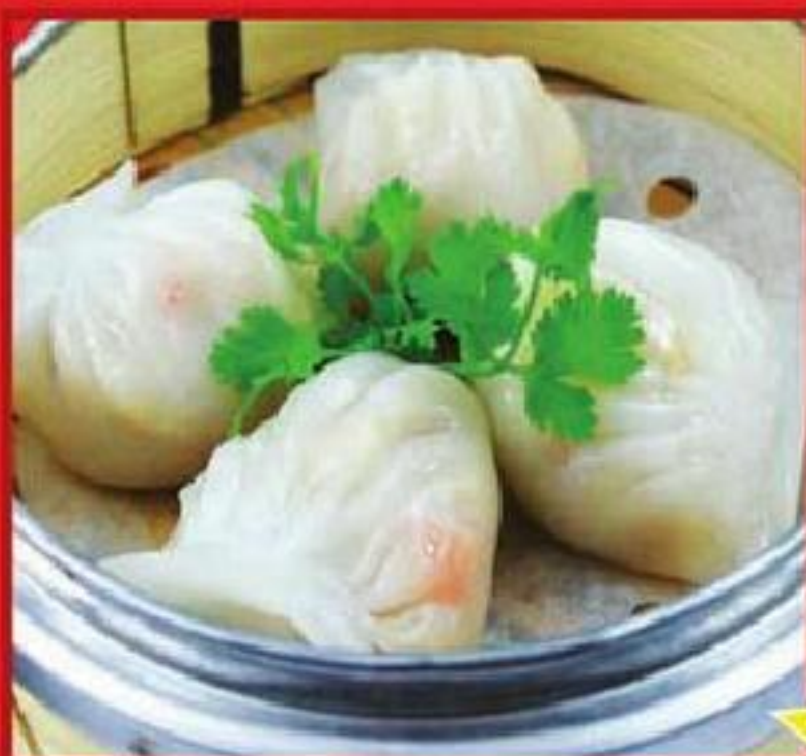


Ảnh: Vó Lọc



NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

Healthy World Vegetarian Restaurant



*ĂN THỎA THÍCH
*THẬT NHIỀU MÓN
*LIÊN TỤC LIÊN TỤC

LẨU BĂNG CHUYỀN CHAY

Chỉ với **90.000** VND / người

FINE DINING:

- 237 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM (Gần ngã tư Hàng Xanh) - Tel: 3899 2923
- 237/6 Đỗ Ngọc Thanh, P.6, Q.11, Tp.HCM - Tel: 3955 9137

LẨU BĂNG CHUYỀN CHAY:

- 63-65 Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, Tp.HCM - Tel: 3894 0211 (Có phục vụ món)
- 239 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3526 2391

SIÊU THỊ PHÁP HOA

www.sieuthiphatgiaovn

Tel: 3845 1828

CHÙA PHỔ QUANG

64/3 Phổ Quang, P.2,
Q.Tân Bình, TP.HCM



PHẬT NGỌC

Buddha Jade Co., Ltd

Email: phatngoc38@yahoo.com - www.phatngoc.vn

ĐỐI DIỆN Tel: 3517 2828

QUAN ÂM TỪ VIỆN PHÚ NHUẬN

40 Củ Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Hiện còn 1 vài mặt dây chuyền
Phật Ngọc Quan Âm từ khối ngọc
POLAR PRIDE

và có phát hành các sản phẩm ngọc
không cùng khối ngọc POLAR PRIDE
mà cùng mỏ ngọc bên Canada

SIÊU THỊ PHẬT NGỌC

Thực phẩm chay, đồ thờ cúng,
 tranh tượng, pháp khí, pháp
phục, tặng phẩm, nhu yếu
phẩm, ấn phẩm Phật giáo, kinh
sách, băng đĩa, chuỗi hạt...

711 LÊ HỒNG PHONG, Q.10
(đối diện VIỆT NAM QUỐC TỰ)
TEL: 397 97 168 - 397 97 138
www.phatngoc.vn



MANI MEDIA®

Thế giới Phật giáo

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MANI

VP: CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phổ Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM

Tel: 39 97 97 88 - Mail: manimedia38@yahoo.com

Mobile: 0933 38 62 38 - Website: www.manimedia.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Tel: 3846 9721 - 0933 38 8668



KINH - LUẬT LUẬN - SÁCH

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8 | Tel: 38 48 32 18 - 38 48 32 28
Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh | Email: toinanthpg@yahoo.com



**DU LỊCH TÂM LINH QUỐC TẾ
NGỌC VIỆT TRAVEL**

www.vietpearl.vn
ngocviet_travel@yahoo.com

Khởi hành hàng tháng:

- VŨ TRƯ TÂM LINH TÂY TẠNG HUYỀN BÍ
- ĐẤT PHẬT ẤN ĐỘ - NEPAL
- VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN
- TỬ ĐẠI PHẬT SƠN TRUNG QUỐC

Tel: 38 48 33 88

TOUR ẤN ĐỘ - NEPAL 11 ngày
khởi hành ngày 19/10/2010 (12/9 ÂL)
khởi hành ngày 12/11/2010 (7/10 ÂL)
TOUR TÂY TẠNG
8 ngày, khởi hành 27/10 (20/9 ÂL)
TOUR BHUTAN
8 ngày, khởi hành 15/11/2010 (10/10 ÂL)

Anh Tấn: 0933 883363 Anh Quang: 0938 061952 C. Thảo: 0958 807665
C. Diệp: 0913 808338



Tel: 38 48 33 99

www.vietchay.vn



Thân
nhẹ
Tâm
an
Miệng
mim
cười

Ngày RẼM Buffet RAU
MỪNG 1 Buffet THIÊN NHIÊN

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
Email: nhahangvietchay@yahoo.com

PHÁP PHỤC

LAM HIỀN®

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...

Shop MAY & VP tại **CHÙA PHỔ QUANG** - 64/3 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình
Tel: (08) 399 77 200 - 0907 010 770 - Email: lamhien38@yahoo.com
Xưởng may tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi, Tp.HCM - Tel: 2247 3388

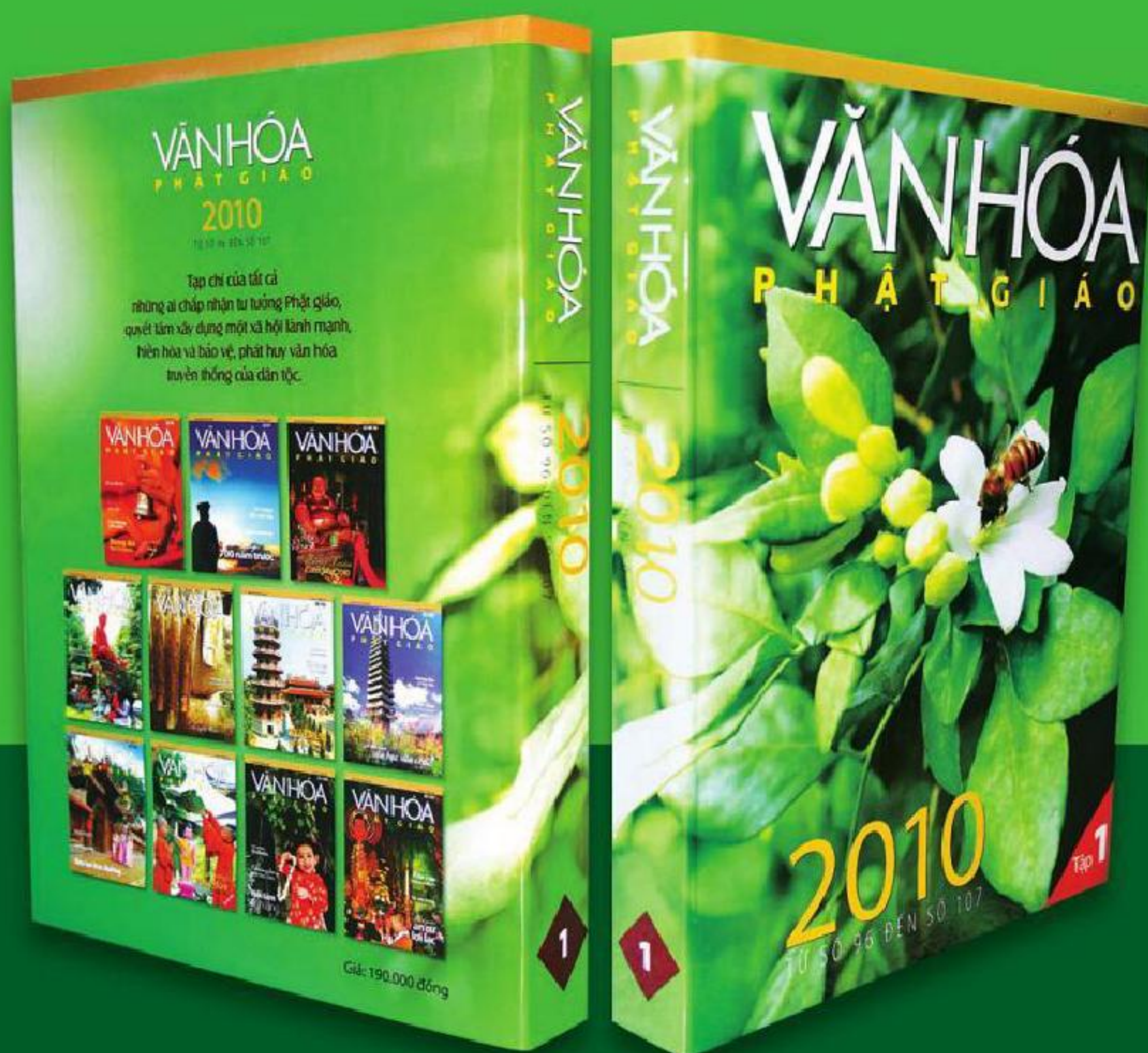


Đang phát hành

Văn Hóa Phật Giáo

đóng bộ **Tập 1** năm 2010

(từ số 96 đến 107)



Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 116

Phát hành ngày 1 - 11 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HA NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tĩnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tĩnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0988 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức:
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngõ Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 078

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIẾN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG